

# BÀI HỌC Giản Yếu



Lớp

2

nhóm lửa việt

Nhà Xuất - bản CÀNH - HỒNG

173, Cô Giang Saigon



Các sách của nhà Xuất Bản «CẨM HỒNG»  
Do nhóm Lửa Việt biên soạn.

Với sự hợp tác thường xuyên của các họa-sĩ:  
Huynh-phú-Nhiều, Vi-Vi, Quách-văn-Phước.

**ĐÃ PHÁT HÀNH:**

- ★ Văn Việt-ngữ.
- ★ Việt-ngữ vui.
- ★ Việt-ngữ các lớp 1, 2, 3, 4, 5.
- ★ Bài học giản yếu các lớp 1, 2, 3, 4, 5.
- ★ 32 bộ đề thi vào lớp 6.
- ★ 202 đề Toán luyện thi vào lớp 6.
- ★ TẬP VIẾT 1, 2, 3, 4, 5.
- ★ Luận-văn các lớp 3, 4, 5.
- ★ TOÁN PHÁP các lớp 3, 4, 5.

**SẼ IN :**

● VIẾT ĐẸP VIẾT ĐÚNG

một bộ sách tập viết luyện cho học-sinh viết đẹp  
và đúng cách.

24/07

nhóm lửa việt

# BÀI HỌC GIẢN YÊU

HOA ẨM  
GIẤU ĐƯỜNG TÙNG  
CHẾ TẾ THỊT - SÚT MÁU HỘT HỌC HÀ

## NHÓM BIÊN SOẠN LỬA-VIỆT

TRẦN-DOAN-ĐỨC  
Giáo-sư Sư-phạm — Trường Sư-phạm  
Saigon

VŨ-NGÔ-MƯU  
Cử nhân Văn-Khoa — Giáo-sư  
Trung-học.

BÙI-NGỌC-TUYỀN  
Giáo-sư Trung-học

NGUYỄN-VĂN-LONG  
ĐÀO-HUY-VINH  
TRẦN-TRỌNG-LẠC  
VŨ-ĐỨC-CƠ

Giáo-học — Tốt nghiệp Sư-phạm

Nhóm Lửa-Việt được sự cộng tác thường xuyên  
của các Họa-sĩ nổi tiếng:  
Vivi, Huỳnh Phú Nghiêm, Cao Đức Thủ, Quách Phước

Đức - dục	90	bài
Sử - ký	60	bài
Địa - lý	60	bài
Khoa - học	56	bài
Vệ - Sinh	32	bài

NHÀ XUẤT BẢN CĀNH HỒNG  
152, Cô Giang Saigon 2 - Đ.T.: 98.929

## LỜI NÓI ĐẦU

Chúng tôi biên soạn cuốn **BÀI HỌC GIẢN YẾU Lớp 2**, với những  
trước vọng thật khiêm nhường.

1— Cung cấp **một tài liệu chính xác và tạm đủ** để qui vị  
giáo chức **tiện dùng** trong việc soạn bài và giảng dạy.

2— Giúp ích tối đa cho các em học sinh trong việc học tập.  
Nhằm nhằm đích ấy, chúng tôi đã cố gắng :

● Soạn cho mỗi môn học **một số bài vừa đủ** dùng cho niên khóa,  
**đúng theo chương trình hiện hành của Bộ Giáo dục.**

● **Bài soạn giản yếu**, song vẫn đầy đủ chi tiết cần thiết.

● **Nhiều hình ảnh** đi liền ngay với bài để **cụ thể hóa bài học**.  
Riêng môn địa lý, các **bản đồ** được vẽ với **dương nét thật đơn giản** và **theo ô giấy vở** học sinh, để các em có thể vẽ lại một cách dễ dàng, nhanh chóng.

Ngoài ra, nhà xuất bản đã cố gắng vượt bậc để sách hoàn toàn in **«off-set»**, hầu đạt được một **hình thức ĐẸP, SÁNG SỦA, RỘ RÀNG**.

Dù cho đã cố gắng rất nhiều, chúng tôi cũng tự biết không tránh khỏi  
những thiếu sót. Ước mong được qui vị đồng nghiệp săn lòng chỉ giáo để  
khi tái bản được hoàn hảo hơn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn qui vị.

Nhóm Biên soạn và Nhà Xuất Bản.

## MỤC - LỤC TỔNG QUÁT

ĐỨC DỤC : Từ trang 6 đến trang 35

QUỐC SỰ : Từ trang 36 đến trang 73

ĐỊA LÝ : Từ trang 74 đến trang 102

KHOA HỌC : Từ trang 103 đến trang 133

VỆ SINH : Từ trang 134 đến trang 151

## MỤC-LỤC

### Đức - dục

Số bài	Tựa bài	Trang	Số bài	Tựa bài	Trang
	<b>Chương I.— RÈN LUYỆN TÍNH TỐT</b>			Giữ bàn ghế	21
1	Tập thể-dục	7	47	Giữ tràng-sạch	21
2	Năng-vận-động	7	48	Giữ-gìn sách-mượn của nhà-trường	21
3	Bạo-dạn	7	49	Khi chào-cờ	22
4	Không-thóc-mách	8	50	Hát-quốc-ca	22
5	Kiềm-thảo	8	51	Kiềm-thảo	22
	<b>Chương II.— BỒN-PHẬN TRẺ TRONG GIA-DỊNH</b>			<b>Chương IV.— BỒN-PHẬN ĐỐI VỚI NGƯỜI NGOÀI</b>	
6	Công-on cha-mẹ	8	52	Đối-với người-dưa-thư	23
7	Cha-di-làm	9	53	Đối-với người-dưa-báo	23
8	Me-làm-việc-nhà	9	54	Đối-với người-hốt-rác	23
9	Cha-mẹ-sản-sóc-con-cái	10	55	Kiềm-thảo	24
10	Lẽ-phép-với-cha-mẹ	10	56	Ăn-nói-từ-lẽ-với-trẻ-con-hàng-xóm	24
11	Vâng-lời-cha-mẹ	10	57	Tập-chơi-chung-với-trẻ-con-hàng-xóm	24
12	Giúp-dỗ-cha-mẹ	11	58	Không-bắt-nạt-trẻ-nhỏ-trong-xóm	25
13	Kiềm-thảo	11	59	Chào-hỏi-người-lớn-tuổi	25
14	Làm-vui-lòng-ông-bà	11	60	Biết-nói-cảm-ƠU	25
15	Hỗn-hạ-ông-bà	12	61	Kiềm-thảo	26
16	Kiềm-thảo	12	62	Không-hái-hoa-trái-ở-vườn-người-khác	26
17	Bồn-phận-anh-chị-em-đối-với-nhau	12	63	Không-viết-bậy-lên-tường-nhà	26
18	Nói-nắng-lẽ-phép-với-anh-chị	12	64	Không-ném-dá-banh-vào-nhà-người-khác	27
19	Coi-sóc-em-nhỏ	13	65	Kiềm-thảo	27
20	Bé-giâi-tú-tế-với-người-giúp-việc	13	66	Không-vất-rác-ra-đường	27
21	Kiềm-thảo	14	67	Không-vất-mảnh-chai-ra-đường	28
22	Yêu-mến-họ-hàng	14	68	Không-vứt-cành-cây-ra-đường	28
23	Họ-hàng-phải-hòa-thuận	14	69	Không-nhỏ-bậy-trên-xe	28
24	Thăm-hồi-họ-hàng	14	70	Không-vứt-rác-trên-xe	28
25	Giúp-dỗ-họ-hàng	15	71	Đậy-thông-rác	29
26	Bệnh-vực-họ-hàng	15	72	Tiễn-hủy-rác	29
27	Kiềm-thảo	15	73	Trồng-của-công-trường-tiểu-học	30
	<b>Chương III.— BỒN-PHẬN TRẺ Ở HỌC-ĐƯỜNG</b>			Trạm-phát-thuốc	30
28	Công-on-thầy	15	74	Nhà-hộ-sinh	30
29	Kính-trọng-thầy	16	75	Phóng-thông-tin	31
30	Yêu-mến-thầy	16	76	Chè	31
31	Vâng-lời-thầy	16	77	Giữ-gìn-các-nơi-công-cộng	31
32	Kiềm-thảo	17	78	Giữ-gìn-đường-sá	32
33	Thương-yêu-bạn	17	79	Không-dào-lỗ-xé-đường	32
34	Chơi-chung-hòa-thuận	17	80	Giữ-gìn-giêng-nước	32
35	Nhường-dỗ-chơi	17	81	Giữ-gìn-ao-bô	33
36	Chơi-thẳng-thắn	18	82	Kiềm-thảo	33
37	Giúp-dỗ-bạn	18		<b>Chương V.— BỒN-PHẬN TRẺ Ở NGOÀI ĐƯỜNG</b>	
38	Sẵn-sàng-cho-hẹn-mượn-dỗ-dùng	18	84	Đi-trên-lề-đường-via-hè-hồ-đất	33
39	Phải-giữ-cần-thiện-dỗ-dùng-mượn-của-bạn	18	85	Đi-bên-mặt	34
40	Mượn-dỗ-dùng-phải-trả-dùng-hẹn	19	86	Không-di-hàng-ba-hàng-ba	34
41	Không-lý-sách-võ-của-bạn	19	87	Đi-xe	34
42	Kiềm-thảo	19	88	Không-dâ-banh-ngoài-đường	35
43	Bô-giấy-vào-thùng-rác	20	89	Không-chơi-giòn-ngoài-đường	35
44	Nhồi-vào-ống-nhỏ-thùng-cát	20	90	Kiềm-thảo	35
45	Đi-tiêu-di-tiêu-dùng-chỗ	20			

## CHƯƠNG I

### Rèn luyện tính tốt

#### I.— TẬP THỂ-DỤC



Ý CHÍNH.— Tập thể-dục thi bắp-thịt nở-nang, gân-cốt-cứng-cáp, người-luôn-luôn-khỏe-mạnh.

Vậy-sáng-nào ta-cũng-nên-tập-thể-dục.

QUYẾT ĐỊNH.— Em-quyết-tập-thể-dục-mỗi-buổi-sáng.

CÂU HỎI.— Tập-thể-dục-có-ích-lợi-gì?  
Buổi-sáng-thức-dậy, ta-nên-làm-gì?

THỰC HÀNH.— Dạy-học-sinh-cách-tập-thể.

#### 2.— NĂNG VẬN-ĐỘNG

Ý CHÍNH.— Người-năng-vận-động-làm-việc-luôn-tay. Năng-vận-động-thì-máu-huyết-lưu-thông, ăn-ngon-ngủ-yên, luôn-luôn-thấy-vui-vẻ.

QUYẾT ĐỊNH.— Em-năng-vận-động-cho-thân-thể-khỏe-mạnh.

CÂU HỎI.— Thể-nào-là-người-năng-vận-động? — Năng-vận-động-thì-có-lich-gi?

THỰC HÀNH.— Cho-học-sinh-choi: « chim-bay, cò-bay ».

#### 3.— BẠO-DẠN

Ý CHÍNH.— Người-bạo-dạn-không-rut-rè, không-sợ-sét-vô-lý.

Học-sinh-nên-tập-tinh-bạo-dạn. Trong-lớp, ta-nên-bạo-dạn-xin-trả-lời-câu-hỏi-của-thầy, cô.

**QUYẾT ĐỊNH.** — Em quyết tập tính bạo dạn.

**CÂU HỎI.** — Thể nào là người bạo dạn? — Trong lớp, mỗi khi thầy cô hỏi, ta nên làm gì?

**THỰC HÀNH.** — Tập cho học sinh khi nói chuyện, đứng thẳng người, tay buông thẳng, mắt nhìn vào người nói chuyện.

#### 4.— KHÔNG THÓC-MÁCH (tọc-mách)

**Ý CHÍNH.** — Học sinh có tính thóc-mách, thường hay rinh mò, hễ thấy bạn có lỗi gì thì mách thầy cô.

Đó là một thói xấu. Vậy ta không nên thóc mách.

**QUYẾT ĐỊNH.** — Em quyết không thóc-mách.

**CÂU HỎI.** — Người học sinh thóc mách thường làm gì? — Tại sao ta không nên thóc mách?

**THỰC HÀNH.** — Nhắc nhở học sinh không nên nghe lỏm chuyện của người rồi học lại với người khác.

#### 5.— KIÈM THẢO

Những trò nào đă :

- Tập thể dục mỗi buổi sáng?
- Làm được những việc vặt ở nhà như quét nhà, lau bàn ghế?
- Trả lời ơn và rõ ràng câu hỏi của thầy cô?
- Không sợ đêm tối?
- Không bao giờ thóc mách?

### CHƯƠNG II

#### Bonds phận trẻ trong gia đình

##### 6.— CÔNG ƠN CHA MẸ

**Ý CHÍNH.** — Cha mẹ sinh ra ta, nuôi-nâng và dạy-dỗ ta nên người. Công ơn cha mẹ thật lớn.

**QUYẾT ĐỊNH.** — Em luôn luôn nhớ ơn cha mẹ.

**CÂU HỎI.** — Ai sinh ra ta? — Ai nuôi-nâng và dạy dỗ ta? — Công ơn cha mẹ thế nào?

**THỰC HÀNH.** — Cho học sinh kể những công ơn của cha mẹ.

★

#### 7.— CHA ĐI LÀM

**Ý CHÍNH.** — Ngày ngày, cha ta phải làm việc. Nhờ vậy, ta mới có cơm ăn áo mặc và được đi học. Vậy ta phải biết ơn cha.

**QUYẾT ĐỊNH.** — Em quyết chăm học để đèn ơn cha em.

**CÂU HỎI.** — Cha em đi làm để làm gì? — Vậy em có bonds phận gì đối với cha?

**THỰC HÀNH.** — Cho học sinh kể lại việc làm hàng ngày của cha.

★

#### 8.— MẸ LÀM VIỆC NHÀ

**Ý CHÍNH.** — Hàng ngày, mẹ phải nấu cơm, giặt giũ quần áo, thu dọn nhà cửa. Ngoài ra, mẹ còn trông nom con cái. Công việc của mẹ thật vất vả.

**QUYẾT ĐỊNH.** — Em luôn luôn ngoan ngoãn để làm vui lòng mẹ em.

**CÂU HỎI.** — Hàng ngày, mẹ em làm gì? — Công việc của mẹ thế nào?

**THỰC HÀNH.** — Cho học sinh kể lại công việc mẹ thường làm ở nhà.

★



## 9.— CHA MẸ SẴN-SÓC CON CÁI

Ý CHÍNH.— Cha mẹ phải lo cho chúng em từ miếng ăn đến giấc ngủ. Cha mẹ còn dạy-dỗ cho chúng em nên người. Khi chúng em đau yếu, cha mẹ lo chạy thuốc thang.

QUYẾT ĐỊNHH.— Em ghi nhớ công ơn cha mẹ đã săn-sóc em.

CÂU HỎI.— Cha mẹ lo cho các em những gì? —Ở nhà, ai dạy-dỗ các em?

THỰC-HÀNH.— Cho học-sinh kể lại khi em bị đau, bà má đã săn-sóc em như thế nào?

## 10.— LỄ-PHÉP VỚI CHA MẸ

Ý CHÍNH.— Cha mẹ sinh ra ta, có nhiều công ơn đối với ta. Ta phải lễ-phép với cha mẹ. Khi nói năng, ta phải thưa gửi. Khi đi đâu, ta phải xin phép.

QUYẾT ĐỊNHH.— Em luôn luôn lễ-phép với cha mẹ.

CÂU HỎI.— Tại sao ta phải lễ-phép với cha mẹ? — Khi muốn đi đâu, ta phải làm gì?

THỰC-HÀNH.— Tập cho học-sinh biết: vâng, dạ, thưa khi nói với người trên.

## II.— VÂNNG LỜI CHA MẸ

Ý CHÍNH.— Cha mẹ hiểu biết hơn ta. Cha mẹ dạy ta điều gì là muốn cho ta hay. Vì thế, ta phải vâng lời cha mẹ.

QUYẾT ĐỊNHH.— Em luôn luôn vâng lời cha mẹ.

CÂU HỎI.— Cha mẹ dạy dỗ ta là muôn cho ta thế nào? — Tại sao ta phải vâng lời cha mẹ?

THỰC-HÀNH.— Cho học-sinh kể lại vài trường hợp các em đã vâng lời cha mẹ.



BÀI HỌC 2

## 12.— GIÚP-ĐỠ CHA MẸ

Ý CHÍNH.— Cha mẹ phải làm-lụng vất-vả, bận-rộn suốt ngày. Ta phải làm giúp cha mẹ những việc vặt như quét nhà, lau bàn ghế, trông nom em...

QUYẾT ĐỊNHH.— Em giúp cha mẹ làm những việc vặt.

CÂU HỎI.— Cha mẹ phải làm-lụng thế nào? — Kèm những việc vặt em thường làm để giúp đỡ cha mẹ.

THỰC HÀNH.— Cho học-sinh kê những việc các em có thể làm để giúp đỡ cha mẹ.



## 13 KIÊM-THẢO

Những trò nào đã:

- Chịu khó uống thuốc mỗi khi đau đớn để cha mẹ vui lòng?
- Luôn luôn nói-nắng lễ-phép với cha mẹ?
- Vâng lời cha mẹ? — Kèm lại những lần em đã vâng lời cha mẹ.
- Thường làm những việc vặt giúp cha mẹ? — Kèm những việc em đã làm.

## 14.— LÀM VUI LÒNG ÔNG BÀ

Ý CHÍNH.— Ông bà dạy bảo điều gì, ta phải vâng lời. Khi ông bà hỏi-han, ta phải nói-nắng lễ-phép. Như vậy là ta làm vui lòng ông bà.

QUYẾT ĐỊNHH.— Em luôn luôn làm vui lòng ông bà.

CÂU HỎI.— Khi ông bà dạy bảo điều gì, ta phải thế nào? — Ông bà hỏi-han ta phải nói-nắng ra sao?

THỰC HÀNH.— Dạy học-sinh cách thưa gửi với ông bà.

## 15.— HẦU-HẠ ÔNG BÀ

Ý CHÍNH.— Ta có bồn-phận hầu-hạ ông bà. Khi ông bà sai bảo điều gì, ta phải làm ngay.

QUYẾT ĐỊNH.— Em sẵn-sàng hầu-hạ ông bà.

CÂU HỎI.— Ta có bồn-phận gì đối với ông bà? — Khi ông bà sai bảo điều gì, ta phải thế nào?

THỰC HÀNH.— Cho học-sinh kê những việc các em có thể làm để hầu-hạ ông bà.



## 16.— KIỀM-THẢO

Những trò nào đã:

- Biết «dẹ» khi ông bà gọi? — Biết «vâng» khi ông bà bảo?
- Biết thưa gửi với ông bà?
- Biết xin phép ông bà khi đi chơi? — Biết thưa ông bà khi đi chơi về?
- Thường hầu-hạ ông bà? — Kê những việc em thường làm để hầu-hạ ông bà
- Vui-vẻ làm ngay khi ông bà sai bảo?

## 17.— BỒN PHẬN ANH CHỊ EM ĐỐI VỚI NHAU

Ý CHÍNH.— Anh chị em cùng cha mẹ sinh ra, phải biết thương yêu, giúp đỡ và bênh-vực lẫn nhau.

QUYẾT ĐỊNH.— Em quyết làm tròn bồn-phận của người em đối với anh chị.

CÂU HỎI.— Anh chị em cùng do ai sinh ra? — Anh chị em có bồn-phận gì đối với nhau?

THỰC HÀNH.— Cho học-sinh kê những việc có thể làm để giúp đỡ anh chị hoặc các em.

## 18.— NÓI NẮNG LỄ PHÉP VỚI ANH CHỊ

Ý CHÍNH.— Anh chị lớn hơn ta, lại có công chăm nom săn-sóc ta. Vậy khi nói với anh chị, phải thưa gửi lễ-phép.

QUYẾT ĐỊNH.— Em luôn luôn lễ-phép với anh chị.

CÂU HỎI.— Anh chị có công gì với ta? — Ta phải nói-nắng với anh chị thế nào?

THỰC HÀNH.— Tập cho học-sinh biết cách xưng hô với anh chị.

## 19.— COI SÓC EM NHỎ

Ý CHÍNH.— Ta là con lớn, nên phải giúp đỡ cha mẹ coi-sóc các em. Em quấy khóc, ta phải dỗ dành. Em dai-dột ta khuyên bảo. Em đor bần, ta tắm rửa và thay quần áo cho.

QUYẾT ĐỊNH.— Em luôn luôn trông nom săn-sóc các em.

CÂU HỎI.— Tại sao ta phải thay cha mẹ coi sóc các em? — Em nhỏ quấy khóc, ta làm thế nào? — Thay em đor bần, ta làm gì?

THỰC HÀNH.— Dạy học-sinh mấy điều cần khi săn-sóc em nhỏ: không cho em chơi những đồ nhọn, dễ nuốt (bi, bạc cốc); đừng cho em ăn nhám.



## 20.— ĐỐI-ĐÃI TỬ-TẾ VỚI NGƯỜI GIÚP VIỆC

Ý CHÍNH.— Người giúp việc trong nhà thường phải làm lung vất-vả để giúp đỡ gia đình ta.

Ta nên nói-nắng dịu-dàng, đối-đãi tử-tế với người giúp việc trong nhà. Khi họ đau yếu, ta phải săn-sóc, thuốc men tử-tế.

QUYẾT ĐỊNH.— Em luôn luôn đối-đãi tử-tế với người giúp việc.

CÂU HỎI.— Người giúp việc trong nhà thường làm những việc gì? — Ta phải đối-đãi với họ ra sao?

THỰC HÀNH.— Cho học-sinh thảo luận: khi nhỡ người giúp việc làm việc gì, ta nói với họ như thế nào.

## 21.— KIÈM THẢO

Những trò nào :

- Biết bệnh vực anh chị em ? (kè lại một trường hợp trò đã bệnh vực em trò).
- Biết nói «thưa anh, thưa chị» khi nói chuyện với anh chị? — Biết «dạ» khi anh chị gọi? — Biết «vâng» khi anh chị bảo điều gì?
- Thường nhường đồ chơi của mình cho em?
- Biết đỡ em khi nó khóc?
- Thường nói-nắng dùi dằng với người giúp việc?

## 22.— YÊU MẾN HỘ HÀNG

Ý CHÍNH.— Người trong họ cùng chung một ông tò, cùng một dòng máu với ta. Vì thế ta phải yêu mến họ hàng.

QUYẾT ĐỊNHH.— Em yêu mến mọi người trọng họ:

CÂU HỎI.— Những người trong họ có gì chung với ta? — Đối với họ hàng ta phải thế nào?

THỰC HÀNH.— Cho học sinh kè lại những bà con trong họ và nói rõ tại sao lại yêu mến những người đó.

## 23.— HỘ HÀNG PHẢI HÒA THUẬN

Ý CHÍNH.— Họ hàng phải luôn luôn vui vẻ với nhau. Muốn vậy, ta phải thành thật, nhường nhịn họ hàng, tránh mọi điều xích-mích.

QUYẾT ĐỊNHH.— Em luôn luôn vui vẻ với người trong họ.

CÂU HỎI.— Họ hàng phải đối với nhau thế nào? — Muốn vậy, ta phải làm gì?

THỰC HÀNH.— Nhắc nhớ học sinh nên nhường nhịn anh em trong họ.

## 24.— THĂM HỎI HỘ HÀNG

Ý CHÍNH.— Ta nên năng đi lại thăm hỏi những người trong họ. Có như vậy mới giữ được tình thân-thiết trong họ.

QUYẾT ĐỊNHH.— Em năng thăm hỏi họ hàng.

CÂU HỎI.— Ta nên năng thăm hỏi, những ai? — Họ hàng năng thăm hỏi nhau thì có lợi gì?

THỰC HÀNH.— Cho học sinh kè lại những dịp đi thăm viếng họ hàng.



BÀI HỌC 2

## 25.— GIÚP ĐỠ HỘ HÀNG

Ý CHÍNH.— Khi người trong họ có việc vui như làm nhà, cưới hỏi... hay việc buồn như hoạn nạn, đau ốm... những bà con trong họ có bồn phận phải lui tới trông nom và giúp đỡ.

QUYẾT ĐỊNHH.— Lúc nào em cũng sẵn sàng giúp đỡ người trong họ.

CÂU HỎI.— Những khi nào chúng ta nên đến giúp đỡ họ hàng? — Tại sao?

THỰC HÀNH.— Cho học sinh kè lại những việc mà em hoặc gia đình em thường làm để giúp đỡ họ hàng.

## 26.— BỆNH VỰC HỘ HÀNG

Ý CHÍNH.— Khi thấy anh em trong họ bị ức hiếp hay bị bắt nạt, ta phải hết lòng bênh-vực.

QUYẾT ĐỊNHH.— Em hết lòng bênh-vực anh chị em trong họ.

CÂU HỎI.— Khi thấy có kẻ bắt nạt anh em trong họ, ta phải làm gì? — Em quyết định thế nào?

THỰC HÀNH.— Cho học sinh kè lại những lần bênh-vực anh chị em trong họ.

## 27.— KIÈM THẢO

Những trò nào :

- Thường đến chơi nhà anh chị em trong họ?
- Biết chào hỏi khi gặp bà con trong họ?
- Thường được theo bà má đi thăm bà con trong họ?
- Thấy bà má giúp đỡ những người trong họ? (kè lại một sự giúp đỡ).
- Bệnh vực anh chị em trong họ khi bị kẻ khác bắt nạt? (kè lại một trường hợp).

## CHƯƠNG III

### Bonds of affection at school

## 28.— CÔNG ƠN THẦY (CÔ)

Ý CHÍNH.— Thầy thương yêu chúng ta như con. Vì vậy thầy hết lòng dạy-dỗ cho chúng ta nên người. Công ơn thầy lớn không kém gì công ơn cha mẹ.

QUYẾT ĐỊNHH.— Em luôn luôn nhớ ơn thầy.

BÀI HỌC 2

CÂU HỎI.— Thầy thương yêu chúng ta thế nào? — Thầy hết lòng làm gì cho ta? — Công ơn thầy lớn thế này?

THỰC HÀNH.— Hỏi học sinh làm gì để tỏ lòng biết ơn thầy.

### 29.— KÍNH TRỌNG THẦY (CÔ)



Ý CHÍNH.— Thầy có công dạy dỗ ta. Vậy ta phải kính trọng thầy, khi gặp thầy, ta chào; khi nói với thầy, ta phải thưa gửi lê-phép.

QUYẾT ĐỊNH.— Em kính trọng thầy như cha mẹ.

CÂU HỎI.— Thầy có công gì với ta? — Khi gặp thầy ta phải làm gì?

THỰC HÀNH.— Tập cho học sinh biết cách chào hỏi thầy cô.

### 30.— YÊU MẾN THẦY (CÔ)

Ý CHÍNH.— Thầy thương yêu và săn sóc ta như con. Ta phải yêu mến thầy như yêu mến cha mẹ. Ta phải chăm học và ngoan ngoãn để khỏi làm phiền lòng thầy.

QUYẾT ĐỊNH.— Bao giờ em cũng yêu mến thầy.

CÂU HỎI.— Ta yêu mến thầy như yêu mến ai? — Muốn tỏ lòng yêu mến thầy, ta làm thế nào?

THỰC HÀNH.— Cho học sinh kể những việc nên làm để tỏ ra yêu mến thầy.

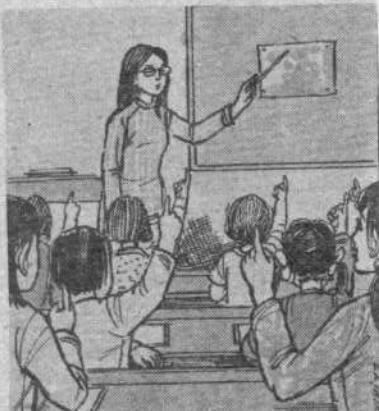
### 31.— VÂNNG LỜI THẦY (CÔ)

Ý CHÍNH.— Thầy học rộng biết nhiều hơn ta. thầy dạy bảo điều gì là muốn cho ta hay. Vậy ta phải vâng lời thầy.

QUYẾT ĐỊNH.— Em luôn tuân theo lời thầy dạy bảo.

CÂU HỎI.— Thầy dạy bảo là muốn cho ta thế nào? — Vậy khi thầy khuyên bảo, ta phải làm gì?

THỰC HÀNH.— Thầy khuyên em chăm học, ngoan ngoãn, lê-phép. Em làm gì để tỏ ra biết vâng lời thầy?



BÀI HỌC 2

### 32.— KIÈM-THẢO

- Khi gặp thầy (cô) em làm gì?
- Trong lớp, em làm gì để tỏ ra ngoan ngoãn với thầy (cô)?
- Thầy (cô) khuyên chăm học. Em làm gì để tỏ ra vâng lời thầy (cô)?

### 33.— THƯƠNG YÊU BẠN

Ý CHÍNH.— Bạn bè cùng học một thầy cũng ví như anh em một nhà. Vì thế phải thương yêu nhau hết lòng.

QUYẾT ĐỊNH.— Em luôn yêu mến bạn bè.

CÂU HỎI.— Bạn bè cùng học một thầy cũng ví như gì? — Đối với bạn bè ta phải thế nào?

THỰC HÀNH.— Hỏi học sinh: làm những gì để tỏ ra thương yêu bạn.

### 34.— CHƠI CHUNG HÒA-THUẬN

Ý CHÍNH.— Chơi chung hòa thuận là khi chơi chung không cãi lùn, không đánh nhau. Chơi chung eo hoà-thuận thì cuộc chơi mới vui vẻ, và không bị bỏ dở.

QUYẾT ĐỊNH.— Em quyết chơi chung hòa-thuận với bạn bè.

CÂU HỎI.— Chơi chung hòa-thuận là thế nào? — Chơi chung hòa-thuận thì có lợi gì?

THỰC HÀNH.— Cho học sinh chơi chung một trò chơi tập thể.



### 35.— NHƯỜNG ĐỒ CHƠI

Ý CHÍNH.— Khi ta có đồ chơi mà bạn thích, ta nên nhường để bạn cùng chơi. Biết nhường đồ chơi cho bạn thì tình bạn bè thêm thân thiết.

QUYẾT ĐỊNH.— Lúc nào em cũng sẵn sàng nhường đồ chơi cho bạn.

CÂU HỎI.— Em có đồ chơi mà bạn thích thì em làm thế nào? — Biết nhường đồ chơi cho bạn thì tình bạn được thêm gì?

THỰC HÀNH.— Khuyên học sinh có đồ chơi nên cho bạn cùng chơi cho vui.

BÀI HỌC 2

### 36.— CHƠI THẮNG-THẮN

Ý CHÍNH.— Chơi thắng-thắn là chơi không ăn gian. Có chơi thắng-thắn mới tránh được sự xích-mích làm tổn thương tới tinh bạn.

QUYẾT ĐỊNH.— Em luôn luôn thắng-thắn khi chơi với bạn.

CÂU HỎI.— Chơi thắng-thắn là thế nào? — Chơi thắng-thắn thì có lợi gì?

THỰC HÀNH.— Cho học-sinh chơi trò bỏ khăn.

### 37.— GIÚP ĐỠ BẠN

Ý CHÍNH.— Bạn bè phải giúp đỡ nhau. Khi bạn không hiểu bài, ta nên giảng giúp. Khi bạn nghỉ học, ta cho bạn mượn sách và đẽ chép bài.

QUYẾT ĐỊNH.— Em sẵn-sàng giúp đỡ bạn.

CÂU HỎI.— Bạn bè phải làm gì cho nhau? — Ta có thể giúp đỡ bạn những gì?

THỰC HÀNH.— Cho bạn mượn vở để chép bài.



### 38.— SẴN-SÀNG CHO BẠN MUỢN ĐỒ DÙNG

Ý CHÍNH.— Khi bạn cần mượn đồ dùng của ta, như gôm, viết chì, thước kẻ... ta nên cho bạn mượn ngay. Như thế là bạn tốt.

QUYẾT ĐỊNH.— Em sẵn-sàng cho bạn mượn đồ dùng.

CÂU HỎI.— Khi bạn hỏi mượn đồ dùng, ta làm thế nào? — Em quyết định ra sao?

THỰC HÀNH.— Khen các học-sinh thường cho bạn mượn đồ dùng.

### 39.— PHẢI GIỮ-GÌN CẦN-THẬN ĐỒ DÙNG MUỢN CỦA BẠN

Ý CHÍNH.— Khi mượn đồ dùng của bạn, ta phải giữ-gìn cần-thận. Làm hư-hỗng hay mất đồ dùng, ta vừa phải mua thường, vừa làm bạn buồn lòng.

QUYẾT ĐỊNH.— Em quyết giữ-gìn cần-thận đồ dùng mượn của bạn.

CÂU HỎI.— Ta phải giữ-gìn đồ dùng mượn của bạn thế nào? — Làm hư hỏng hay mất đồ dùng của bạn, ta phải làm gì?

THỰC HÀNH.— Cho học-sinh thảo luận: khi mượn cuốn sách của bạn, em giữ-gìn thế nào?

### 40.— MUỢN ĐỒ DÙNG CỦA BẠN PHẢI TRẢ ĐÚNG HẸN

Ý CHÍNH.— Mượn đồ dùng của bạn, ta phải trả đúng hẹn. Như thế là ta biết giữ đúng lời hứa với bạn.

QUYẾT ĐỊNH.— Mượn đồ dùng của bạn, em luôn luôn trả đúng hẹn.

CÂU HỎI.— Mượn đồ dùng của bạn, khi dùng xong ta phải làm thế nào? — Trả đúng hẹn là tỏ ra thế nào?

THỰC HÀNH.— Nhắc nhở học-sinh khi mượn của ai vật gì phải nhớ trả đúng hẹn.

### 41.— KHÔNG LẤY SÁCH VỞ CỦA BẠN

Ý CHÍNH.— Khi bắt được sách vở, đồ dùng của bạn bỏ quên hay đánh rơi, ta không được lấy. Lấy như vậy cũng là gian tham.

QUYẾT ĐỊNH.— Khi bắt được sách vở, em quyết đem trả lại cho bạn.

CÂU HỎI.— Khi bắt được sách vở của bạn bỏ quên hay đánh rơi, ta làm thế nào? — Tại sao không được lấy sách vở của bạn?

THỰC HÀNH.— Cho học-sinh thảo luận: nếu bắt được sách vở của người khác, em làm cách nào để trả lại?

### 42.— KIỂM THẢO

Những trò nào đã:

— Thường chơi chung với các bạn trong giờ ra chơi mà không hề gây-lộn, cãi-cọ?

— Cho bạn mượn đồ chơi của mình?

— Không làm hư hay đánh mất đồ dùng mượn của bạn?

— Luôn luôn trả đúng hẹn đồ dùng mượn của bạn?

— Bắt được sách vở của bạn bỏ quên mà trả lại?

### 43.— BỎ GIẤY VÀO THÙNG RÁC

Ý CHÍNH.— Để trường học sạch-sẽ, ta không được vứt giấy ra lớp học hay sân trường. Khi ăn kẹo, bánh, ta phải bỏ giấy hoặc lá vào thùng rác.

QUYẾT ĐỊNH.— Em luôn nhớ bỏ giấy lợn vào thùng rác.

CÂU HỎI.— Ta làm gì để giữ trường học sạch-sẽ? — Khi ăn kẹo, bánh, ta phải bỏ giấy hoặc lá vào đâu?

THỰC HÀNH.— Cho học sinh lượm giấy ở lớp hay sân trường bỏ vào thùng rác.



### 44.— NHỒ VÀO ỐNG NHỒ, THÙNG CÁT

Ý CHÍNH.— Khạc nhò bừa bãi, vừa dơ-dyre vừa hại vệ-sinh chung. Khi cần khạc nhò, ta nhớ nhồ vào ống nhồ hay thùng cát.

QUYẾT ĐỊNH.— Em quyết không khạc nhò bừa bãi.

CÂU HỎI.— Tại sao không được khạc nhò bừa bãi? — Ta phải khạc nhò vào đâu?

THỰC HÀNH.— Tập cho học sinh nhồ vào ống nhồ hay thùng cát khi cần nhồ bột.

\*

### 45.— ĐI TIÊU, ĐI TIÊU ĐÚNG CHỖ

Ý CHÍNH.— Khi đi tiêu, đi tiêu, ta nhớ phải đi vào hố tiêu rồi xối nước cho sạch.

QUYẾT ĐỊNH.— Em nhớ đi tiêu, đi tiêu đúng chỗ.

CÂU HỎI.— Ta phải đi tiêu, đi tiêu ở đâu? — Khi đi tiêu, đi tiêu xong, ta phải làm gì?

THỰC HÀNH.— Chỉ cho học sinh cách ngồi khi đi tiêu.

\*

### 46.— GIỮ BÀN GHÉ

Ý CHÍNH.— Ta không được viết phẩn, vẽ nhảm, đánh đồ mực hoặc khắc chữ lên bàn ghế. Ta cũng không được chạy, nhảy trên bàn ghế. Hằng ngày, ta phải lau chùi bàn ghế cho sạch-sẽ.

QUYẾT ĐỊNH.— Em quyết giữ bàn ghế sạch sẽ.

CÂU HỎI.— Để giữ sạch sẽ bàn ghế, ta không được làm gì? — Muốn cho bàn ghế sạch-sẽ, ta phải làm gì?

THỰC HÀNH.— Cho học sinh nhận xét những bàn ghế dơ, rồi cho lau sạch-sẽ.



### 47.— GIỮ TƯỜNG SẠCH

Ý CHÍNH.— Để giữ vẻ đẹp cho nhà trường, ta không được bôi bẩn hay viết bậy lên tường.

QUYẾT ĐỊNH.— Em không bao giờ bôi bẩn hay viết bậy lên tường.

CÂU HỎI.— Muốn giữ cho trường học đẹp, ta không được làm gì? — Em quyết định thế nào?

THỰC HÀNH.— Ciao học sinh lau những vết dơ, chữ viết, hình vẽ trên tường trong lớp học.



### 48.— GIỮ-GÌN SÁCH MƯỢN CỦA NHÀ TRƯỜNG

Ý CHÍNH.— Sách nhà trường cho mượn, ta phải giữ-gìn cẩn-thận. Ta phải bao bìa, không làm rách và không vẽ bậy lên các trang trong sách.

QUYẾT ĐỊNH.— Em giữ-gìn cẩn-thận sách mượn của nhà trường.

CÂU HỎI.— Ta phải giữ-gìn sách mượn của nhà trường như thế nào? — Muốn cho bìa sách hỏi dơ, ta làm thế nào? — Ta cần phải làm gì để giữ gìn sách mượn của nhà trường?

## 49.— KHI CHÀO CỜ

Ý CHÍNH.— Khi chào cờ, ta phải bỏ mũ, nón và đứng nghiêm. Ta không được nói chuyện, mắt phải hướng về quốc kỳ cho tới khi lễ chào cờ chấm dứt.

QUYẾT ĐỊNH.— Em quyết giữ nghiêm-trang khi chào cờ.

CÂU HỎI.— Khi chào cờ, ta phải giữ thế nào? — Mắt ta phải hướng về lá cờ cho tới khi nào?

THỰC HÀNH.— Tập cho học sinh chào quốc kỳ ngay trong lớp.



## 50.— HÁT QUỐC CA

Ý CHÍNH.— Khi chào cờ, ta phải đứng nghiêm, hát quốc ca cho đúng giọng và đúng lời. Nếu không biết hát, ta phải giữ yên lặng.

QUYẾT ĐỊNH.— Em quyết tập hát quốc ca cho đúng giọng và đúng lời.

CÂU HỎI.— Khi nào ta hát quốc ca? — Nếu không biết hát ta làm gì?

THỰC HÀNH.— Tập cho học sinh hát quốc ca đúng giọng và đúng lời.



## 51.— KIỂM THẢO

— Cho học sinh đứng dậy rồi thầy, cô đến, từng bàn xem có ai vặt giấy hoặc nhô bậy xuống sàn lớp không — Khen hoặc sửa chữa.

— Bảo học sinh đe sách mượn của nhà trường lên bàn, rồi xem sách có được bao cẩn thận không — Nhắc nhở những em nào chưa bao sách.

— Cho một vài học sinh hát bài quốc ca xem có đúng giọng, đúng lời không — Hướng dẫn lại em nào chưa hát đúng giọng và đúng lời.

## CHƯƠNG IV

### Bốn phận đối với người ngoài

#### 52.— ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯA THƯ

Ý CHÍNH.— Người đưa thư thường mang thư-tử, điện-tin đến nhà cho ta. Vậy ta phải chào hỏi tử tế và ngõ lời cảm ơn họ khi nhận thư.

QUYẾT ĐỊNH.— Em chào hỏi tử-tế khi người đưa thư đến nhà.

CÂU HỎI.— Người đưa thư thường mang gì đến cho ta? — Thầy họ, ta phải làm gì?

THỰC HÀNH.— Cho học sinh đóng một kịch ngắn: nhận thư do người đưa thư trao cho.



#### 53.— ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯA BÁO

Ý CHÍNH.— Hằng ngày, người đưa báo đem báo đến tận nhà cho ta. Nhờ đó, ta đỡ mất công đi mua ở xa. Vậy ta nên ngõ lời cảm ơn họ mỗi khi nhận báo.

QUYẾT ĐỊNH.— Em luôn luôn lễ-độ đối với người đưa báo.

CÂU HỎI.— Hằng ngày, ai đưa báo đến tận nhà cho ta? — Khi nhận báo, ta nên làm gì?

THỰC HÀNH.— Cho học sinh đóng kịch: cảm ơn người đưa báo.



#### 54.— ĐỐI VỚI NGƯỜI HỐT RÁC

Ý CHÍNH.— Người hốt rác quét dọn đê đường sá sạch sẽ. Nhờ họ mà ta khỏi phải đem thùng rác đồ ở xa. Vậy ta phải biết ơn họ.



**QUYẾT-ĐỊNH.** — Em biết ơn người hốt rác.

**CÂU HỎI.** — Nhờ ai đường sá được sạch-sẽ ? — Đối với người hốt rác, ta phải thế nào ?

**THỰC-HÀNH.** — Nhắc nhớ học-sinh : a. — Không được vứt rác ra đường.  
b. — Lẽ-dđô với người hốt rác.

### 55.— KIÈM THẢO

Những trò nào dã :

- Biết chào hỏi khi thấy người đưa thư đến nhà ? — Biết cảm ơn khi họ trao thư cho mình ?
- Nói năng lè-phép với người đưa báo ?
- Không xả rác ra đường ? — Có lẽ-dđô đối với người hốt rác ?

### 56.— ĂN NÓI TỬ-TẾ VỚI TRẺ CON HÀNG XÓM

**Ý CHÍNH.** — Khi chơi với trẻ con hàng xóm, ta phải nói năng tử-tế. Ta không được nói tục, chửi thề khiến người khác chê cười.

**QUYẾT-ĐỊNH.** — Em luôn luôn nói năng tử-tế với trẻ con hàng xóm.

**CÂU HỎI.** — Khi chơi với trẻ con hàng xóm, ta phải nói năng thế nào ? — Tại sao ta không được nói tục, chửi thề ?

**THỰC-HÀNH.** — Tập cho học-sinh cách nói năng tử-tế với bạn, bè.

### 57.— TẬP CHƠI CHUNG VỚI TRẺ CON HÀNG XÓM

**Ý CHÍNH.** — Ta nên tập chơi chung với trẻ con hàng xóm để giải-trí và tò-tinh thân-mặt. Khi chơi chung, ta phải nhường-nhịn nhau để tránh sự cãi-vã, gây-lộn.

**QUYẾT-ĐỊNH.** — Em luôn luôn nhường-nhịn khi chơi với bè bạn.

**CÂU HỎI.** — Tại sao ta nên tập chơi chung với trẻ con hàng xóm ? — Muốn tránh sự cãi-lộn trong khi chơi chung, ta làm thế nào ?



**THỰC-HÀNH.** — Nhắc nhớ học-sinh khi chơi chung phải biết nhường-nhịn bạn bè.



### 58.— KHÔNG BẮT-NẠT TRẺ NHỎ TRONG XÓM

**Ý CHÍNH.** — Ta không được cậy-lòn mà bắt-nạt trẻ nhỏ ở trong xóm. Như vậy, ta tránh được sự xích-mích, cãi-lộn khiến cha mẹ phải buồn lòng.

**QUYẾT-ĐỊNH.** — Em quyết không bắt nạt trẻ nhỏ ở trong xóm.

**CÂU HỎI.** — Ta không được cậy-lòn để làm gì ? — Như vậy ta tránh được điều gì ?

**THỰC-HÀNH.** — Cho học-sinh thảo-luận : đối với trẻ nhỏ ở trong xóm, em nên làm gì ?



### 59.— CHÀO HỎI NGƯỜI LỚN TUỔI

**Ý CHÍNH.** — Ở trong xóm có nhiều người lớn tuổi đáng bậc ông bà, cha mẹ, anh chị ta. Khi gặp họ, ta phải chào. Nếu họ hỏi han điều gì, ta phải trả lời lè-phép.

**QUYẾT-ĐỊNH.** — Em luôn luôn chào hỏi người trên.

**CÂU HỎI.** — Trong xóm có nhiều người ngang hàng với ai trong gia đình ta ? — Khi gặp họ, ta phải làm gì ?

**THỰC-HÀNH.** — Tập cho học-sinh biết cách chào hỏi người trên.



### 60.— BIẾT NÓI CÁM ƠN

**Ý CHÍNH.** — Khi được ai giúp đỡ, ta phải nói cảm ơn để tỏ ra là người có giáo-dục.

**QUYẾT ĐỊNH.**— Em nhớ nói cảm ơn người đã giúp đỡ em.

**CÂU HỎI.**— Khi được ai giúp đỡ, ta phải nói làm sao? — Biết nói cảm ơn là người thế nào?

**THỰC-HÀNH.**— Tập cho học sinh biết nói cảm ơn người khác.

## 61.— KIỂM THẢO

Những trò nào đã:

- Thường chơi chung với trẻ con ở trong xóm?
- Không bao giờ bô-nạt trẻ nhỏ hơn mình?
- Biết chào hỏi khi gặp người trên ở trong xóm?
- Biết nói cảm ơn khi được ai giúp đỡ?

## 62.— KHÔNG HÁI HOA TRÁI Ở VƯỜN NGƯỜI KHÁC

**Ý CHÍNH.**— Chủ vườn phải khóc công vun xới, cây cối mới đâm hoa, kết trái. Vậy ta không được hái hoa trái ở vườn người khác.

**QUYẾT-ĐỊNH.**— Em quyết không hái hoa trái ở vườn người.

**CÂU HỎI.**— Muốn có hoa trái, chủ vườn phải làm gì? — Em có quyết định thế nào?

**THỰC HÀNH.**— Cho học sinh thảo luận: muốn có hoa trái ở vườn người, ta làm thế nào?

## 63.— KHÔNG VIẾT BẬY LÊN TƯỜNG NHÀ

**Ý CHÍNH.**— Tường nhà người khác cũng như tường nhà mình, có sạch-sẽ mới đẹp mắt. Vậy ta không được viết bậy lên tường. Đó là một thói xấu nên tránh.

**QUYẾT-ĐỊNH.**— Em quyết không viết bậy lên tường.

**CÂU HỎI.**— Tại sao tường nhà người và tường nhà mình phải giữ sạch-sẽ? — Muốn thế, ta nên tránh làm điều gì?

**THỰC-HÀNH.**— Cho học sinh lau những chữ viết, vết do trên tường lớp học.

## 64.— KHÔNG NÉM ĐÁ, BANH VÀO NHÀ NGƯỜI KHÁC

**Ý CHÍNH.**— Ta không được liêng gạch đá, ném banh vào nhà người khác. Làm như vậy có thể bể kính, bể ngói; hoặc gây thương tích cho người ở trong nhà.

**QUYẾT-ĐỊNH.**— Em quyết không ném đá, banh vào nhà người khác.

**CÂU HỎI.**— Ném đá, ném banh lên mái nhà thì có hại gì? — Lỡ ném trúng người ta thì sao? — Vậy em có quyết định gì?

**THỰC-HÀNH.**— Nhắc nhở học sinh không được chơi liêng đá, không được chơi banh gần nơi có nhà.

## 65.— KIỂM THẢO

— Muốn có hoa, trái của vườn người, em làm cách nào?

— Tại sao không nên viết bậy lên tường? — Khi thấy tường lớp dơ, em làm thế nào?

— Thảm banh rơi trên mái trường có hại gì? — Tại sao ta không được chơi ném đá? — Vì lẽ gì ta không đá banh ở gần nơi có nhà?

## 66.— KHÔNG VẮT RÁC RA ĐƯỜNG

**Ý CHÍNH.**— Để giữ đường sá được sạch sẽ, ta không được vắt rác ra đường. Khi có rác, ta phải bỏ vào thùng có nắp đậy kín.

**QUYẾT-ĐỊNH.**— Em quyết không vắt rác ra đường.

**CÂU HỎI.**— Tại sao không được vắt rác ra đường? — Khi có rác ta phải bỏ vào đâu?

**THỰC-HÀNH.**— Cho học sinh lượm giây ở lớp học, ở hàng ba, ở sân trường.



## 67.— KHÔNG VẮT MÀNH CHAI RA ĐƯỜNG

Ý CHÍNH.— Mành chai ngoài đường có thể làm cho người đi bộ bị thương, khi dẫm phải. Mành chai còn làm thủng vỏ xe, có thể gây ra tai nạn. Vậy ta không được vắt mành chai ra đường.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em quyết không vắt mành chai ra đường.

CÂU HỎI.— Dẫm phải mành chai thì sao? — Tại sao mành chai có thể gây tai nạn cho người đi xe?

THỰC-HÀNH.— Cho học sinh thảo luận: khi làm bể một cái chai ngoài đường, em làm thế nào?

\*

## 68.— KHÔNG VẮT CÀNH CÂY RA ĐƯỜNG

Ý CHÍNH.— Vắt cành cây ra đường làm cản trở sự đi lại. Đôi khi còn gây ra tai-nạn xe cộ. Vậy ta không được vắt cành cây ra đường.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em quyết không vắt cành cây ra đường.

CÂU HỎI.— Vắt cành cây ra đường gây trờ ngai gì? — Em quyết định thế nào?

THỰC-HÀNH.— Cho học sinh thảo luận: thấy cành cây ở ngoài đường, em làm thế nào?

## 69.— KHÔNG NHỒ BẬY TRÊN XE

Ý CHÍNH.— Nhồ bậy trên xe vừa làm mất vệ-sinh chung, vừa làm cho người khác ghê-lởm. Vậy ta không được nhồ bậy trên xe.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em quyết không nhồ bậy trên xe.

CÂU HỎI.— Khi đi xe, ta nên tránh điều gì? — Nhồ bậy trên xe có hại gì?

THỰC-HÀNH.— Nhắc nhớ học sinh không được nhồ bậy trên xe.

\*

## 70.— KHÔNG VẮT RÁC TRÊN XE

Ý CHÍNH.— Xe đô, xe lam.. có nhiều người ngồi chung nên cần được giữ gìn sạch-sẽ. Vậy khi đi xe, ta không được vắt rác trên sàn xe.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em quyết không vắt rác trên xe.

CÂU HỎI.— Tại sao xe đô, xe lam cần được giữ sạch-sẽ? — Khi đi xe, ta nên tránh làm điều gì?

THỰC-HÀNH.— Cho học sinh thảo luận: nếu ăn kẹo, bánh trên xe, em bỏ giấy hoặc lá vào đâu?



## 71.— ĐẬY THÙNG RÁC

Ý CHÍNH.— Khi bỏ rác vào thùng, ta phải đẩy nắp ngay. Như vậy, vừa tránh được ruồi, nhặng mà mùi hôi-thối cũng khỏi xông ra được.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em nhớ **đẩy nắp thùng sau khi bỏ rác vào thùng.**

CÂU HỎI.— Khi bỏ rác vào thùng, em phải làm gì? — Đẩy kín thùng rác thì tránh được gì?



## 72.— TIÊU HỦY RÁC

Ý CHÍNH.— Nếu không đem rác đi xa đỗ, ta phải tiêu hủy rác để tránh mùi hôi-thối, ruồi nhặng và vi-trùng. Muốn tiêu hủy rác, ta phải đốt hoặc chôn vào hố sâu.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em nhớ tiêu hủy rác để giữ vệ-sinh chung.

CÂU HỎI.— Tiêu hủy rác thì có lợi gì? — Muốn tiêu hủy rác, ta làm thế nào?

THỰC-HÀNH.— Cho học sinh quét rác bỏ vào thùng rồi đem đốt.



### 73.— TRỌNG CỦA CÔNG : TRƯỜNG TIỂU-HỌC

Ý CHÍNH.— Trường học là của công. Học sinh phải biết giữ-gìn trường học, không được bôi bẩn lên tường, làm hư bàn ghế, hoặc phá hoại cây cối, của nhà trường.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em quyết giữ-gìn trường học.

CÂU HỎI.— Tại sao ta phải giữ-gìn trường học ? — Muốn giữ-gìn trường học ta phải làm thế nào ?

THỰC-HÀNH.— Cho học sinh tưới cây hoặc lau bàn ghế trong lớp.



### 74.— TRỌNG CỦA CÔNG : TRẠM PHÁT THUỐC

Ý CHÍNH.— Khi tới trạm phát thuốc ta không được xé dịch, làm hư hại bàn và các đồ dùng. Ta cũng không được xả rác hoặc khạc nhò bừa-bãi.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em quyết giữ-gìn trạm phát thuốc ở xóm em.

CÂU HỎI.— Tại sao ta không được xé dịch bàn ghế ở trạm phát thuốc ? — Muốn giữ cho trạm phát thuốc sạch-sẽ ta không được làm gì ?

THỰC-HÀNH.— Cho học sinh thảo luận : khạc nhò bừa bãi ở trạm phát thuốc có hại gì ?

### 75.— TRỌNG CỦA CÔNG: NHÀ HỘ-SINH

Ý CHÍNH.— Tới nhà hộ-sinh, ta phải giữ vệ-sinh chung, không được nô giỡn làm ồn-ào, và có thể làm hư-hại các đồ dùng của nhà hộ-sinh.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em quyết giữ-gìn nhà hộ-sinh ở khu xóm em.

CÂU HỎI.— Nhà hộ-sinh được lập ra để làm gì ? — Khi tới nhà hộ-sinh, ta phải giữ-gìn thế nào ?

THỰC-HÀNH.— Thảo luận : muốn giữ vệ-sinh chung ở nhà hộ sinh ta phải làm thế nào ?

### 76.— TRỌNG CỦA CÔNG : PHÒNG THÔNG-TIN

Ý CHÍNH.— Khi tới phòng thông-tin, ta không được khạc nhò bừa-bãi, làm dơ bẩn bàn ghế. Ta không được làm rách sách báo hoặc xé các bích chương dán ở trên tường.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em quyết giữ-gìn phòng thông-tin nơi em ở.

CÂU HỎI.— Ta đến phòng thông tin để làm gì ? — Khi đến phòng thông tin, ta nên tránh những điều gì ?

THỰC-HÀNH.— Thảo luận : khi đến phòng thông tin xem sách báo xong, ta phải làm gì ?



### 77.— TRỌNG CỦA CÔNG : CHỢ

Ý CHÍNH.— Chợ là nơi dân chúng đến để mua bán. Ta không được làm hư hại các lều quán hay sập hàng. Ta cũng không được xả rác trong chợ.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em quyết giữ-gìn chợ nơi em ở.

CÂU HỎI.— Dân chúng tới chợ để làm gì ? — Tại sao ta không được xả rác ra chợ ?

THỰC-HÀNH.— Nhắc nhớ các học sinh không được vào các quán ở trong chợ để nô-giỡn

### 78.— GIỮ-GÌN CÁC NƠI CÔNG-CỘNG

Ý CHÍNH.— Ở nơi công-cộng như trường học, nhà thương, trạm thông tin... ta không được chơi, ném đá. Ném đá có thể làm bể kính, bể ngói và có thể làm cho người khác bị thương.

**QUYẾT-ĐỊNH.**— Em quyết không ném đá ở những nơi công-cộng.

**CÂU HỎI.**— Kê vài nơi công-cộng.— Tại sao ta không được ném đá ở những nơi công-cộng ?

**THỰC-HÀNH.**— Nhắc nhở học-sinh không được chơi ném đá, đánh banh ở những nơi công cộng.

★

### 79.— GIỮ-GÌN ĐƯỜNG SÁ.

**Ý CHÍNH.**— Đè giữ cho đường sá sạch-sẽ, ta không được vứt rác-rưởi hoặc xác súc vật ra đường.

**QUYẾT-ĐỊNH.**— Em quyết không vứt rác ra đường.

**CÂU HỎI.**— Đè giữ cho đường sá sạch-sẽ, ta không được làm gì ? — Em quyết định thế nào ?

**THỰC-HÀNH.**— Nhắc nhở học-sinh không được vứt rác ra đường

★

### 80.— KHÔNG ĐÀO LỖ, XẺ ĐƯỜNG

**Ý CHÍNH.**— Đường sá đè dân chúng đi lại. Ta không được đào lỗ đè đánh đáo, đánh khääng. Ta cũng không được chơi nạy gạch đá, hay xẻ đường, làm hư hại mặt đường.

**QUYẾT-ĐỊNH.**— Em quyết không đào lỗ ở ngoài đường đè đánh đáo.

**CÂU HỎI.**— Tại sao ta không được đào lỗ, xẻ đường ? — Em quyết định thế nào ?

**THỰC-HÀNH.**— Nhắc nhở học-sinh không được đào lỗ ở ngoài đường đè đánh đáo.

★

### 81.— GIỮ-GÌN GIẾNG NƯỚC

**Ý CHÍNH.**— Giếng nước là nơi người ta đến lấy nước về ăn uống. Ta không được liệng bất cứ vật gì xuống giếng. Ta cũng không được tắm, giặt ở gần miệng giếng đè giếng nước được sạch-sẽ.

**QUYẾT-ĐỊNH.**— Em không tắm, giặt gần miệng giếng.

**CÂU HỎI.**— Người ta lấy nước giếng về làm gì ? — Ta giữ giếng nước sạch-sẽ bằng cách nào ?

**THỰC-HÀNH.**— Cho học-sinh kê những điều cần phải giữ-gìn đè giếng nước sạch-sẽ.

★

### 82.— GIỮ-GÌN AO, HỒ

**Ý CHÍNH.**— Ao, hồ là nơi người ta đến tắm rửa, giặt-giữ. Ta không được liệng rác rưởi hay vứt xác súc-vật xuống đè ao hồ sạch-sẽ.

**QUYẾT-ĐỊNH.**— Em giữ-gìn ao, hồ sạch-sẽ.

**CÂU HỎI.**— Người ta đến ao, hồ đè làm gì ? — Ta giữ-gìn ao, hồ sạch-sẽ bằng cách nào ?

**THỰC-HÀNH.**— Cho học-sinh kê những điều cần phải giữ-gìn đè ao, hồ sạch-sẽ.

★

### 83.— KIÈM-THẢO

Những trò nào đă:

- Thường lượm rác ở lớp học, ở sân trường bỏ vào thùng rác ?
- Không viết bậy và bôi bẩn lên tường ?
- Không nô-giỡn ồn-ào tại các nơi công-cộng như nhà hê-sinh, trạm phát thuốc, phòng thông-tin ?
- Biết giữ giếng nước, ao-hồ sạch-sẽ ?

## CHƯƠNG V

### Bòn-phận trẻ ở ngoài đường

#### 84.— ĐI TRÊN LỀ ĐƯỜNG, VĨA HÈ, BỜ ĐẤT

**Ý CHÍNH.**— Khi đi bộ, ta phải đi sát lề đường, trên vỉa hè hoặc trên bờ đất. Như thế, ta tránh được tai-nạn xe cộ.

**QUYẾT-ĐỊNH.**— Khi đi bộ, em luôn luôn đi sát lề đường, trên vỉa hè hoặc trên bờ đất.

CÂU HỎI.— Khi đi bộ, ta phải đi như thế nào? — Đi trên vỉa hè, ta tránh được gì?

THỰC-HÀNH.— Tập cho học sinh phân biệt thế nào là lề đường, vỉa hè, bờ hanka.

\*

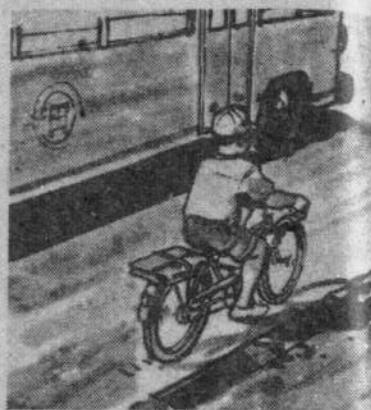
### 85.— ĐI BÊN MẶT

Ý CHÍNH.— Khi đi xe hay đi bộ, ta phải luôn luôn đi bên mặt. Như vậy, ta tránh được tai nạn xe cộ, và không làm cản trở người đi ngược chiều.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em luôn luôn đi bên mặt.

CÂU HỎI.— Đi đường, ta phải đi bên nào? — Đi bên mặt có lợi gì?

THỰC-HÀNH.— Tập cho học sinh đi bên mặt.



### 86.— KHÔNG ĐI HÀNG HAI, HÀNG BA

Ý CHÍNH.— Đi đường, ta không nên đi hàng hai, hàng ba. Đi như vậy, làm cản trở sự lưu thông còn dễ gây tai nạn.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em không bao giờ đi hàng hai, hàng ba ở ngoài đường.

CÂU HỎI.— Đi hàng hai, hàng ba có hại gì? — Em quyết định thế nào?

THỰC-HÀNH.— Lấy lối đi giữa lớp làm đường đi. Tập cho học sinh cách đi đường.

### 87.— ĐI XE

Ý CHÍNH.— Khi đi xe, ta không đứng ở bậc lên xuống, không nghiêng mình, thò đầu và cho tay ra ngoài. Xe ngừng hẳn ta mới lên, xuống. Như vậy, ta tránh được nhiều nguy hiểm.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em chỉ lên xuống xe khi xe ngừng

được.

CÂU HỎI.— Khi đi xe, ta không nên đứng ở đâu? — Ta chỉ lên xuống xe khi nào?

THỰC-HÀNH.— Chỉ cho học sinh cách lên xuống và ngồi trong xe.

### 88.— KHÔNG ĐÁ BANH NGOÀI ĐƯỜNG

Ý CHÍNH.— Đường sá là nơi khách bộ hành và xe cộ đi lại. Ta không được đá banh ở ngoài đường. Đá banh ở ngoài đường làm cản trở sự đi lại và dễ gây ra tai-nạn.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em không bao giờ chơi đá banh ở ngoài đường.

CÂU HỎI.— Đường sá là nơi để làm gì? — Tại sao ta không được đá banh ở ngoài đường?

THỰC-HÀNH.— Nhắc nhở học sinh không được chơi đá banh ở ngoài đường.

### 89.— KHÔNG CHƠI GIƠN Ở NGOÀI ĐƯỜNG

Ý CHÍNH.— Chơi giỗn ở ngoài đường làm cản trở sự đi lại của mọi người. Mải lo chơi giỗn rất dễ bị xe cán. Vậy ta không được chơi giỗn ở ngoài đường.

QUYẾT-ĐỊNHH.— Em không bao giờ chơi giỗn ở ngoài đường.

CÂU HỎI.— Chơi giỗn ở ngoài đường có hại gì? — Em quyết định thế nào?

THỰC-HÀNH.— Nhắc nhở học sinh không được chơi giỗn ở ngoài đường.

### 90.— KIÈM-THẢO

Những trò nào đã:

— Luôn luôn đi sát lề đường, trên vỉa hè khi đi bộ?

— Biết đi bên tay mặt?

— Không thò đầu, cho tay ra ngoài khi đi xe?

— Không bao giờ đá banh hay chơi giỗn ngoài đường?

— Được coi một tai nạn xe cộ? — Hãy kẽ lại về cho biết ý kiêng.

# Chương I

## 1 NGUỒN GỐC NGƯỜI VIỆT THEO TRUYỀN THUYẾT CON RỒNG, CHÁU TIÊN

### Dàn bài

- 1— Vị vua đầu tiên nước ta.
- 2— Nguồn gốc người Việt-nam theo truyền thuyết.

### Bài học

Vua Hùng-Vương làm vua trước tiên ở nước ta. Vua là Lạc long Quân; mẹ là Âu-Cơ.

Theo tục-truyền thì Lạc long Quân và bà Âu-Cơ thuộc dòng-doi rồng và tiên. Do đó, người Việt-nam ta cho mình là con Rồng, cháu Tiên.

### Đau họng

— Ai làm vua trước tiên ở nước ta? — Vua Hùng-Vương con ai? — Lạc long Quân và bà Âu-Cơ thuộc dòng dõi nào? — Do đó, người Việt-nam cho mình là con cháu ai?



Người con ướt đắng bánh dày, bánh chưng (Sự tích bánh dày, bánh chưng)

## 2

### LÒNG HIẾU-THẢO SỰ TÍCH BÁNH DÀY, BÁNH CHƯNG

### ÂI HỌC 2

MỤC-LỤC	
Sử-ký	
<b>Chương I : TRUYỀN CỔ-TÍCH</b>	
1— Nguồn gốc người Việt-nam theo truyền thuyết: CON RỒNG, CHÁU TIÊN.	
2— Lòng hiếu-thảo: SỰ TÍCH BÁNH DÀY, BÁNH CHƯNG	
3— Tình anh em, nghĩa vợ-chồng: SỰ TÍCH TRẦU CAU,	
4— Vững lòng nên nghiệp cả: SỰ TÍCH QUẢ DƯA HẤU	
5— Năm tân bão thù: SƠN-TINH VÀ THỦY-TINH.	
6— Thua mưu, mất nước: CHUYỆN MỸ-CHÂU VÀ TRUNG-THỦY.	
7— Người không-lò: LÝ ỐNG-TRỌNG	
<b>Chương II : ĐẦU TÍCH LỊCH-SỬ</b>	
8— Di-lich cõi xưa: ĐÈN CỎ LOA	
9— Đầu-lich anh-hùng: BỘNG HOA-LU	
10— Bài ôn chương I và chương II	
<b>Chương III : DANH-NHÂN TỪNG VÙNG VĂN-NHÂN, LIỆT-SĨ</b>	
11— Ông Trạng bính-dân: LƯƠNG THẾ VĨNH.	
12— Ông Trạng trung-cang: VÕ CÔNG ĐƯỢC	
13— Ông Trạng giỏi lý số: NGUYỄN BÌNH KHIỂM	
14— Trạng thái-iđông: NGUYỄN-HIỀN.	
15— Thủ đồng nhớ giỏi: LÊ QUÝ ĐÔN	
16— Một bắc quân sự: NGUYỄN-THIẾP	
17— Một bắc túc-nho: VÕ TRƯỜNG TOẢN	
18— Giương tiết-liệt: CHẨN THỊ	
19— Giương trung-liệt: TRẦN PHƯƠNG BÌNH	
20— Séc khoẻ phi thường: LÊ PHUNG HIỀU	
21— Tay không đánh cợp: LÊ VĂN KHÔI	
22— Nữ-sĩ tài cao: BOAN-THỊ ĐIỂM	
23— Nước mắt, vui với cỏ cây: NGUYỄN-KHUYẾN	
24— Một lòng trung, hiếu: NGUYỄN-BÌNH CHIỀU	
25— Một lòng yêu nước: PHAN VĂN TRI	
26— Tài cao phán rìu: BÙI HỒU NGHĨA	
27— Bài ôn chương III	
<b>Chương IV : DANH-NHÂN TỪNG VÙNG, BẶC VÕ-TƯỞNG</b>	
28— Tài đức vẹn toàn: NGUYỄN HUỲNH BỘU	
29— Văn võ kiêm toàn: NGUYỄN HỮU THỌ	
30— Trí dũng hơn người: LÊ VĂN DUYỆT	
31— VI TƯỞNG CƯƠNG-TRỰC LÊ VĂN ĐƯỜNG	
32— Vị chúa, vị dân: NGUYỄN VĂN THÀNH	
33— Một bắc công-thần: TRƯƠNG TẤN BỦU	
34— Bồ-Lâu qặng anh-hùng: BÙI THỊ XUÂN	
35— Bài ôn chương IV	
<b>Chương V : DANH-NHÂN TỪNG VÙNG BẶC VÕ TƯỞNG</b>	
36— Vị nước hy sinh: THỦ KHOA HUÂN	
37— Đốt tàu giặc: NGUYỄN TRUNG TRỰC	
38— Một lòng vì nước: Bổn ông: LONG, THI BỘNG, BƯỚC	
39— Chiến-khu Bồng-tháp-mười: THIEN HỒ DƯƠNG	
40— Chiến-lũy Ba-dinh: DINH CÔNG TRẮNG	
41— Chiến khu Bãi-sẩy: NGUYỄN THIỆN THỦ	
42— Phong trào Bông-du: PHAN BỘI CHÂU	
43— Phong trào Duy-tân: PHAN CHU TRINH	
44— Cuộc nổi dậy i-Yen-hái: NGUYỄN THÁI HỒ	
45— Bài ôn chương V	
<b>Chương VI : DANH-NHÂN LỊCH-SỬ</b>	
46— Cậu bé đánh đuổi giặc Án: PHÙ-DÔNG THIỀN-VƯƠNG	
47— Tồ-quốc trên hè: LŨ.GIA	
48— Thủ chống nợ nước: HAI HÀ TRUNG	
49— Thủ chống nợ nước: HAI HÀ TRUNG	
50— Nữ-nhi cứu nước: BÀ TRIỀU	
51— Nữ-nhi cứu nước: BÀ TRIỀU	
52— Anh-hùng đồng lầy Dạ-trạch: TRIỆU QUÝ PHÚC	
53— NGÔ-QUYỀN	
54— Trần Bạch-dâng: NGÔ-QUYỀN	
55— Bóng cờ lừa: ĐINH TIỀN HOÀNG	
56— Bóng cờ lừa: ĐINH TIỀN HOÀNG	
57— Thị-cử đầu tiên ở nước ta: LY NHÂN TỐN	
58— Phá Tống, binh Chiêm: LY THƯỜNG KIẾM	
59— Một bắc tài-trung: TÔ HIẾN THÀNH	
60— Bài ôn chương VI	

### Dàn bài

- 1— Vua Hùng-Vương truyền các con dâng thức ăn quý.
- 2— Ý-nghĩa của bánh dày, bánh chưng.

### Bài học

Vua Hùng-Vương thứ 6 truyền các con dâng thức ăn quý, quý đế cúng tổ tiên.

Người con út dâng bánh dày, bánh chưng, ngũ công ơn cha mẹ to lớn như trời, đất. Vua khen là hiếu thảo.

### Câu hỏi

— Vua Hùng-Vương thứ 6 truyền các con làm việc gì ?  
Người con út dâng lên vua cha thức ăn gì ? — Khi dâng vua cha hai thứ bánh này, người con út muốn ngũ ý gì ? — Vua có khen người con út thế nào ?

## 3 TÌNH ANH EM, NGHĨA VỢ CHỒNG SỰ TÍCH TRẦU CAU

### Dàn bài

- 1— Nguyên-nhận khiến người em bỏ nhà ra đi.
- 2— Anh tìm em, vợ tìm chồng.

### Bài học

Anh em họ Cao rất giống nhau. Một hôm, người ta dâu nhận làm người em là chồng. Sợ anh hiều làm, người em bỏ đi. Sau chét hoá thành hòn đá vôi.

Người anh đi tìm em, chết thành cây cau. Thủ chồng không về, người vợ đi tìm, chết thành dây trè. Từ đó, trầu cau được dùng trong việc cưới hỏi.

### Câu hỏi

— Anh em họ Cao có gì đặc biệt ? — Một hôm, chị dâu nhầm làm người em là ai ? — Tại sao người em nhà họ Cao nhà ra đi ? — Khi em ra đi, người anh làm gì ? — Thấy chồng không về, người vợ làm gì ? — Kể từ đó, ta có lệ gì ?

## 4 VỮNG LÒNG NÊN NGHIỆP CẢ SỰ TÍCH QUẢ DƯA HẤU

### Dàn bài

- 1— An-Tiêm bị đày ra hoang đảo.
- 2— An-Tiêm trồng được dưa hấu.
- 3— An-Tiêm mang giống dưa hấu về nước.

### Bài học

An-Tiêm tự-hào, cho là tự mình gây nên sự-nghiệp. Vua cha tức giận, đày An-Tiêm ra hoang đảo.

Ở đây, ông trồng được giống dưa hấu và trở nên giàu có.

Sau khi được tha, ông mang hạt dưa hấu về nước trồng.

### Câu hỏi

— Tại sao An-Tiêm bị đày ra hoang đảo ? — Nhờ đâu ông trồng nên giàu có ? — Khi được tha, ông đem hạt dưa hấu về nước làm gì ?

## 5 NĂM NĂM BÁO THÙ SƠN-TINH VÀ THỦY-TINH

### Dàn bài

- 1— Sơn-Tinh và Thủ-Y-Tinh cùng hỏi vợ.
- 2— Không cưới được vợ, Thủ-Y-Tinh đánh Sơn-Tinh.

### Bài học

Sơn-Tinh và Thủ-Y-Tinh cùng xin hỏi cưới Mỵ-Nương.

Sơn-Tinh đem lễ vật đến trước nén cưới được vợ. Thủ-Y-Tinh căm-giận, gây mưa to, bão lớn đánh Sơn-Tinh. Dân-gian thật là khò-sở.

### Câu hỏi

Sơn-Tinh và Thủy Tinh cùng đến xin cưới ai? — Tại sao Sơn-Tinh cưới được vợ? — Thủy-Tinh cám giận nên làm gì?

## 6 THUA MƯU, MẤT NƯỚC CHUYỆN MỸ-CHÂU VÀ TRỌNG-THỦY

### Dàn bài

- 1— Nhờ nô thần, An dương Vương đãi lui quân Triệu-Đà.
- 2— Nhờ lấy được nô thần, Triệu-Đà thắng An dương Vương.



Mỹ-Châu lấy nô thần cho Trọng-Thủy (Sự tích Mỹ-Châu)

### Bài học

An dương Vương được thần Kim-Quy tặng nô thần. Triệu-Đà đánh mãi không thắng, bèn dùng kế kết thân cho Trọng-Thủy lấy Mỹ-Châu.

Trọng-Thủy lừa vợ đánh tráo nô thần. An dương Vương thua trận, chém con gái rồi tự vẫn.

### Câu hỏi

— An dương Vương được ai cho nô thần? — Tại sao Triệu-Đà dùng kế kết thân với An dương Vương? — Ai đánh lừa Mỹ-Châu để tráo nô thần? — Tại sao An dương Vương phải thua trận?

## 7 NGƯỜI KHÔNG LÒ LÝ ÔNG TRỌNG

### Dàn bài

- 1— Sức vóc Lý ông Trọng.
- 2— Lý ông Trọng dẹp giặc Hung-nô.
- 3— Khi ông chết giặc vẫn còn sót.

### Bài học

Lý ông Trọng người cao lớn, sức mạnh lạ thường.

Ông giúp vua Tàu dẹp được giặc Hung-nô.

Khi ông chết, vua Tàu cho đúc tượng dựng ở cửa thành. Giặc tưởng ông còn sống, không dám quấy nhiễu.

### Câu hỏi

— Lý ông Trọng có sức vóc thế nào? — Ông giúp vua Tàu dẹp giặc gì? — Khi ông chết, vua Tàu làm gì? — Tại sao giặc không dám quấy nhiễu?

## Chương II DẤU-TÍCH LỊCH-SỬ

### 8 DI-TÍCH CỒ XUA ĐÈN CỒ LOA

### Bài học

1— Cảnh đèn thờ Cồ-loa.  
2— Các di-tích cảnh đèn Cồ-loa.  
Đèn Cồ-loa thờ An dương Vương ở tỉnh Phúc-yên. Ngoài cửa đèn có hai con rồng đá. Phía trong thờ tượng nhà vua đúc bằng đồng.

Trước đèn là giếng nước. Thuở xưa, Trọng-Thủy nhảy xuống đó tự-tử. Gần giếng nước là miếu thờ Mỹ-Châu.

### Câu hỏi

— Đèn Cồ-loa thờ vua nào? ở tỉnh nào? — Ngoài cửa đèn có gì? — Trong đèn có tượng ai? — Trước đèn có dấu tích gì? — Gần giếng nước là miếu thờ ai?



Đền thờ An-Dương-Vương và Miếu-Mỵ-Châu

## 9 DẤU TÍCH ANH-HÙNG ĐỘNG HOA-LƯ

### Dàn bài

- 1— Động Hoa-lư có đền thờ vua Đinh và vua Lê.
- 2— Cảnh trước đền và trong đền thờ.

### Bài học

Động Hoa-lư thuộc tỉnh Ninh-bình. Nơi đây có đền thờ vua Đinh tiên Hoàng và đền thờ vua Lê đại Hành.

Đền nào cũng rất cổ và thấp. Trước đền có sập đá. Trong đền có tượng thờ vua.

### Câu hỏi

— Động Hoa-lư thuộc tỉnh nào? — Nơi đây có đền thờ những vua nào? — Trước đền có gì? — Trong đền có gì?

## 10 BÀI ÔN CHƯƠNG I VÀ CHƯƠNG II

- 1— Ai làm vua trước tiên ở nước ta?
- 2— Bánh dày và bánh chưng có từ đời vua nào?
- 3— Người ta dùng trầu và cau trong việc gì?

- 4— Ai là người già được giống dưa hấu (dưa đỗ)?
- 5— Sơn-Tinh và Thủy-Tinh cùng xin cưới hỏi ai? — Thủy-Tinh không lấy được vợ thì căm-giận Sơn-Tinh như thế nào?
- 6— Vua nào được thần Kim-Quy tặng nỏ thần? — Tại sao Mỵ-Châu bị vua cha chém chết?
- 7— Lý ông Trọng có sức vóc như thế nào?
- 8— Đền Cồ-loa thờ vua nào? ở đâu?
- 9— Động Hoa-lư có đền thờ những vị vua nào?

## Chương III

### DANH NHÂN TỪNG VÙNG : VĂN-NHÂN, LIỆT-SĨ

## 11 ÔNG TRẠNG BÌNH-DÂN LƯƠNG THẾ VINH

### Dàn bài

- 1— Thần-thể.
- 2— Đi sứ sang Tàu.
- 3— Ông Trạng bình-dân.

### Bài học

Lương thế Vinh người tỉnh Nam-định. Ông đậu Trạng nguyên năm 23 tuổi.

Khi đi sứ Tàu, ông đối đáp giỏi. Vua Tàu phục tài ông.

Tính ông giản-dị nên mọi người khen là ông Trạng bình-dân.

### Câu hỏi

— Lương thế Vinh người tỉnh nào? — Ông đậu Trạng nguyên năm bao nhiêu tuổi? — Tại sao ông được vua Tàu phục tài? — Tại sao người ta khen ông là ông Trạng bình-dân?

## 12 ÔNG TRẠNG TRUNG-CANG VŨ CÔNG DUỆ

### Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Ông Trạng trung-cang.

### Bài học

Vũ công Duệ người tỉnh Sơn-tây. Ông đậu Trạng-nghuyên năm 20 tuổi. Ông làm quan đến chức Ngự-sử.

Khi Mạc đặng Dung giết vua Lê cướp ngôi, ông mắng chửi rồi nhảy xuống biển mà chết.

### Câu hỏi

— Vũ công Duệ người tỉnh nào ? — Ông đậu Trạng-nghuyên năm bao nhiêu tuổi ? — Mạc đặng Dung giết vua nào ? — Ông Vũ công Duệ mắng chửi rồi làm gì ?

## 13 ÔNG TRẠNG GIỎI LÝ-SỐ NGUYỄN BÌNH KHIÊM

### Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Từ quan về dạy học.



Ông Nguyễn Bình Khiêm trả mưu cho sứ quan

### Bài học

Nguyễn bình Khiêm người tỉnh Hải-dương. Ông thi đậu Trạng-nghuyên và có tài đoán trước mọi việc.

Ông xin chém 18 nịnh-thần. Nhà vua không nghe. Ông xin từ quan về dạy học.

Vua, chúa thường sai người đến hỏi ông việc nước.

### Câu hỏi

— Ông Nguyễn bình Khiêm người tỉnh nào ? — Ông có tài gì ? — Tại sao ông xin từ quan về dạy học ? — Vua, chúa thường sai người đến nhà ông làm gì ?

## 14 TRẠNG THẦN-ĐỒNG NGUYỄN-HIỀN

### Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Nguyễn-Hiền giảng được bài thơ của sứ Tàu.

### Bài học

Nguyễn-Hiền người tỉnh Nam-định. Ông đậu Trạng-nghuyên năm 12 tuổi, nên được gọi là ông Trạng-thần-đồng.

Sứ Tàu sang nước ta, đem một bài thơ ra đố. Các quan không ai hiểu nổi. Nhà vua mời ông đến. Ông giảng được.

### Câu hỏi

— Nguyễn-Hiền người tỉnh nào ? — Tại sao người thời ấy gọi ông là Trạng-thần-đồng ? — Sứ Tàu sang nước ta đố gì ? — Thấy các quan không ai giảng nổi, nhà vua làm thế nào ?

## 15 THẦN-ĐỒNG NHỚ GIỎI LÊ QUÝ ĐÔN

### Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Vua Tàu phục tài nhớ của ông.

### Bài học

Lê quý Đôn người tỉnh Thái-bình. Ông rất thông-minh. Từ nhỏ ông đã có trí nhớ lạ thường. Ông đậu Bảng-nhãn năm 20 tuổi.

Ông đi sứ Tàu, người Tàu rất phục tài nhớ giỏi của ông.

### Câu hỏi

— Lê quý Đôn người tỉnh nào? — Ông có tài gì đặc-biệt? — Ông đậu Bảng-nhãn năm bao nhiêu tuổi? — Người Tàu phục tài gì của ông?

**16**

### MỘT BẬC QUÂN-SƯ NGUYỄN-THIẾP

#### Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Bày kẽ giúp Nguyễn-Huệ phá quân Thanh.

### Bài học

Nguyễn-Thiếp người tỉnh Hà-tĩnh. Ông học rộng, tài cao. Gặp thời loạn ông về ở ẩn.

Khi quân Thanh xâm-lăng nước ta, nhờ kế đánh chớp nhoáng của ông, Nguyễn-Huệ phá được giặc.

### Câu hỏi

— Nguyễn-Thiếp người tỉnh nào? — Tại sao ông lui về ẩn? — Ông bày kẽ gì giúp Nguyễn-Huệ phá quân Thanh?

**17**

### MỘT BẬC TÚC-NHO VÕ-TRƯỜNG-TOẢN

#### Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Chúa Nguyễn-Ánh rất quý mến ông.

### Bài học

Võ trường Toản người tỉnh Bình-dương. Ông là một bậc túc-nho. Gặp thời loạn-lạc, ông lui về dạy học. Học trò của ông rất đông, nhiều người hiền-đạt.

Chúa Nguyễn-Ánh rất quý mến ông. Ngài thường mời ông đến bàn việc nước.

### Câu hỏi

— Võ trường Toản người tỉnh nào? — Tại sao ông lui về dạy học? — Học trò của ông ra sao? — Chúa Nguyễn-Ánh đối với ông thế nào? — Ngài thường mời ông đến để làm gì?

**18**

### GƯƠNG TIẾT-LIỆT CHÂN THỊ

#### Dàn bài

- 1— Chân-Thị thò chòng.
- 2— Nêu gương tiết-liệt.

Bà Chân-thị người tỉnh Nghệ-an, có sắc đẹp. Chồng chết, bà ở vậy thò chòng.

Thấy bà đẹp, tướng giặc Nguyễn hữu Cầu đến bắt. Bà khóc lạy trước bàn thờ chồng rồi đâm cò tự-sát.

### Câu hỏi

— Chân-thị người tỉnh nào? — Chồng chết bà ở vậy làm gì? — Thấy bà đẹp tướng giặc nào đến bắt? — Khi bị giặc bắt bà làm gì?

**19**

### GƯƠNG TRUNG-LIỆT TRẦN-PHƯƠNG-BÌNH

#### Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Mộ-binh chống Tây-sơn.

### Bài học

Trần phuơng Binh người tinh Nghệ-an, thuộc dòng dõi nhà Lê. Ông học giỏi nhưng không chịu ra làm quan với Tây-sơn.

Ông môt binh khởi nghĩa ở vùng núi Hồng-sơn. Khi bị vây khốn, ông biết không trốn thoát được bèn đâm cõ mà chết.

### Câu hỏi

— Trần phuơng Binh người tinh nào? — Tại sao ông chống Tây-sơn? — Ông môt binh khởi nghĩa ở đâu? — Khi bị vây khốn ông làm gì?

## 20 SỨC KHOẺ PHI-THƯỜNG LÊ-PHỤNG-HIỀU

### Dàn bài

- 1— Thân-thể.
- 2— Chiến-công.

### Bài học

Lê Phụng Hiếu người tinh Thanh-hóa. Ông người to lớn, có sức khỏe phi-thường. Đã có lần ông nhổ cây lớn đánh tan đám người ý mạnh hiếp yếu.

Về sau, ông giúp vua Lý thái Tôn dẹp loạn thàn và đánh tan giặc Chiêm-Thành.

### Câu hỏi

Lê Phụng Hiếu người tinh nào? — Ông có vóc người ra sao? — Đã có lần ông làm gì đè bẹch vực kẽ yếu? — Về sau, ông đã lập được công gì với vua Lý thái Tôn?



Ông Lê văn Khôi hạ cọp bằng tay không

## 21 TAY KHÔNG ĐÁNH CỌP LÊ-VĂN-KHÔI

- 1— Thân-thể.
- 2— Tay không đánh ngã cọp.

### Bài học

Lê Văn Khôi người tinh Cao-bằng. Ông là con nuôi của Lê Văn Duyệt. Ông có sức khỏe lạ thường.

Sứ Xiêm sang viếng nước ta. Ông biểu - diễn tay không đánh cọp té lăn, rồi trói lại. Sứ Xiêm rất thán-phục ông.

### Câu hỏi

— Lê Văn Khôi người tinh nào? — Ông là con nuôi của ai? — Ông có sức khỏe thế nào? — Ông biểu diễn việc gì khiến sứ Xiêm phải thán phục?

## 22 NỮ-SĨ TÀI CAO ĐOÀN-THỊ-ĐIỂM

### Dàn bài

- 1— Thân-thể.
- 2— Tài đối-dáp với sứ Tàu.
- 3— Sự-nghiệp văn-chương.



Sứ Tàu khám-phục tài của bà Đoàn Thị Điểm

### Bài học

Đoàn Thị Điểm người tỉnh Bắc-ninh. Bà thông-minh từ thuở nhỏ.

Bà có tài đối-đáp giỏi, sứ Tàu rất thán-phục.

Văn thơ của bà nòi tiếng là hay. Bà đè lại cho hậu thế cuốn Chinh-phụ-ngâm.

### Câu hỏi

— Đoàn Thị Điểm người tỉnh nào ? — Sứ Tàu phục tài gì của bà ? — Văn thơ của bà thế nào ? — Bà đè lại cho hậu thế cuốn truyện gì ?

## 23 NƯỚC MẮT VUI VỚI CỎ CÂY NGUYỄN-KHUYẾN

### Dàn bài

1— Thân-thể,

2— Không cộng-tác với Pháp.

### Bài học

Nguyễn-Khuyến người tỉnh Hà-nam. Ông đỗ đầu liên 3 kỳ thi. Ông làm quan rất thanh-liêm, dân chúng một lòng cảm-phục.

Khi Pháp cai-trị nước ta, ông lui về ẩn. Ông mở trường dạy học, làm thơ, vui với cỏ cây.

### Câu hỏi

— Nguyễn-Khuyến người tỉnh nào ? — Ông thi đỗ đầu mấy kỳ thi liền ? — Khi ông làm quan, tại sao dân chúng cảm-phục ? — Khi Pháp chiếm nước ta, ông làm gì ?

## 24

## MỘT LÒNG TRUNG-HIẾU NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

### Dàn bài

1— Thân-thể.

2— Lòng hiếu-thảo.

3— Lòng trung-nghĩa.

### Bài học

Nguyễn Đình Chiểu người tỉnh Gia-dịnh. Ông nòi tiếng giỏi văn thơ ở miền Nam.

Nghe tin mẹ mất, ông bỏ thi, khóc đến mù mắt.

Ông giúp đỡ nghĩa-quân chống Pháp. Pháp mua chuộc ông, nhưng ông kháng-khái từ chối.

### Câu hỏi

— Nguyễn Đình Chiểu người tỉnh nào ? — Ông nòi tiếng về tài gì ? — Tại sao ông khóc đến mù mắt ? — Ông giúp ai chống Pháp ? — Khi Pháp mua chuộc ông, ông làm thế nào ?

## 25

## MỘT LÒNG YÊU NƯỚC PHAN-VĂN-TRỊ

### Dàn bài

1— Thân-thể.

2— Một lòng yêu nước.

### Bài học

Phan Văn Trị người tỉnh Vĩnh-long. Ông đậu cử-nhan nhưng không ham danh lợi.

Ông về quê dạy học, ngầm giúp nghĩa-quân chống Pháp.

Thầy Tôn Thọ Tường theo Pháp, ông thường làm thơ mắng khéo.

### Câu hỏi

— Phan văn Tri người tình nào ? — Ông thi đậu gì ? — Tại sao ông về quê dạy học ? — Ông giúp nghĩa-quán làm gì ? — Tại sao ông làm thơ mắng khéo Tôn thợ Tường ?

## 26 TÀI CAO PHẬN RỦI BÙI-HỮU-NGHĨA

### Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Mắc hám oan.

### Bài học

Ông Bùi hữu Nghĩa người tình Phong-dinh. Ông đã đậu kỳ thi Hương nên được gọi là Thủ-khoa Nghĩa.

Ông làm quan rất ngay thẳng, nhưng bị quan trên ghét và vu-cáo. Vợ ông vào kinh minh-oan cho ông. Ông thoát tội chết nhưng mất chức.

### Câu hỏi

— Bùi hữu Nghĩa người tình nào ? — Tại sao người ta gọi ông là Thủ khoa Nghĩa ? — Tại sao ông bị quan trên vu cáo ?  
— Nhờ đâu ông thoát được tội chết ?

## 27 BÀI ÔN CHƯƠNG III

- 1— Tại sao ông Lương thế Vinh được mọi người khen là ông Trạng bình-dân ?
- 2— Ông Trạng nào có tài đoán trước mọi sự việc ?
- 3— Ông nào đỗ Trạng-nguyên năm 12 tuổi ?
- 4— Ông nào có một tri nhớ lạ thường ?
- 5— Nguyễn-Huệ đại thắng quân nhà Thanh là nhờ ai hiến kế ?
- 6— Bà nào dùm cõ tự-sát để giữ lòng trung-trinh thờ chồng ?
- 7— Ai là người khởi-nghĩa ở núi Hồng-sơn chống Tây-sơn ?
- 8— Ai là người tay không mà đánh ngã được cọp ?

## Chương IV

### DANH-NHÂN TỪNG VÙNG BẬC VÕ TƯỚNG

## 28 TÀI ĐỨC VẸN TOÀN NGUYỄN-HUỲNH-ĐỨC

### Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Theo giúp chúa Nguyễn-Ánh.

### Bài học

Nguyễn huỳnh Đức người tình Long-an. Ông tinh-thông võ-nghệ, can-dám và khoẻ-mạnh.

Ông theo chúa Nguyễn-Ánh chống Tây-sơn. Ông lập được nhiều chiến-công và có lần cứu Chúa thoát chết.

### Câu hỏi

— Nguyễn huỳnh Đức người tình nào ? — Ông là người thế nào ? — Ông theo giúp ai chống Tây-sơn ? — Ông lập được công-trạng gì với chúa Nguyễn-Ánh ?

## 29 VĂN VÕ KIÊM TOÀN NGUYỄN-VĂN-THÀNH

### Dàn bài

- 1— Thân-thế.
- 2— Theo giúp chúa Nguyễn-Ánh.
- 3— Mắc hám oan.

### Bài học

Nguyễn Văn Thành người tinh Thừa-thiên. Ông kiêm toàn văn võ, lại nhiều mưu-kế.

Ông theo giúp chúa Nguyễn-Ánh chống Tây-sơn, ông lại có công sửa đổi luật-lệ trong nước.

Về sau, mắc hám oan, ông uống thuốc độc mà chết.

### Câu hỏi

— Nguyễn Văn Thành người tinh nào ? — Ông là người thế nào ? — Ông theo giúp ai chống Tây-sơn ? — Ông có công sửa đổi việc gì trong nước ? — Tại sao ông phải uống thuốc độc mà chết ?

## 30 - TRÍ-DŨNG HƠN NGƯỜI LÊ-VĂN-DUYỆT

### Dàn bài

1 — Thân-thể.

2 — Công-nghiệp hìền-hách.

### Bài học

Lê Văn Duyệt người tinh Định-tường. Ông rất khoẻ mạnh và giỏi võ-nghệ.

Ông giúp chúa Nguyễn-Ánh thống-nhất đất nước. Ông lại có công dẹp giặc Mường. Về sau ông giúp vua Miên đánh thắng quân Xiêm.

### Câu hỏi

— Lê Văn Duyệt người tinh nào ? — Ông là người thế nào ? — Ông theo giúp chúa Nguyễn-Ánh lập được công-trạng gì ? — Ông dẹp tan được giặc nào ? — Về sau ông giúp vua Miên đánh thắng quân nước nào ?



Lăng Ông Lê Văn Duyệt ở tỉnh Gia Định

## 31 VỊ TƯỚNG CƯƠNG TRỰC LÊ VĂN DUYỆT

### Dàn bài

3 — Vì trực tính mà bị hám oan.

4 — Ông được người đời kính phục.

### Bài học

Lê Văn Duyệt là vị tướng rất thẳng tính. Ông can vua Gia-Long không nên lập Minh-Mạng. Vì thế, khi ông mất, vua Minh-Mạng đã xiềng mả ông. Sau này vua Tự-Đức đã giải-oan cho ông.

Đền thờ ông ở tỉnh Gia-Định được dân chúng đến chiêm bái quanh năm rất đông.

### Câu hỏi

— Lê Văn Duyệt là vị tướng thế nào ? — Tại sao khi ông mất, vua Minh-Mạng đã xiềng mả ông ? và vị vua nào đã giải oan cho ông ? — Đền thờ ông ở tại đâu ? được dân chúng đến chiêm bái ra sao ?

**32**

VÌ CHÚA, VÌ DÂN  
NGUYỄN-HỮU-THOẠI

**Dàn bài**

- 1—Thân-thế.
- 2—Sự-nghiệp.

**Bài học**

Nguyễn Hữu Thoại người tỉnh Quảng-nam. Ông hết lòng giúp chúa Nguyễn-Ánh chống Tây-sơn. Chúa giao cho ông sứ mạng cầu viện nước Xiêm và nước Lào.

Ông lại có công đào kinh Thoại-hà và kinh Vĩnh-tế.

**Câu hỏi**

— Nguyễn Hữu Thoại người tỉnh nào? — Ông theo giúp ai chống Tây-sơn? — Chúa giao cho ông sứ mạng gì? — Ông có công đào những kinh nào?

**33**

MỘT BẠC CÔNG-THẦN  
TRƯƠNG-TẤN-BỬU

**Dàn bài**

- 1—Thân-thế.
- 2—Sự-nghiệp.

**Bài học**

Trương Tấn Bửu người tỉnh Kiên-hoà. Ông vóc người to lớn và giỏi võ.

Ông theo chúa Nguyễn-Ánh chống Tây-sơn. Chúa phong cho ông tước Long vân Hầu và giao cho ông giữ chức Tòng-trấn Gia Định.

Ông còn có công vét kinh Vĩnh-tế và đắp thành Châu-đốc.

**Câu hỏi**

— Trương Tấn Bửu người tỉnh nào? — Ông có vóc người thế nào? — Ông theo chúa Nguyễn-Ánh làm gì? — Ông được Chúa phong tước gì? — Ông còn có công gì nữa?

**34**

BỒ-LIỀU CỦNG ANH-HÙNG  
BÙI-THỊ-XUÂN

**Dàn bài**

- 1—Thân-thế.
- 2—Theo chồng ra trận.
- 3—Bị thiêu sống.

**Bài học**

Bùi Thị Xuân là vợ tướng Tây-sơn Trần Quang Diệu. Bà tinh-thông võ-nghệ và rất can đảm.

Bà thường theo chồng ra trận. Có lần bà tự cầm quân đánh nhau với quân chúa Nguyễn.

Về sau quân Tây-Sơn tan rã, bà bị bắt và bị thiêu sống.

**Câu hỏi**

— Bùi Thị Xuân là vợ của tướng Tây-sơn nào? — Bà là người thế nào? — Bà thường theo chồng làm gì? — Bà cũng tự cầm quân đánh với quân nào? — Về sau bà bị chết ra sao?

**35****BÀI ÔN CHƯƠNG IV**

Học sinh điền vào chỗ trống, sao cho hợp nghĩa:

Ông Nguyễn Huỳnh Đức người tỉnh ..... Ông theo chúa ..... chống Tây-sơn. Tiền-quân Nguyễn Văn Thành cũng theo chúa ..... chống Tây-sơn. Về sau, ông mắc ..... nên đã uống thuốc độc mà chết. Người có công lớn nhất với chúa Nguyễn-Ánh là Tả-quân ..... Còn hai ông ..... và ..... đều có công giúp chúa Nguyễn-Ánh đào kinh ...

Trần Quang Diệu là một tướng của nhà ..... Ông có người vợ là ..... võ-nghệ tinh-thông. Bà đã bị quân chúa Nguyễn bắt và bị .....

## Chương V

### DANH-NHÂN TỪNG VÙNG ANH-HÙNG KHÁNG PHÁP

#### 36 VÌ NƯỚC HY-SINH THỦ-KHOA-HUÂN

##### Dàn bài

- 1— Thân-thể.
- 2— Khởi-nghĩa chống Pháp.

##### Bài học

Nguyễn hữu Huân người tỉnh Định-tường, còn gọi là Thủ khoa Huân.

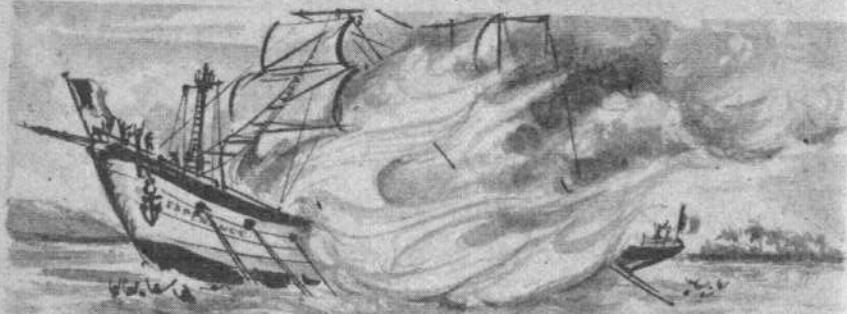
Ông nổi dậy chống Pháp ở Mỹ-tho. Pháp bắt được ông đày đi Côn-đảo. Sau Pháp thả ông về, dù ra làm quan. Ông từ chối nên bị chém.

##### Câu hỏi

— Nguyễn hữu Huân người lĩnh nào ? — Ông nổi dậy chống Pháp ở đâu ? — Pháp bắt được ông đày đi đâu ? — Tại sao ông bị xử chém ?

#### 37

### ĐỐT TÀU GIẶC NGUYỄN-TRUNG-TRỰC



Ông Nguyễn trung Trực đốt tàu của giặc Pháp

##### Dàn bài

- 1— Thân-thể.
- 2— Chiến-công.
- 3— Hàng giặc đè cứu mẹ.

##### Bài học

Nguyễn trung Trực người miền Trung. Ông khởi-nghĩa chống Pháp ở Long-an.

Ông thắng Pháp nhiều trận, nổi tiếng nhất là trận Nhật-tảo và trận Kiên-giang.

Sau Huỳnh công Tân làm phản, bắt mẹ ông. Ông ra hàng đè cứu mẹ nên bị chém chết.

##### Câu hỏi

— Nguyễn trung Trực người miền nào ? — Ông khởi-nghĩa chống Pháp ở đâu ? — Ông đánh thắng Pháp những trận nào ? — Tại sao về sau ông phải ra hàng ?

#### 38

### MỘT LÒNG VÌ NƯỚC BỐN ÔNG LONG, THẬN, RỘNG, ĐƯỚC

##### Dàn bài

- 1— Bốn ông ở Cai-lậy.
- 2— Bốn ông đánh du-kích.
- 3— Bốn ông chịu chết cứu gia đình.

##### Bài học

Bốn ông Long, Thận, Rộng, Đước nổi dậy chống Pháp ở Cai-lậy.

Bốn ông đánh du-kích, phá cầu lộ, đồn trại giặc. Pháp dẹp mãi không nỗi.

Sau Trần bá Lộc bắt gia-dinh bốn ông. Bốn ông chịu chết đè cứu gia-dinh.

### Câu hỏi

— Những ai nỗi dậy chống Pháp ở Cai-lậy? — Bốn ông chống Pháp như thế nào? — Ai bắt gia-dinh bốn ông? — Bốn ông làm gì để cứu gia-dinh?

## 39 CHIẾN KHU ĐỒNG THÁP-MƯỜI THIÊN HỘ-DƯƠNG

### Dàn bài

- 1— Thân-thể.
- 2— Lập chiến khu chống Pháp.

### Bài học

Thiên hộ Dương tên thật là Võ duy Dương.

Ông lập chiến-khu chống Pháp ở Đồng-tháp mười. Ông đánh thắng trận đòn Mỹ-trà.

Sau Pháp đem đại-binh phá chiến-khu. Ông chạy thoát rồi bị bệnh mà chết.

### Câu hỏi

— Thiên hộ Dương tên thật là gì? — Ông lập chiến-khu chống Pháp ở đâu? — Ông đánh thắng trận nào? — Khi chiến khu bị phá tan, Ông làm thế nào?

## 40 CHIẾN LŨY BA-DÌNH ĐINH-CÔNG-TRÁNG



Chiến lũy Ba-Dinh do ông Đinh Công Tráng thiết lập

### Dàn bài

- 1— Thân-thể.
- 2— Chiến-lũy Ba-dinh.
- 3— Chiến-lũy bị phá vỡ.

### Bài học

Đinh công Tráng người tỉnh Hà Nam. Ông đánh chiến-lũy Ba-dinh ở Thanh-hóá để chống Pháp. Ông gây thiệt hại nặng-nề cho địch.

Pháp vây đánh chiến-khu mấy năm liền mới phá được. Khi chiến-khu vỡ, ông chạy thoát.

Sau có người làm phản, ông bị Pháp bắn chết.

### Câu hỏi

— Ông Đinh công Tráng người tỉnh nào? — Ông đánh chiến-lũy nào? ở đâu? — Ông gây thiệt hại cho địch thế nào? — Pháp vây đánh chiến-khu bao lâu mới phá được? — Tại sao về sau ông bị bắn chết?

## 41 CHIẾN-KHU BÃI-SẬY NGUYỄN THIỆN THUẬT

### Dàn bài

- 1— Thân-thể.
- 2— Chiến-khu Bãi sậy.
- 3— Chiến-khu bị phá vỡ.

### Bài học

Nguyễn thiện Thuật làm Tán-tương quân-vụ nên gọi là Tân-Thuật.

Ông lập chiến-khu Bãi-sậy, gây cho Pháp rất nhiều tổn hại.

Sau ông bị Hoàng cao Khải vây khốn. Ông bỏ chạy sang Tàu rồi mất ở bên đó.

### Câu hỏi

— Nguyễn thiện Thuật giữ chức gì? — Ông lập chiến-khu nào để chống Pháp? — Ông gây tổn hại cho Pháp ra sao? — Sau ông bị ai vây khốn? — Ông bỏ chạy đi đâu?

**42**

**PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU  
PHAN-BỘI-CHÂU**

**Dàn bài**

- 1— Thân-thế.
- 2— Lãnh-đạo Phong-trào Đông-du.
- 3— Bị Pháp bắt.

**Bài học**

Phan bội Châu người tỉnh Nghệ-an. Cụ là người nhìn xa, biết rộng.

Cụ lãnh đạo phong-trào Đông-du, gửi thanh-niên sang Nhật-du-học. Cụ sang Nhật rồi sang Tàu hoạt động giúp đỡ du-học sinh.

Thấy vậy, Pháp bắt Cụ đem về giam lỏng tại Hué. Cụ mất năm 74 tuổi.

**Câu hỏi**

- Phan bội Châu người tỉnh nào? — Cụ lãnh đạo phong-trào gì? — Cụ sang Nhật rồi sang Tàu, để làm gì? — Pháp bắt Cụ giam tại đâu? — Cụ mất năm bao nhiêu tuổi?

**43**

**PHONG-TRÀO DUY-TÂN  
PHAN-CHU-TRINH**

**Dàn bài**

- 1— Thân-thế.
- 2— Lãnh-đạo Phong-trào Duy-tân.
- 3— Bị đi đày.

**Bài học**

Phan Chu Trinh người tỉnh Quảng-nam. Cụ bỏ quan, lo hoạt động cách-mạng.

Cụ lãnh-đạo phong-trào Duy-tân, hô-hào canh-tân xứ-sở. Cụ viết thư cho Pháp đòi cải-cách việc cai-trị.

Thấy vậy, Pháp bắt cụ đem đi đày...

**Câu hỏi**

- Phan Chu Trinh người tỉnh nào? — Cụ bỏ quan để làm gì? — Cụ lãnh-đạo phong-trào gì? — Cụ viết thư cho Pháp đòi việc gì?

**44**

**CUỘC NỒI DẬY Ở YÊN-BÁI  
NGUYỄN-THÁI-HỌC**

**Dàn bài**

- 1— Thân-thế.
- 2— Cuộc nổi dậy ở Yên-bái.
- 3— Bị xử chém.

**Bài học**

Nguyễn Thái Học người tỉnh Vĩnh-yên. Ông là một thanh-niên rất yêu nước.

Ông lập ra Việt-nam quốc-dân đảng. Ông nổi dậy ở Yên-bái, chiếm đồn, giết được nhiều sĩ quan Pháp.

Sau ông bị bắt và bị xử chém cùng 12 đồng chí.

**Câu hỏi**

- Nguyễn Thái Học người tỉnh nào? — Ông lập ra đảng nào? — Ông khởi-nghĩa ở đâu? — Ông bị bắt rồi bị xử thế nào?

**45**

**BÀI ÔN CHƯƠNG V**

- 1— Nguyễn trung Trực nổi tiếng ở những trận nào?
- 2— Ở Cai-lậy có bốn ông nào khởi-nghĩa chống Pháp?
- 3— Chiến-lũy Ba-đinà ở tỉnh nào? do ai lập ra?
- 4— Ai là người lãnh đạo phong-trào Đông-du?
- 5— Ai là người lãnh-đạo phong-trào Duy-tân?
- 6— Việt-nam quốc-dân đảng do ai sáng-lập?

**Chương VI**  
**DANH-NHÂN LỊCH-SỬ**



Phù-Dồng Thiên-Vương đánh đuổi giặc Ân

**46 CẬU BÉ ĐÁNH ĐUỒI GIẶC ÂN.**  
**PHÙ-ĐỒNG THIÊN-VƯƠNG**

**Dàn bài**

- 1— Giặc Ân sang đánh nước ta.
- 2— Cậu bé phá giặc Ân.
- 3— Vua phong chức-tướng.

**Bài học**

Đời Hùng-Vương thứ 6, giặc Ân bên Tàu sang đánh nước ta.

Một cậu bé ở làng Phù-đồng, tỉnh Bắc-ninh xin vua được dẹp giặc. Cậu cưỡi ngựa sát và cầm roi sát xông ra trận phá tan quân giặc.

Vua phong cậu là Phù-đồng Thiên-vương.

**Câu hỏi**

— *Đời vua Hùng-Vương thứ 6 có giặc gì? — Ở đâu có một cậu bé xin dẹp giặc? — Khi ra trận cậu cưỡi ngựa gì? — Vua phong cho cậu là gì?*

**47 TÔ-QUỐC TRÊN HẾT  
LŨ-GIA**

**Dàn bài**

- 1— Giết vua để giữ nước.
- 2— Chống-cự đến chết.

**Bài học**

Sứ-giả nhà Hán dụ Triệu Ai Vương về hàng. Nhà vua nghe mẹ, định bán nước. Tè-tướng Lũ-Gia bèn giết cả ba người.

Nhà Hán đem quân đánh trả thù. Lũ-Gia chống-cự cho đến chết.

**Câu hỏi**

— Sứ-giả nhà Hán dụ Triệu Ai Vương điều gì? — Nhà vua nghĩ thế nào? — Tè-tướng Lũ-Gia làm gì? — Nhà Hán đem quân đánh trả thù, Lũ-Gia chống-cự thế nào?

**48 THÙ CHỐNG NỢ NƯỚC  
HAI BÀ TRƯNG**

**Dàn bài**

- 1— Nhà Hán cai-trị nước ta.
- 2— Hai Bà Trưng khởi-nghĩa.

**Bài học**

Nhà Hán cai-trị nước ta rất tàn ác. Thi-Sách nồi lên chống-cự, bị Tô-Định giết.

Vợ Thi-Sách là Trưng-Trác cùng với em là Trưng Nhị khởi-nghĩa, đánh đuổi được Tô-Định về Tàu.

**Câu hỏi**

— Nhà Hán cai-trị nước ta ra sao? — Tại sao Tô-Định giết Thi-Sách? — Thi-Sách bị giết, người vợ của ông làm gì?



Hai Bà Trưng đánh dưới Tô Định

## 49 THỦ CHỒNG NỢ NƯỚC HAI BÀ TRUNG (tiếp theo)

### Dàn bài

- 3— Hai Bà Trưng xưng vương.
- 4— Hai Bà Trưng chống quân nhà Hán lần thứ hai.

### Bài học

Hai Bà Trưng xưng vương, đóng đô ở Mê-Linh.  
Hai Bà làm vua được 3 năm.

Sau nhà Hán sai Mã-Viện đem đại binh sang đánh trả thù. Hai bà thua, nhảy xuống sông Hát tự-tử.

Hiện nay có đền thờ hai Bà ở gần Hà-Nội.

### Câu hỏi

- Hai bà Trưng xưng vương, đóng đô ở đâu ? — Hai Bà làm vua được bao lâu ? — Sau nhà Hán cử ai sang đánh trả thù ? — Tại sao hai Bà phải tự-tử ? — Hiện nay có đền thờ hai Bà ở đâu ?

## 50 NỮ NHI CỨU NƯỚC BÀ TRIỆU

### Dàn bài

- 1— Nhà Ngô cai-trị nước ta.
- 2— Bà Triệu khởi-nghĩa.

### Bài học

Nhà Ngô cai-trị nước ta rất tàn ác. Chúng bắt dân ta lặn biển mò trai tìm ngọc quý thật cực khổ.

Tại quận Cửu Chân có bà Triệu-thị-Chính nồi dậy đánh đuổi quân Ngô.

### Câu hỏi

- Nhà Ngô cai-trị nước ta thế nào ? — Chúng bắt dân ta phải làm gì ? — Tại quận Cửu-Chân có ai nồi dậy chống quân Ngô ?

## 51 NỮ NHI CỨU NƯỚC BÀ TRIỆU (tiếp theo)

### Dàn bài

- 3— Cuộc nồi dậy của bà Triệu.
- 4— Đền thờ bà Triệu.

### Bài học

Bà Triệu nồi dậy chống quân Ngô ở Cửu-Chân. Bà thường cưỡi voi, phát cờ vàng xông ra trận phá giặc. Bà đánh thắng nhiều trận lớn khiến quân Tàu khiếp sợ Bà.

Hiện nay ở tỉnh Thanh-hóa có đền thờ bà Triệu.

### Câu hỏi

- Bà Triệu nồi lên chống quân Ngô ở đâu ? — Bà thường cưỡi gì và phát cờ màu gì khi xông ra trận phá giặc ?
- Hiện nay ở đâu có đền thờ bà Triệu ?

## 52 ANH HÙNG ĐỒNG LÀY DẠ-TRẠCH TRIỆU QUANG-PHỤC

### Dàn bài

- 1— Nhà Lương sang đánh nước ta.
- 2— Anh hùng của đồng lầy Dạ-trạch.
- 3— Triệu quang Phục phá quân nhà Lương.

### Bài học

Nhà Lương đem binh sang đánh nước ta. Vua cù Triệu quang Phục lo việc chống giặc.

Thoạt đầu ông lui binh về đóng giữa đồng lầy Dạ-trạch. Ông cho quân cứ ngày nghỉ, đêm xông ra phá giặc.

Sau giặc yếu thế, ông đem đại binh đánh tan được.

### Câu hỏi

— Nước nào đem binh sang đánh nước ta ? — Vua cù ai lo việc chống giặc ? — Thoạt đầu, Triệu quang Phục lui binh về đóng ở đâu ? — Ông đánh giặc như thế nào ? — Khi giặc yếu thế ông làm gì ?

## 53 NGÔ QUYỀN

### Dàn Bài

- 1— Thân thế.
- 2— Nguyên nhân nhà Hán đánh nước ta.

### Bài học

Ngô-Quyền vừa là tướng, vừa là rè của Dương diên Nghệ.

Dương diên Nghệ bị Kiều Công Tiện giết chết. Ngô-Quyền đem binh đánh báo thù.

Kiều Công Tiện cầu cứu vua nhà Hán. Quân Nam Hán xâm-lăng nước ta.

### Câu hỏi

— Ngô-Quyền vừa là tướng, vừa là rè của ai ? — Dương diên Nghệ bị ai giết chết ? và được ai đánh báo thù ? — Tại sao quân Nam-Hán xâm lăng nước ta ?



Ông Ngô-Quyền đánh thắng quân Nam-Hán

## 54 TRẬN BẠCH ĐẮNG

### NGÔ-QUYỀN (tiếp theo)

### Dàn bài

- 3— Quân Nam-Hán xâm lăng nước ta.
- 4— Ngô-Quyền và trận Bạch-đắng.

### Bài học

Quân Nam-Hán tràn sang nước ta theo ngả sông Bạch-đắng.

Ngô-Quyền sai quân sĩ đóng cọc nhọn dưới đáy sông. Khi nước lên ông xua quân ra đánh rồi giả thua để dụ thuyền giặc vào bẫy.

Chờ nước rút, ông quay lại đánh mạnh. Thuyền giặc bị cọc đâm chìm gần hết.

### Câu hỏi

— Quân Nam-Hán tràn sang đánh nước ta, tiến theo ngả sông nào ? — Ngô-Quyền sai quân sĩ làm gì ? — Ngô-Quyền dùng cách nào để dụ địch vào bẫy ? — Chờ khi nước rút ông làm gì ? — Kết quả trận Bạch-đắng ra sao ?

## 55 BÓNG CỜ LAU ĐINH TIỀN HOÀNG

### Dàn bài

- Thân thế.
- Thuở thiếu thời.

### Bài học

Đinh bộ Lĩnh người động Hoa-lư, tỉnh Thanh-hóa.

Ông mồ côi cha từ thuở nhỏ. Hàng ngày đi chăn trâu, ông thường rủ bạn bè chơi tập trận, lấy bông lau làm cờ.

— Đinh bộ Lĩnh quê ở đâu? — Thuở nhỏ ông thích gì chơi gì?

## 56 BÓNG CỜ LAU ĐINH TIỀN HOÀNG (tiếp theo)

### Dàn bài

- 3 — Đinh bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân.
- 4 — Đinh bộ Lĩnh xưng vương.

### Bài học

Đinh bộ Lĩnh có công dẹp tan loạn 12 sứ quân. Mọi người đều kính phục và tôn ông là Vạn-Thắng vương.

Ông làm vua, lấy hiệu là Đinh tiên Hoàng-đế, đóng đô ở Hoa-lư.

Hiện nay ở tỉnh Ninh-bình có đền thờ vua Đinh.

### Câu hỏi

— Đinh bộ Lĩnh có công gì? — Mọi người tôn ông là gì? Ông làm vua lấy hiệu là gì? — Đóng đô ở đâu? — Hiện nay ở đâu có đền thờ vua Đinh?

## 57 KHÓA THI ĐẦU TIÊN Ở NƯỚC TA LÝ NHÂN TÔN

### Dàn bài

- 1 — Cải cách việc học-hành.
- 2 — chăm lo việc vỗ-bị.

### Bài học

Đời Lý nhân Tôn có nhiều cải-cách rất mới.

Ngài mở khóa thi đầu tiên để chọn người tài giúp nước. Ngài mở trường Quốc tử giám để đào-tạo nhân tài.

Quân-sĩ được tập-luyện kỹ-càng. Dưới thời ngài, nước ta đã phạt Tống, bình Chiêm.

### Câu hỏi

— Đời Lý nhân Tôn, nước ta thế nào? — Để chọn người tài giúp nước, Ngài đã làm gì? — Ngài mở trường Quốc tử giám để làm gì? — Dưới thời ngài, nước ta đã phá được những giặc nào?

## 58 PHẠT TỔNG, BÌNH CHIỀM LÝ THƯỜNG KIỆT

### Dàn bài

- 1 — Một vị tướng tài.
- 2 — Chiến công.
- 3 — Uy thế nước ta.

### Bài học

Lý thường Kiệt là một tướng tài đời vua Lý nhân Tôn.

Ông đã phá tan quân Tống tại Quảng tây và Quảng đông bên Tàu. Năm 70 tuổi, ông đánh thắng Chiêm-thành nơi biên-giới.

Thời đó, nước ta được các nước lân-bang kính-nè.



Ông Lý thường Kiệt đem quân đánh quân Tống ở Ung Châu

### Câu hỏi

— Lý thường-Kiệt là một tướng tài đời vua nào ? — Ông đã phá tan quân Tống tại đâu ? — Năm 70 tuổi, ông còn đánh thắng giặc nào ? — Thời này, các nước lân bang đối với ta ra sao ?

**59**

### MỘT FẬC TỐI TRUNG TÔ HIẾN THÀNH

#### Dàn bài

- 1— Vị quan ngay thẳng.
- 2— Không tham vàng bỏ nghĩa.

#### Bài học

Tô hiến Thành tính rất ngay thẳng. Ông làm quan dưới triều Lý anh Tôn, một lòng thờ chúa.

Khi sắp mất, vua giao cho ông việc lập Thái-lử Long-Cán lên ngôi. Thái-hậu đút lót vàng bạc cho ông để mong được lập con riêng. Nhưng ông từ-chối thẳng.

### Câu hỏi

— Tô hiến Thành là một vị quan thế nào ? — Khi sắp mất, vua giao cho ông việc gì ? — Thái-hậu đút lót vàng bạc cho ông để mong việc gì ? — Ông nghĩ thế nào ?

**60**

### BÀI ÔN CHƯƠNG VI

- 1— Cậu bé cưỡi ngựa sắt và cầm roi sắt phá tan giặc An được vua phong cho chức gì ?
- 2— Tại sao Tề tướng Lữ-gia phải giết vua ?
- 3— Khi Thi-Sách bị Tô-Định giết thì người vợ của ông làm gì ?
- 4— Ai là người phá tan được quân Ngô ?
- 5— Anh-hùng của đồng lầy Da-trach là ai ?
- 6— Ngô-Quyền thắng lớn quân Nam-Hán ở trận nào ?
- 7— Ai là người có công dẹp loạn 12 sứ quân ?
- 8— Lý thường Kiệt phá tan quân Tống tại đâu ? — Ông còn đánh thắng giặc nào nữa ?

## MỤC-LỤC ĐỊA-LÝ

### Chương I

- 1 — Đường đá
- 2 — Đường nhựa
- 3 — Đường đất
- 4 — Ngõ
- 5 — Điểm canh
- 6 — Vườn
- 7 — Ao
- 8 — Nghĩa-dịa
- 9 — Đập
- 10 — Cổng
- 11 — Đề
- 12 — Bài ôn

### Chương II

- 13 — Ruộng
- 14 — Đồng bằng
- 15 — Nương mạ
- 16 — Lạch
- 17 — Sông đào
- 18 — Kinh
- 19 — Đàm
- 20 — Mũi đất
- 21 — Doi đất
- 22 — Bài ôn

### Chương III

- 23 — Bến thuyền
- 24 — Cầu
- 25 — Chợ
- 26 — Nhà hàng
- 27 — Nhà bureau
- 28 — Điện thoại
- 29 — Xe điện

- 30 — Bến tàu
- 31 — Nhà ga
- 32 — Đường Hòa-xa
- 33 — Bài ôn

### Chương VI

- 34 — Gò
- 35 — Đồi
- 36 — Núi
- 37 — Núi lửa
- 38 — Hầm mỏ
- 39 — Rừng
- 40 — Hồ
- 41 — Suối
- 42 — Sông
- 43 — Sông (t.i.)
- 44 — Bãi sông
- 45 — Đèo
- 46 — Ài
- 47 — Thung-lũng
- 48 — Bài ôn

### Chương V

- 49 — Biển
- 50 — Bờ biển
- 51 — Đảo
- 52 — Quần đảo
- 53 — Vịnh
- 54 — Bán đảo
- 55 — Đèn biển
- 56 — Phương hướng
- 57 — Phương-hướng (tiếp theo)
- 58 — Cách tìm phương hướng bằng mặt trời
- 59 — Eo biển, eo đất
- 60 — Bài ôn



### Chương I

1

## ĐƯỜNG ĐÁ

### Dàn bài

- 1 — Đường đá là gì ?
- 2 — Đường đá do và không êm.

### Bài học

Đường trải đá gọi là đường đá.

Xe đi trên đường đá bị giàn xóc. Đường đá khi trời nắng có nhiều bụi, khi trời mưa thì dơ-bẩn.

### Câu hỏi

— Đường có trải đá gọi là gì ? — Xe đi trên đường đá bị thế nào ? — Khi trời nắng, đường đá thế nào ? — Khi trời mưa, đường đá ra sao ?

2

## ĐƯỜNG NHỰA

### Dàn bài

- 1 — Đường nhựa là gì ?
- 2 — Đường nhựa dễ đi và sạch.

### Bài học

Đường đá có trải một lớp dầu hắc trên mặt gọi là đường nhựa.

Đường nhựa mặt phẳng, nhẵn và ít bụi, xe chạy êm.

### Câu hỏi

— Đường đá có trải dầu hắc gọi là gì? — Mặt đường nhựa ra sao? — Xe chạy trên đường nhựa thấy thế nào?

3.-

## 3 ĐƯỜNG ĐẤT

### Dàn bài

- 1— Đường đất là gì?
- 2— Trời mưa, đường đất khó đi.

### Bài học

Đường đi không trải đá, không tráng xi-măng gọi là đường đất.

Trời mưa, đường đất trơn và lầy-lội rất khó đi.

### Câu hỏi

— Đường không trải đá, không tráng xi-măng gọi là đường gì? — Trời mưa, đường đất thế nào?



4

## 4 NGÔ

### Dàn bài

- 1— Ngõ là gì?
- 2— Ngõ tráng xi-măng rất sạch.

### Bài học

Đường nhỏ hẹp đi vào trong thôn, xóm gọi là ngõ.

Trời mưa, những ngõ được lát gạch, hoặc tráng xi-măng không bị lầy lội.



BÀI HỌC 2

### Câu hỏi

— Đường nhỏ hẹp đi vào trong thôn xóm gọi là gì? — Trời mưa, những ngõ được tráng xi-măng thì thế nào?

5

## 5 ĐIỂM CANH

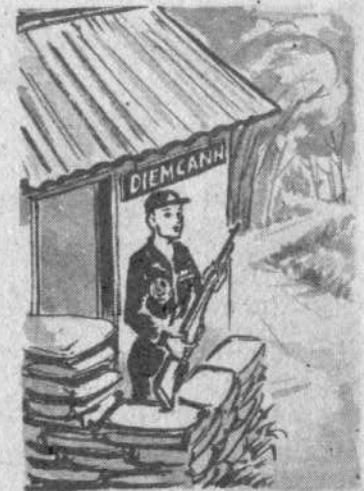
### Dàn bài

- 1— Điểm canh là gì?
- 2— Ích-lợi của điểm canh.

### Bài học

Căn nhà nhỏ, dựng ở đầu làng, đầu hẻm để người đứng canh gác gọi là điểm canh.

Ban đêm, các toán nhân-dân tự-vệ đến điểm canh để giữ gìn an ninh cho thôn-xóm.



Điểm canh ở đầu làng

### Câu hỏi

— Căn nhà nhỏ dựng ở đầu làng, đầu hẻm để người canh gác gọi là gì? — Ban đêm, các toán nhân-dân tự-vệ đến điểm canh để làm gì?

6

## 6 VƯỜN

### Dàn bài

- 1— Vườn là gì?
- 2— Các loại cây trồng trong vườn

### Bài học

Khu đất quanh nhà có trồng các loại cây gọi là vườn.

Trong vườn, người ta thường trồng rau, cây ăn trái hoặc cây kiểng v.v...



Vườn rau

**Câu hỏi**

— Khu đất quanh nhà có trồng cây gọi là gì? — Trong vườn người ta thường trồng gì? — Kè những thứ cây trồng trong vườn?

7

AO

**Dàn bài**

- 1— Nghĩa-dịa là gì?
- 2— Những ngôi mộ trong nghĩa-dịa.

**Bài học**

Khu đất rộng dùng để chôn những người chết gọi là nghĩa-dịa hay nghĩa-trang.

Trong nghĩa-dịa ta thấy có nhiều ngôi mộ đắp đất hoặc xây gạch.

**Câu hỏi**

— Khu đất để chôn những người chết gọi là gì? — Trong nghĩa-dịa ta trông thấy gì?

**Dàn bài**

- 1— Ao là gì?
- 2— Ao dùng làm gì?

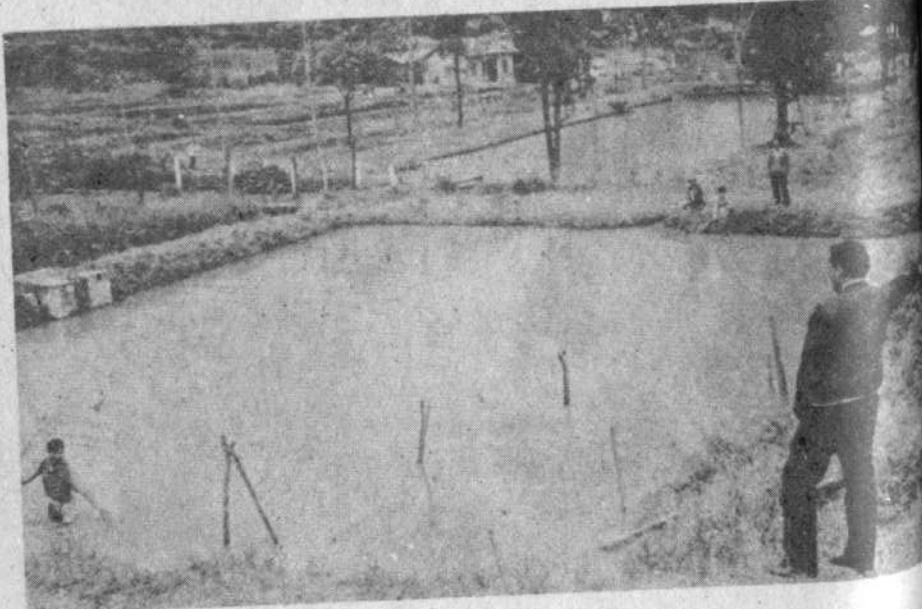
**Bài học**

Khu đất được người ta đào lên để chứa nước gọi là ao.

Ở thôn-quê, dân chúng thường đào ao để nuôi cá, thả rau muống, lấy nước để tắm giặt.

**Câu hỏi**

— Khu đất đào lên để chứa nước gọi là gì? — Ở thôn quê dân chúng thường đào ao để làm gì?



9

ĐẬP

**Dàn bài**

- 1— Đập là gì?
- 2— Ích-lợi của đập.

**Bài học**

Con đường đắp ngang sông có cửa ngăn nước mở ra, đóng vào được gọi là đập.

Người ta xây đập để giữ nước cày cấy và ngăn chặn nước mặn khỏi tràn vào ruộng.

**Câu hỏi**

— Con đường đắp ngang sông có cửa mở ra đóng vào được gọi là gì? — Người ta xây đập để làm gì?

10

CỔNG

**Dàn bài**

- 1— Cổng là gì?
- 2— Ích lợi của cổng.

### Bài học

Ống đúc bằng xi-măng chôn ngầm dưới đất để thoát nước đi nơi khác gọi là cống.

Người ta đặt cống để nước khỏi bị úng.

### Câu hỏi

— Những ống xi-măng chôn ngầm dưới đất để thoát nước gọi là gì ? — Người ta đặt cống để làm gì ?

**11****ĐÈ**

### Dàn bài

- 1— Đè là gì ?
- 2— Ích-lợi của đè.

### Bài học

Bờ đất cao và rộng đắp dọc theo hai bên bờ sông để ngăn nước, gọi là đè.

Người ta đắp đè để phòng nạn lụt phá-hoại mùa màng, nhà cửa v.v...

### Câu hỏi

— Bờ đất cao và rộng đắp dọc hai bên bờ sông để ngăn nước gọi là gì ? — Người ta đắp đè để làm gì ?

**12****BÀI ÔN**

Trả lời những câu hỏi sau đây :

- 1— Xe đi trên đường đá bị thế nào ?
- 2— Đường nhỏ hẹp, quanh co đi vào trong thôn-xóm gọi là gì ?
- 3— Ban đêm, các toán nhân-dân tự-vệ đến điểm-canhh để làm gì ?
- 4— Ở thôn-quê, dân chúng thường đào ao để làm gì ?
- 5— Người ta đắp đè để phòng nạn gì ?

## Chương II

**13****RUỘNG**

### Dàn bài

- 1— Ruộng là gì ?
- 2— Các loại ruộng.

### Bài học

Thửa đất rộng, đè tròng lúa bắp khoai gọi là ruộng.



Ruộng khô đè tròng bắp, khoai. Ruộng lúa, thường ngập nước.

### Câu hỏi

— Thửa đất rộng đè cấy lúa gọi là gì ? — Ruộng khô đè tròng gì ? — Ruộng lúa thường thế nào ?

**14****ĐỒNG-BẰNG**

### Dàn bài

- 1— Đồng-bằng là gì ?
- 2— Miền đồng-bằng dân-cư đồng-đúc.

### Bài học

Vùng đất rộng bao-la có nhiều ruộng lúa gọi là đồng-bằng.

Miền đồng-bằng dân-cư thường đồng-đúc.

### Câu hỏi

— Vùng đất rộng bao-la có nhiều ruộng lúa gọi là gì ? — Miền đồng-bằng dân-cư ở như thế nào ?

## 15 NƯƠNG MẠ

### Dàn bài

- 1— Nương mạ là gì ?
- 2— Cây khác trồng trong nương mạ.

### Bài học

Thửa ruộng cao đê gieo những hạt lúa giống cho này mầm gọi là nương mạ.

Người ta cũng thường trồng bắp hoặc trồng khoai, đậu ở nương mạ.



### Bài học

Sông đào, do người đào lên đê nối liền sông này với sông khác.

Sông đào giúp cho thuyền bè đi lại được nhanh chóng vì không phải đi đường vòng.

### Câu hỏi

- Sông đào là gì ? — Sông đào tiện lợi như thế nào ?

## 18 KINH

### Dàn bài

- 1— Kinh là gì ?
- 2— Ích lợi của việc đào kinh.

### Bài học

Lạch nước do người đào nối từ sông vào ruộng gọi là kinh.

Người ta đào kinh để lấy nước vào ruộng hoặc để thoát nước ở ruộng ra sông.

### Câu hỏi

- Lạch nước do người đào nối từ sông vào ruộng gọi là gì ? — Người ta đào kinh để làm gì ?

## 19 ĐÀM

### Dàn bài

- 1— Đàm là gì ?
- 2— Đàm rất có ích.

### Bài học

Những vùng đất rộng lớn và ngập nước gọi là đầm.

Người ta thường chăn vịt ở đầm. Mùa nước cạn, nhà nông tát nước ở đầm vào ruộng để cày bừa.

### Câu hỏi

- Những vùng đất rộng và ngập nước gọi là gì ? — Đàm có ích gì ?

## 16 LẠCH



### Dàn bài

- 1— Lạch là gì ?
- 2— Ích lợi của lạch.

### Bài học

Dòng nước nhỏ chảy qua cánh đồng gọi là lạch.

Về mùa nắng, người ta lấy nước ở lạch vào ruộng để cày cấy.

### Câu hỏi

- Dòng nước nhỏ chảy qua cánh đồng gọi là gì ? — Về mùa nắng, người ta lấy nước ở lạch vào ruộng để làm gì ?

## 17 SÔNG ĐÀO

### Dàn bài

- 1— Sông đào là gì ?
- 2— Sông đào rất tiện lợi.

## 20

### MŨI ĐẤT

#### Dàn bài

1— Mũi đất là gì?

2— Mũi Cà-mau.

#### Bài học

Phần đất nhọn nhô ra ngoài biển gọi là mũi đất.

Việt-nam có mũi Cà-mau rất rộng lớn.

#### Câu hỏi

— Phần đất nhọn nhô ra ngoài biển gọi là gì? — Ở nước ta có mũi đất nào rất rộng lớn?

## 21

### DOI ĐẤT

#### Dàn bài

1— DOI đất là gì.

2— DOI đất có người ở.

#### Bài học

Nơi bờ biển có bãi nhô ra xa thành một dải gọi là doi đất.

Trên các doi đất, dân chúng thường sống về nghề chài lưới.

#### Câu hỏi

— Nơi bờ biển có bãi nhô ra xa thành một dải gọi là gì?

— Trên các doi đất, dân chúng thường sống về nghề gì?

## 22

### BÀI ÔN

Trả lời các câu hỏi sau đây :

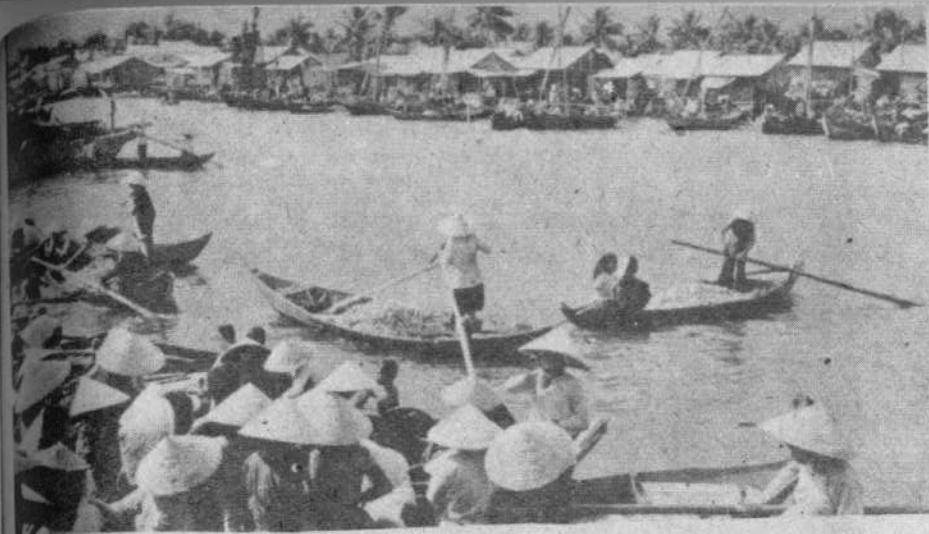
1— Ruộng để trồng gì?

2— Thửa ruộng để gieo những hạt lúa cho nảy mầm gọi là gì?

3— Sông đào tiện lợi như thế nào?

4— Người ta đào kinh để làm gì?

5— Nước ta có mũi đất nào rất rộng lớn?



## Chương III

## 23

### BẾN THUYỀN

#### Dàn bài

1— Bến thuyền là gì?

2— Những nơi có bến thuyền.

#### Bài học

Chỗ thuyền đậu để hành-khách lên xuống gọi là bến thuyền.

Thường thường những nơi dân cư đông-đúc ở gần sông mói có bến thuyền.

#### Câu hỏi

— Chỗ thuyền đậu để hành khách lên xuống gọi là gì? —

Thường thường những nơi nào có bến thuyền?

## 24

### CẦU

#### Dàn bài

1— Ích lợi của cầu.

2— Các loại cầu

#### BÀI HỌC 2



### Bài học

Muốn băng qua sông, qua rạch nhanh-chóng người ta bắc cầu.

Cầu khỉ, cầu gỗ thường bắc qua rạch. Cầu đúc, cầu sắt thường bắc qua sông lớn.

### Câu hỏi

— Người ta bắc cầu để làm gì? — Người ta bắc loại cầu nào để qua rạch? — Qua sông lớn?

**25**

**CHỢ**

### Dàn bài

- 1— Chợ là gì?
- 2— Chợ lập ở những nơi đông dân.

### Bài học

Chợ là khoảng đất rộng, có nhiều quán hàng, để dân chúng đến mua bán.

Chợ thường lập ở những nơi dân cư đông-đúc.

### Câu hỏi

— Chợ là gì? — Chợ thường lập ở đâu?



## **26 NHÀ HÀNG**

### Dàn bài

- 1— Nhà hàng là gì?
- 2— Nhà hàng ở tỉnh, nhà hàng ở thôn quê.

### Bài học

Cửa tiệm bày bán đủ loại hàng-hoá cần dùng hằng ngày gọi là nhà hàng.

Nhà hàng ở tỉnh có nhiều loại hàng hơn nhà hàng ở thôn-quê.

### Câu hỏi

— Cửa tiệm bày bán đủ loại hàng-hoá cần dùng hằng ngày gọi là gì? — Nhà hàng ở tỉnh hơn nhà hàng ở thôn-quê điểm nào?

**27**

**NHÀ BƯU-DIỆN**

### Dàn bài

- 1— Nhà bưu-diện là gì?
- 2— Các phòng trong nhà bưu-diện.

### Bài học

Nhà bưu-diện là nơi nhận, chuyền điện-tín, tiền bạc, thư-tử cho dân chúng.

Trong nhà bưu-diện có phòng bán tem (cò), phòng nhận và gửi tiền, phòng gửi thư bảo-dảm, phòng đánh điện-tín phòng điện thoại v.v...



### Câu hỏi

— Nơi nhận, chuyền điện-tín, tiền bạc, thư-tử và bán tem cho dân chúng gọi là gì? — Trong nhà bưu-diện có những phòng nào?

## 28

## ĐIỆN-THOẠI

### Dàn bài

1—Công dụng của điện-thoại.

2—Những nơi có điện-thoại.

### Bài học

Nhờ điện-thoại ta nói chuyện được với người ở xa.

Tại nhà bưu-điện các công ty sở và các tiệm buôn lớn thường có điện-thoại.



### Câu hỏi

— Muốn nói chuyện với người ở xa ta dùng gì? — *Tại những nơi nào thường có điện-thoại?*

## 29

## - XE ĐIỆN

### Dàn bài

1— Xe điện là gì?

2— Nơi có xe điện.

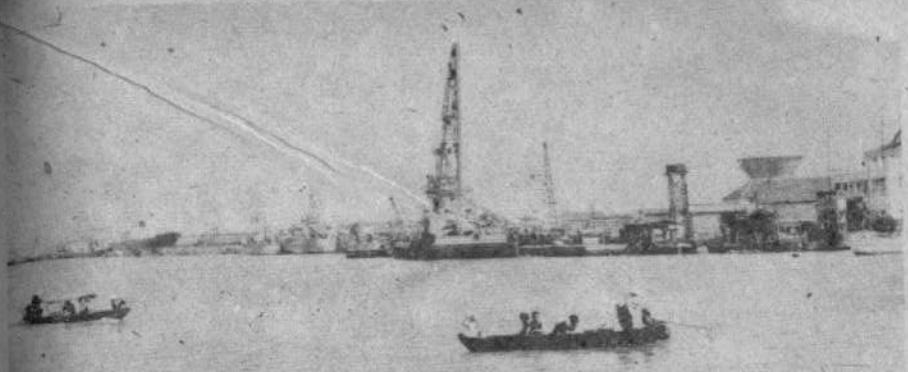
### Bài học

Xe dùng sức điện chạy trên đường sắt, gọi là xe điện.

Các thành phố ở các nước Âu - Mỹ thường có xe điện.

### Câu hỏi

— Xe dùng sức điện để chạy trên đường sắt gọi là gì?  
— Ở đâu thường có xe điện?



## 30

## BẾN TÀU

### Dàn bài

1— Bến tàu là gì?

2— Ích lợi của bến tàu.

### Bài học

Nơi tàu đậu để chở, rõ hàng-hoa và đón hành-khách lên xuống gọi là bến tàu.

Bến tàu giúp cho việc buôn bán được dễ-dàng.

### Câu hỏi

— Chỗ tàu đậu để chở, rõ hàng-hoa và hành khách lên xuống gọi là gì? — Bến tàu giúp cho việc buôn bán được thế nào?

## 31

## NHÀ GA

### Dàn bài

1— Nhà ga là gì?

2— Các phòng trong nhà ga.

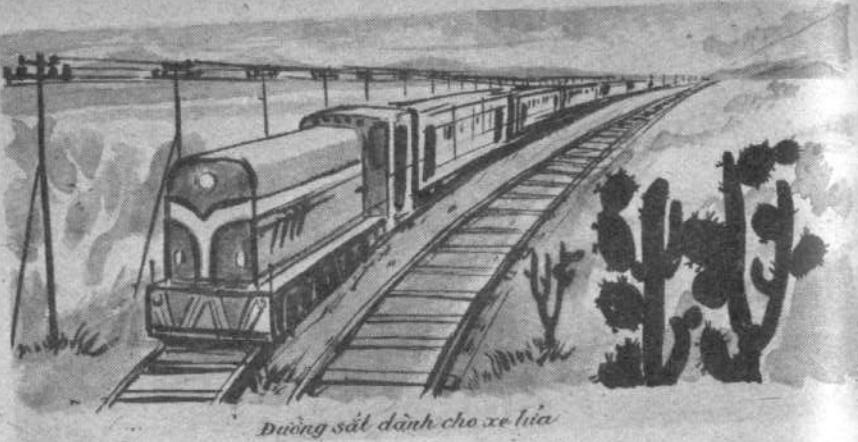
### Bài học

Chỗ xe lửa ngừng đón hành khách lên xuống và bốc rã hàng-hoa gọi là nhà ga.

Trong nhà ga có phòng bán vé, phòng khách, phòng gửi hàng-hoa v.v... .

### Câu hỏi

— Chỗ xe lửa ngừng đón hành khách lên xuống và bốc rã hàng-hoa gọi là gì? — Trong nhà ga có những phòng nào?



## 32 ĐƯỜNG HỎA-XA

**Dàn bài**

- 1— Đường hỏa-xa là gì ?
- 2— Đường hỏa-xa rất tiện lợi.

**Bài học**

Đường sắt dành cho xe lửa chạy gọi là đường hỏa-xa  
Đường hỏa-xa rất tiện lợi cho việc chuyên chở hàng  
hoá và hành khách

**Câu hỏi**

— Đường sắt dành cho xe lửa chạy gọi là gì ? — Đường  
hỏa-xa rất tiện lợi cho việc gì ?

## 33 BÀI ÔN

Trả lời những câu hỏi sau đây :

- 1— Người ta bắc loại cầu nào để qua các sông lớn ?
- 2— Chợ thường lập ở những nơi như thế nào ?
- 3— Trong nhà bưu điện có những phòng nào ?
- 4— Điện-thoại tiện lợi như thế nào ?
- 5— Chỗ xe lửa ngừng để hành khách lên xuống và bốc, ör hàng  
hỏa gọi là gì ?

## Chương VI

### 34 GÒ

**Dàn bài**

- 1— Gò là gì ?
- 2— Ích lợi của gò.

**Bài học**

Mô đất nhô lên cao ở ngoài cánh đồng gọi là gò.  
Nhà nông thường thả trâu bò ra gò để gặm cỏ.

**Câu hỏi**

- Mô đất nhô lên cao ở ngoài cánh đồng gọi là gì ?
- Nhà nông thường thả trâu bò ra gò để làm gì ?

### 35 ĐỒI

**Dàn bài**

- 1— Đồi là gì ?
- 2— Đặt trên đồi trồng-trọt được.

**Bài học**

Gò đất lân và cao gọi là đồi.

Trên đồi người ta thường trồng trà, cà-phê...

**Câu hỏi**

- Gò đất lân và cao gọi là gì ? — Trên đồi người ta thường  
trồng gì ?

### 36 NÚI

**Dàn bài**

- 1— Núi là gì ?
- 2— Ích lợi của núi.
- 3— Việt-nam có nhiều núi.

### Bài học

Đồi lớn, cao và có đá gọi là núi.

Người ta lấy đá ở núi để rải đường làm nhà  
Bắc-phàn và Trung-phàn Việt-nam có nhiều núi.

### Câu hỏi

— Đồi lớn, cao và có đá gọi là gì? — Người ta lấy đá ở đâu? — Ở Việt-nam nơi nào có nhiều núi?

**37**

### NÚI LỬA

#### Dàn bài

- 1— Núi lửa là gì?
- 2— Sự tàn-phá của núi lửa.

### Bài học

Ngọn núi có miệng phun ra một chất lỏng rất nóng gọi là núi lửa.

Khi núi lửa phun, đất rung động, chất lỏng chảy tới đâu đốt hại nhà cửa và mùa-màng tới đó.

### Câu hỏi

- Ngọn núi có miệng phun ra chất lỏng rất nóng gọi là gì?
- Chất lỏng do núi lửa phun ra gây hại thế nào?

**38**

### HÀM MỎ

#### Dàn bài

- 1— Hầm mỏ là gì?
- 2— Việt-nam có nhiều mỏ.

### Bài học

Chỗ đất ta đào sâu xuống để lấy than-đá hay quặng kim loại gọi là hầm mỏ.

Việt-nam có mỏ than-đá, mỏ sắt, mỏ thiếc, mỏ đồng v.v...

### Câu hỏi

- Chỗ đất ta đào sâu xuống để lấy than-đá hay quặng kim loại gọi là gì?
- Việt-nam có những mỏ gì?

**39**

### RỪNG

#### Dàn bài

- 1— Rừng là gì?
- 2— Ích lợi của rừng.

### Bài học

Vùng đất rộng có nhiều cây cối mọc rậm rạp và các loài thú dữ ở gọi là rừng.



Rừng cung cấp cho ta nhiều gỗ quý và dã thú. Rừng còn điều hoà mực nước sông ngòi và khí-hậu nữa.

### Câu hỏi

- Vùng đất rộng có nhiều cây cối mọc rậm rạp và các loài thú dữ ở gọi là gì?
- Rừng cung cấp những gì?
- Rừng còn giúp ích gì nữa?

**40**

### HỒ

#### Dàn bài

- 1— Hồ là gì?
- 2— Ích lợi của hồ.



### Bài học

Những vũng nước lớn, sâu, tự nhiên mà có gọi là hồ.

Hồ cho ta nước để trồng rau, thả cá, trồng sen v.v...

### Câu hỏi

— Những vũng lớn, sâu, tự nhiên mà có gọi là gì? — Hồ giúp ích gì cho ta?

## 41 – SUỐI

### Dàn bài

1— Suối là gì?

2— Nước suối uống tốt.

### Bài học

Mạch nước chảy từ khe núi xuống chỗ trũng gọi là suối.

Nước suối trong và mát. Ở nước ta có nước suối Vĩnh-hảo uống rất tốt.

### Câu hỏi

— Mạch nước chảy từ trên khe núi xuống chỗ trũng gọi là gì? — Nước suối thế nào? — Nước ta có nước suối nào uống rất tốt?

## 42 SÔNG

### Dàn bài

1— Sông là gì?

2— Ích lợi của sông.

### Bài học

Nhiều suối hay lạch gặp nhau hợp thành một dòng sông.

Sông mang phù-sa và nước vào ruộng để cày cấy. Nhờ có sông, tàu thuyền đi lại được dễ dàng. Sông còn cho ta nhiều tôm cá.



Trên sông: tàu bè di chuyển, dân chài quăng lưới đánh cá.

### Câu hỏi

— Nhiều suối hay lạch gặp nhau hợp thành gì? — Sông mang phù-sa và nước vào ruộng để làm gì? — Sông còn giúp ích gì cho ta?

## 43 SÔNG (tiếp theo)

### Dàn bài

1— Sông con.

2— Sông cái.

### Bài học

Sông con nhỏ và nông; tàu, thuyền lớn không qua lại được.

Sông cái rộng và sâu, chảy ra biển; tàu thuyền lớn đi lại dễ dàng.

### Câu hỏi

— Sông con thế nào? — Sông cái chảy ra đâu? — Tàu thuyền lớn đi lại trên sông cái thế nào?

## 44 BÃI SÔNG

### Dàn bài

1— Bãi sông là gì?

2— Bãi sông có thể trồng cây được.

### Bài học

Bãi đất do phù-sa bồi dọc theo hai bên sông gọi là bãi sông.

Đất ở bãi sông rất tốt. Người ta thường trồng bắp, khoai hoặc lúa ở bãi sông.

### Câu hỏi

— Bãi đất do phù-sa bồi dọc hai bên sông gọi gì?

— Đất ở bãi sông thế nào? — Người ta thường trồng những cây gì ở bãi sông?

## 45 ĐÈO

### Dàn bài

1— Đèo là gì?

2— Đường đèo nguy hiểm.

### Bài học

Đường quanh co đi qua một ngọn núi gọi là đèo.

Đường đèo rất nguy hiểm; thường một bên là sườn núi, một bên là vực sâu.



### Câu hỏi

— Đường quanh co đi qua một ngọn núi gọi là gì? — Đường đèo nguy hiểm như thế nào?

## 46 ẢI

### Dàn bài

1— Ải là gì?

2— Các ải ở nước ta.

### Bài học

Đường nhỏ hẹp ở giữa hai dãy núi ăn thông với hai nước gọi là ải.

Nước ta có ải Nam-quan và ải Chi-lăng.

### Câu hỏi

— Đường nhỏ hẹp ở giữa hai dãy núi ăn thông với hai nước gọi là gì? — Nước ta có những ải nào?

## 47 THUNG LŨNG

### Dàn bài

1— Thung lũng là gì?

2— Thung-lũng đất tốt có người ở.

### Bài học

Vùng đất thấp nằm giữa hai dãy núi gọi là thung lũng.

Ở thung lũng đất tốt, trồng trọt được, nên có người ở.

### Câu hỏi

— Vùng đất thấp nằm giữa hai dãy núi gọi là gì? — Tại sao ở thung lũng lại có người ở?

## 48 BÀI ÔN

1— Trên đồi người ta thường trồng gì?

2— Ở nước ta có những mỏ gì?

3— Ở nước ta có nước suối nào uống rất tốt?

4— Sông mang phù-sa và nước vào ruộng để làm gì?

5— Đường đèo nguy hiểm như thế nào?



## Chương V

### 49 BIỂN

#### Dàn bài

- 1— Biển là gì ?
- 2— Ích lợi của biển.

#### Bài học

Vùng nước rộng mênh-mông và sâu gọi là biển.

Biển cung cấp tôm, cá, muối. Biển giúp cho tàu thuyền đi lại dễ dàng.

#### Câu hỏi

— Vùng nước rộng mênh-mông và sâu gọi là gì ? — Biển cung cấp những gì ? — Biển còn giúp ích gì cho ta ?

### 50 BỜ BIỂN

#### Dàn bài

- 1— Bờ biển là gì ?
- 2— Bờ biển miền núi — Bờ biển miền đồng bằng.

#### Bài học

Phần đất giáp với biển gọi là bờ biển.

Bờ biển giáp núi thì gò ghề lởm-chởm đá. Bờ biển miền đồng bằng thường thấp và phẳng.

#### Câu hỏi

— Phần đất giáp với biển gọi là gì ? — Bờ biển giáp với núi thì thế nào ? — Bờ biển ở miền đồng bằng ra sao ?

### 51 ĐẢO

#### Dàn bài

- 1— Đảo là gì ?
- 2— Việt-nam có nhiều đảo.

#### Bài học

Vùng đất rộng nhô lên trên mặt biển gọi là đảo.

Việt-nam có đảo Cái-bầu, Cái-bàn, Cát-bà, Côn-son Phú-quốc v.v...

#### Câu hỏi

— Vùng đất rộng nhô lên trên mặt biển gọi là gì ? — Việt-nam có những đảo nào ?

### 52 QUẦN - ĐẢO

#### Dàn bài

- 1— Quần-đảo là gì ?
- 2— Các quần đảo ở Việt-nam.

#### Bài học

Nhiều đảo ở sát nhau gọi là quần-đảo.

Việt-nam có quần - đảo Hoàng-sa và Tây-sa.

#### Câu hỏi

— Nhiều đảo ở sát nhau gọi là gì ? — Việt-nam có những quần đảo nào ?

### 53 VỊNH

#### Dàn bài

- 1— Vịnh là gì ?
- 2— Vịnh của Việt-nam .

### Bài học

Vùng biển ăn sâu vào trong đất liền gọi là vịnh.

Vịnh Cam Ranh của ta là một hải-cảng rất tốt.

### Câu hỏi

— Vùng bờ biển ăn sâu vào trong đất liền gọi là gì? —  
Những vịnh có núi bao quanh là những hải cảng thế nào?

## 54 BÁN ĐẢO

### Dàn bài

- 1— Bán-đảo là gì?
- 2— Việt-nam là một bán đảo.

### Bài học

Phần đất liền nhô xa ra ngoài biển gọi là bán-đảo.

Nước Việt-nam là một bán đảo.

### Câu hỏi

— Phần đất liền nhô xa ra ngoài biển gọi là gì? — Tại sao Việt-nam lại gọi là một bán đảo?

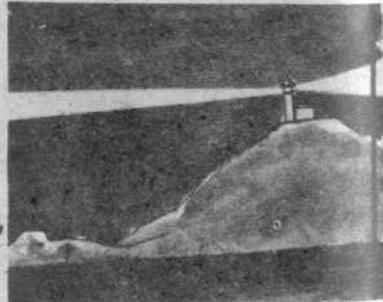
## 55 ĐÈN BIỂN

### Dàn bài

- 1— Đèn biển là gì?
- 2— Ích lợi của đèn biển.

### Bài học

Đèn pha đặt trên đài cao, chiếu ánh sáng ra ngoài mặt biển gọi là đèn biển.



Ban đêm, đèn biển soi đường cho tàu, thuyền ra vào các hải-cảng.

### Câu hỏi

— Đèn pha đặt trên đài cao, chiếu ánh sáng ra ngoài mặt biển gọi là gì? — Đèn biển dùng để làm gì?

## 56 PHƯƠNG-HƯỚNG

### Dàn bài

- 1— Các phương chính.
- 2— Các phương bàng.

### Bài học

Có bốn phương chính là Đông, Tây, Nam, Bắc.

Giữa bốn phương chính là bốn phương bàng. Các phương bàng là: Đông-Bắc, Tây-Bắc, Đông-Nam, Tây-Nam.

### Câu hỏi

— Có mấy phương chính? kè ra. — Giữa bốn phương chính có mấy phương bàng? kè ra.

## 57 PHƯƠNG-HƯỚNG (liếp theo)

### Dàn bài

- 1— Hướng mặt trời mọc.
- 2— Hướng mặt trời lặn.

### Bài học

Buổi sáng, mặt trời mọc ở phương Đông.

Buổi chiều, mặt trời lặn về phương Tây.

### Câu hỏi

— Buổi sáng, mặt trời mọc ở phương nào? — Buổi chiều mặt trời lặn về phương nào?

## 58 CÁCH TÌM PHƯƠNG HƯỚNG BẰNG MẶT TRỜI

### Dàn bài

- 1— Cách tìm phương hướng căn cứ vào mặt trời.
- 2— Nhận định các phương.

## Bài học

Ta đứng thẳng người dang hai tay ra. Tay phải hướng về phía mặt trời mọc là phương Đông. Tay trái là phương Tây. Trước mặt là phương Bắc. Sau lưng là phương Nam.

## Câu hỏi

— Ban ngày ta có thể cẩn cứ vào đâu để tìm phương hướng ? — Muốn tìm phương hướng bằng mặt trời em phải làm sao ? — Tay phải chỉ hướng nào ? — Tay trái chỉ hướng nào ? — Trước mặt là phương gì ? — Sau lưng là phương gì ?

## 59 EO BIỂN, EO ĐẤT

### Dàn bài

- 1— Eo biển là gì ?
- 2— Eo đất là gì ?

## Bài học

Chỗ biển nhỏ và hẹp nằm giữa hai vùng đất gọi là eo biển.

Dải đất dài và hẹp, hai bên có biển gọi là eo đất.

## Câu hỏi

— Chỗ biển nhỏ và hẹp nằm giữa hai vùng đất gọi là gì ?  
— Dải đất dài và hẹp, hai bên có biển gọi là gì ?

## 60 BÀI ÔN

- 1— Biển cung cấp cho ta những gì ?
- 2— Bờ biển ở miền đông bằng thế nào ?
- 3— Việt-nam có những đảo nào ?
- 4— Vịnh là gì ?
- 5— Buổi sáng mặt trời mọc ở phương nào ?

## MỤC LỤC

### Khoa-học

#### Chương I : ÔN CHƯƠNG TRÌNH LỚP MỘT

- 1— Những chất tan trong nước
- 2— Những chất không tan trong nước
- 3— Cây cầu nước
- 4— Cây cầu ánh nắng
- 5— Cây cầu đất màu

#### Chương II : CÂY CỎ LỚN THẾ NÀO ?

- 6— Hạt: mầm hạt
- 7— Trồng cây bằng hạt: cây đậu
- 8— Trồng cây bằng củ: khoai tây
- 9— Trồng cây bằng mầm: cây mía
- 10— Trồng cây bằng dây: khoai lang
- 11— Bài ôn chương II

#### Chương III : LOÀI VẬT LỚN THẾ NÀO ?

- 12— Con chó
- 13— Con chim
- 14— Con gà
- 15— Con cá
- 16— Bài ôn chương III

#### Chương IV : THÂN THỂ NGƯỜI TA

- 17— Thân, thể
- 18— Ngũ-quan
- 19— Da
- 20— Mắt
- 21— Mắt nhìn gần, nhìn xa
- 22— Mũi
- 23— Lิrői
- 24— Tai
- 25— Bài ôn chương IV

#### Chương V : TRỜI

- 26— Mặt trời
- 27— Mặt trăng

- 28— Trái đất
- 29— Trái đất quay

- 30— Ngày và đêm
- 31— Bài ôn chương V

#### Chương VI : KHÔNG-KHÍ

- 32— Không-khí ở chung quanh ta
- 33— Không-khí cần cho sự sống
- 34— Không-khí cần cho sự cháy
- 35— Không-khí chuyển động thành gió
- 36— Haze
- 37— Bài ôn chương VI

#### Chương VII : TIẾNG ĐỘNG

- 38— Những tiếng động chung quanh ta
- 39— Khi nào ta nghe thấy tiếng động ?
- 40— Tại sao ta nghe thấy tiếng động ?
- 41— Tiếng động đi qua không-khí
- 42— Tiếng động đi qua đất
- 43— Tiếng động đi qua gỗ
- 44— Tiếng động đi qua nước
- 45— Những tiếng động giúp ích cho ta
- 46— Những tiếng động giúp ích cho ta (t.)
- 47— Bài ôn chương VII

#### Chương VIII : NƯỚC

- 48— Nước mưa
- 49— Nước mạch — Giếng
- 50— Suối — Khe — Thác
- 51— Nước suối, nước khe có uống được không ?
- 52— Sông
- 53— Ích lợi của sông
- 54— Biển
- 55— Bờ biển — Bãi biển
- 56— Học ôn chương VIII

## Chương I

### HỌC ÔN CHƯƠNG - TRÌNH LỚP MỘT

#### 1

#### NHỮNG CHẤT TAN TRONG NƯỚC

##### Dàn bài

1— Thi-nghiệm: đường tan trong nước.

2— Nhiều chất có thể tan trong nước.

##### Bài học

Cho đường vào ly nước, rồi lấy muỗng khuấy đều. Đường sẽ tan hết trong nước.

Nước có thể làm tan được nhiều chất như đường, muối, sữa bột...

##### Câu hỏi

— Cho đường vào nước mà khuấy đều, ta thấy thế nào?  
— Kẽ vài chất có thể tan trong nước?



#### 2

#### NHỮNG CHẤT KHÔNG TAN TRONG NƯỚC

##### Dàn bài

1— Thi-nghiệm: gạo không tan trong nước.

2— Nhiều chất không tan trong nước.

##### Bài học

Cho gạo vào ly nước, rồi lấy muỗng khuấy đều. Gạo sẽ lắng xuống đáy ly.

Nước không làm tan được nhiều chất như gạo, bắp, mè...

##### Câu hỏi

— Cho gạo vào nước mà khuấy đều, ta thấy thế nào?  
— Kẽ vài chất không tan trong nước.



#### 3

#### CÂY CẦN NƯỚC

##### Dàn bài

1— Thi-nghiệm: cây hút nước.

2— Cây cần có nước để sống.

##### Bài học

Cám cành huệ trắng vào ly nước pha phèm xanh. Vài giờ sau, bông huệ trắng đổi thành màu xanh. Cành huệ đã hút nước trong ly.

Cây cối cần có nước thì mới tươi-tốt. Khi trời không mưa, ta phải tưới cây.

##### Câu hỏi

— Cám cành huệ trắng vào ly nước màu, vài giờ sau, bông huệ sẽ thay đổi như thế nào? — Muốn được tươi tốt cây cối cần gì? — Khi nào ta cần tưới cây?

## 4 CÂY CẦN ÁNH NẮNG

### Dàn bài

- 1— Thiếu ánh nắng cây sẽ vàng úa.
- 2— Cần trồng cây ở nơi dãi nắng.

### Bài học

- Cây trồng ở nơi thiếu ánh nắng sẽ vàng úa.
- Cây trồng ở nơi dãi nắng sẽ xanh tươi.

### Câu hỏi

— Cây trồng ở nơi thiếu ánh nắng sẽ ra sao? — Cây trồng ở những nơi nào mới được xanh tươi?

## 5 CÂY CẦN ĐẤT MÀU

### Dàn bài

- 1— Thiếu đất màu, cây tàn úa.
- 2— Cần phải bón phân.

### Bài học

Cây trồng trong chậu cát sẽ tàn úa. Cây trồng nơi đất màu sẽ xanh tươi.

Ta cần bón phân cho đất thêm màu-mỡ. Nhờ đó, cây cói mới tươi tốt và sai bông, trái.

### Câu hỏi

— Cây trồng trong chậu cát sẽ thế nào? — Cây trồng nơi đất thế nào sẽ xanh tươi? — Muốn cho đất thêm màu mỡ người ta làm thế nào? — Nhờ đó cây cói sẽ ra sao?

## Chương II

### CÂY CỎ LỚN THẾ NÀO?

## 6 HẠT: MẦM HẠT

### Dàn bài

- 1— Vỏ hạt.
- 2— Mảnh hạt.
- 3— Mầm hạt.

### Bài học

Hạt đậu có vỏ mỏng bao ngoài.

Bên trong vỏ là hai hạt mảnh màu vàng lợt.

Giữa hai mảnh hạt có một cái mầm. Chính mầm hạt sẽ mọc thành cây.

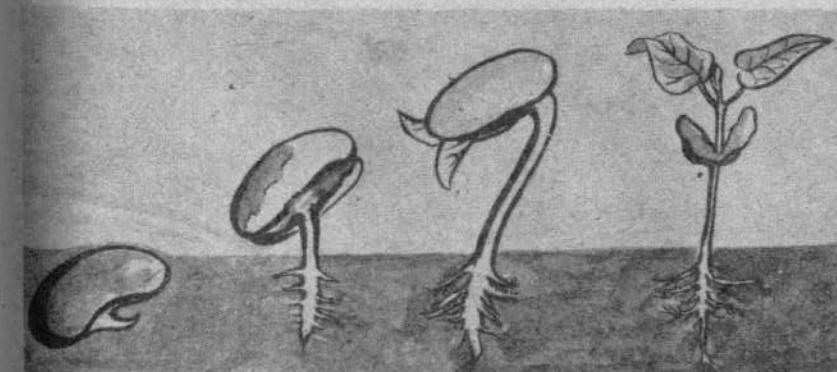
### Câu hỏi

— Hạt đậu có gì bào ngoài? — Bên trong vỏ là gì? — Mầm hạt đậu ở đâu? — Mầm hạt đậu sẽ mọc thành gì?

## 7 TRỒNG CÂY BẰNG HẠT: CÂY ĐẬU

### Dàn bài

- 1— Cách trồng cây đậu.
- 2— Hạt đậu mọc thành cây.



Hạt đậu từ lúc nảy mầm đến thành cây

### Bài học

Muốn trồng cây đậu ta vùi hạt đậu vào nơi đất ẩm, vài ba ngày sau vỏ hạt nứt ra, Rễ mầm mọc cắm xuống đất. Thân mầm nhô lên cao mà thành cây đậu.

### Câu hỏi

— Ta trồng cây đậu cách nào? — Gieo hạt được vài ba ngày, vỏ sẽ thế nào? — Phần nào của hạt đậu cắm xuống đất?

— Thân mầm nhô lên rồi thành gì?

**8**

### TRỒNG CÂY BẰNG CỦ : KHOAI TÂY

#### Dàn bài

- 1— Khoai tây trồng bằng củ.
- 2— Cách trồng khoai tây.

#### Bài học

Khoai tây trồng bằng củ ở nơi đất xốp.

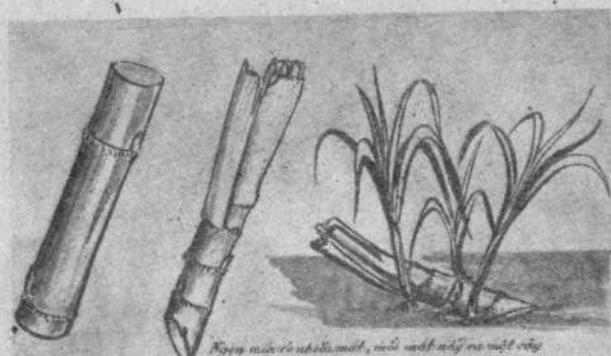
Củ khoai tây giống đẽ chồ àm sẽ này mầm. Vùi củ khoai này xuống đất, mầm khoai lớn dần, rồi nhô lên khỏi mặt đất. Vài tháng sau cây sẽ có củ.

#### Câu hỏi

— Khoai tây trồng bằng gì? — Củ khoai tây giống đẽ chồ àm sẽ thế nào? — Vùi củ khoai này mầm xuống đất, mầm sẽ ra sao? — Trong bao lâu cây sẽ có củ?

**9**

### TRỒNG CÂY BẰNG MẮT (NGỌN) : CÂY MÍA



#### Dàn bài

- 1— Trồng mía bằng ngọn,
- 2— Cách trồng mía.

#### Bài học

Mía trồng bằng ngọn. Ngọn mía có nhiều mắt, mỗi mắt là một cái chồi.

Giâm ngọn mía xuống đất, những chồi sẽ này mầm, rồi lớn dần thành khóm mía.

#### Câu hỏi

— Mía trồng bằng gì? — Phần nào của cây mía có nhiều mắt? — Giâm ngọn mía xuống đất, ta sẽ thấy gì?

**10**

### TRỒNG CÂY BẰNG DÂY : KHOAI LANG

#### Dàn bài

- 1— Khoai lang trồng bằng dây
- 2— Cách trồng khoai lang.

#### Bài học

Khoai lang trồng bằng dây ở nơi đất cao-ráo.

Cắt một khúc dây khoai ở ngọn, giâm xuống đất; dây đâm rễ mọc lên tươi tốt. Khoai lang trồng độ ba tháng thì có củ.

#### Câu hỏi

— Khoai lang trồng bằng gì? ở nơi đất thế nào? — Nói cách trồng khoai lang.— Khoai lang trồng độ bao lâu thì có củ?

**11**

### BÀI ÔN CHƯƠNG II

Trả lời những câu hỏi:

- 1— Giữa hai mảnh của hạt đậu có gì?
- 2— Vùi hạt đậu xuống đất, mầm sẽ thế nào?
- 3— Gieo hạt đậu chồ đất ẩm, vài ba ngày sau vỏ hạt sẽ thế nào?
- 4— Rễ mầm của hạt đậu mọc ra sao?
- 5— Khoai tây trồng bằng gì? — Nói cách trồng khoai tây.
- 6— Nói cách trồng cây mía.

### Chương III

#### LOÀI-VẬT LỚN THẾ NÀO ?

##### 12 CON CHÓ

###### Dàn bài

- 1— Chó cái đẻ con và cho con bú.
- 2— Chó thích ăn thịt sống.

###### Bài học

**Chó cái đẻ ra con và cho con bú.** Chó con thường bú mẹ từ bốn đến năm tuần thì biết ăn cơm.

**Chó thích ăn thịt sống.**

###### Câu hỏi

— Chó cái đẻ ra gì? — Chó cái nuôi con cách nào? — Chó con thường bú sữa mẹ trong bao lâu? — Chó thích ăn gì?

##### 13 - CON CHIM

###### Dàn bài

- 1— Chim mái đẻ trứng rồi ấp trứng nở ra con.
- 2— Chim nuôi con bằng mồi.



###### Bài học

Chim thường làm tổ trên cây. Chim mái đẻ trứng rồi ấp trứng nở ra con.

Chim mái và chim trống tìm mồi về móm cho con. Khi đủ lông, chim non bay đi kiếm mồi để sống.

###### Câu hỏi

— Chim thường làm tổ ở đâu? — Chim mái đẻ ra gì?  
— Trứng chim ấp nở ra gì? — Chim nuôi con cách nào? — Khi nào chim non bay đi kiếm mồi để ăn?

##### 14 CON GÀ

###### Dàn bài

- 1— Gà mái đẻ ra trứng rồi ấp nở thành con.
- 2— Gà mái nuôi con.
- 3— Gà ăn sâu bọ.

###### Bài học

**Gà mái đẻ ra trứng rồi ấp trứng nở thành gà con.**

**Gà mẹ dẫn gà con đi kiếm mồi.** Gà con lớn dần rồi tự đi kiếm ăn.

**Gà ăn sâu bọ, thóc...**

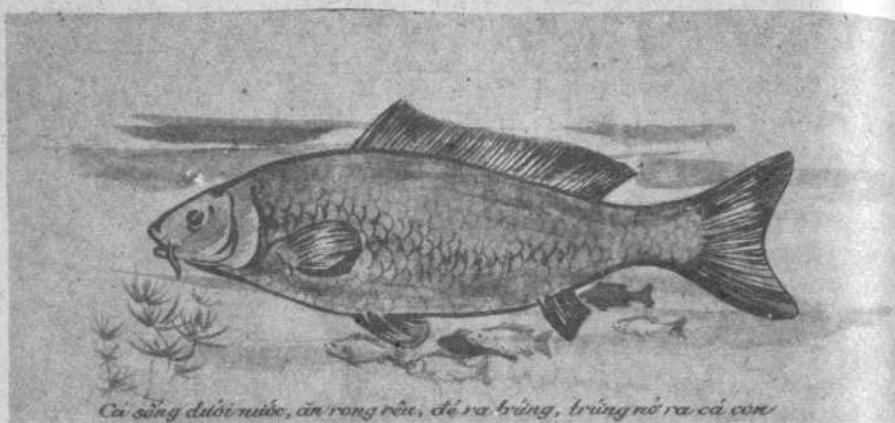
###### Câu hỏi

— Gà mái đẻ ra gì? — Trứng gà ấp nở ra gì? — Gà mẹ nuôi con cách nào? — Gà ăn gì?

##### 15 CON CÁ

###### Dàn bài

- 1— Cá sống dưới nước.
- 2— Cá đẻ trứng.
- 3— Thức ăn của cá.



Cá sống dưới nước, ăn rong rêu, đẻ ra trứng, trứng nở ra cá con.

### Bài học

Cá sống dưới nước, bơi bằng vây và đuôi, thở bằng go. Mình cá thường có vây.

Cá đẻ trứng, trứng nở ra cá con.

Cá ăn rong rêu, cây cỏ, tôm tép...

### Câu hỏi

— Cá sống ở đâu? — Cá bơi bằng gì? thở bằng gì? — Mình cá thường có gì? — Cá đẻ ra gì? — Trứng cá nở ra gì? — Cá ăn gì?

## 16

### BÀI ÔN CHƯƠNG V

Trả lời những câu hỏi:

- 1— Chó cái đẻ ra gì? — Người ta nuôi chó đẻ làm gì?
- 2— Chim mái đẻ ra gì? — Chim nuôi con cách nào?
- 3— Gà mái đẻ ra gì? — Gà mái làm thế nào đẻ trứng nở ra gà con? — Gà mẹ nuôi con cách nào?
- 4— Cá sống ở đâu? — Cá đẻ ra gì?

## Chương VI

### THÂN-THÈ NGƯỜI TA

## 17

### THÂN-THÈ

#### Dàn bài

- 1— Các phần của thân-thè.
- 2— Cách làm cho thân-thè khoẻ-mạnh.

#### Bài học

Thân-thè người ta gồm có đầu, mình và tay chân.

Muốn thân-thè khoẻ-mạnh, ta phải ăn, ngủ đầy-dủ và năng tập thể-dục. Hàng ngày, ta phải tắm gội cho sạch-sẽ.

#### Câu hỏi

— Thân thể người ta gồm những phần nào? — Muốn thân-thè khoẻ-mạnh ta phải làm gì? — Tại sao hàng ngày ta phải tắm với?

## 18

### NGŨ QUAN

#### Dàn bài

- 1— Năm giác-quan.
- 2— Công-dụng của năm giác-quan.

#### Bài học

Ta có năm giác-quan là mắt, tai, mũi, lưỡi và da.

Ta trông bằng mắt, nghe bằng tai, ngửi bằng mũi. Lưỡi giúp ta phân-biệt được các vị mặn, ngọt... Ta biết được nóng, lạnh... là nhờ ở da.

#### Câu hỏi

— Ta có những giác-quan nào? — Ta trông bằng gì? — Nhờ đâu ta phân-biệt được các vị mặn, ngọt...? — Nhờ đâu ta biết được nóng, lạnh?

**Dàn bài**

- 1— Da thế nào ?
- 2— Công-dụng của da.
- 3— Giữ da sạch-sẽ.

**Bài học**

Da mỏng và mềm. Trên mặt da có nhiều lông và lỗ chân lông.

Da che-chở thân-thề. Mồ-hôi tiết ra ngoài qua những lỗ chân lông.

Ta phải nắng tắm, gội đè giữ cho da sạch-sẽ.

**Câu hỏi**

Da thế nào ? — Trên mặt da có gì ? — Mồ-hôi tiết ra ngoài qua đâu ? — Ta phải làm gì để cho da sạch-sẽ ?

**Dàn bài**

- 1— Các phần ở ngoài mắt.
- 2— Các phần ở trong mắt.

**Bài học**

Người ta có hai mắt. Mắt có mí mắt, lông mi và lông mày.

Trong mắt có tròng trắng và tròng đen. Giữa tròng đen là con ngươi. Nhờ con ngươi, ta trông thấy mọi vật.

**Câu hỏi**

— Ngoài mắt có gì ? — Trong mắt có gì ? — Ở giữa tròng đen của mắt có gì ? — Nhờ đâu ta trông thấy mọi vật ?



Nắng tắm cho da sạch-sẽ

**Dàn bài**

- 1— Mắt nhìn gần.
- 2— Mắt nhìn xa.
- 3— Đeo kính đè trông rõ.

**Bài học**

Mắt nhìn gần mới thấy là cận-thị.

Mắt nhìn xa mới thấy là viễn-thị.

Các cụ già thường bị viễn-thị.

Người cận-thị và viễn-thị cần phải đeo kính thì mới trông thấy rõ mọi vật.

**Câu hỏi**

— Mắt nhìn gần mới thấy là mắt thế nào ? — Mắt nhìn xa mới thấy là mắt thế nào ? — Những người ở tuổi nào thường bị viễn thị ? — Người cận thị và viễn-thị đeo kính đè làm gì ?



Người cựu chiến binh đeo kính để nhìn rõ

**Dàn bài**

- 1— Các phần của mũi.
- 2— Nên thở bằng mũi.
- 3— Dùng khăn sạch để ngoáy mũi hay hỉ mũi.

**Bài học**

Mũi gồm có sống mũi và hai lỗ mũi. Trong lỗ mũi có lông.

Ta nên thở bằng mũi vì lông mũi cản được bụi.

Khi ngoáy mũi hay hỉ mũi ta phải dùng khăn sạch.

**Câu hỏi**

— Mũi gồm những phần nào ? — Trong lỗ mũi có gì ? — Tại sao ta nên thở bằng mũi ? — Ta ngoáy mũi và hỉ mũi bằng khăn thế nào ?

## 23. LƯỜI

### Dàn bài

- 1— Mô-tả cái lưỡi.
- 2— Công-dụng của lưỡi.

### Bài học

Lưỡi mềm nên cử-động được dễ-dàng. Trên mặt lưỡi có những hạt nhỏ li-ti. Lưỡi giúp ta phân-biệt được các vị mặn, ngọt...

### Câu hỏi

- Tại sao lưỡi cử-động dễ-dàng ? — Trên mặt lưỡi có gì ?  
— Lưỡi giúp ta việc gì ?

## 24 TAI

### Dàn bài

- 1— Các phần của tai.
- 2— Tiếng động làm rung màng nhĩ nên ta nghe được.
- 3— Vệ-sinh về tai.

### Bài học

Tai có hai tai. Tai gồm có vành tai, lỗ tai và màng nhĩ.

Khi có tiếng động, vành tai thu tiếng động. Tiếng động làm rung màng nhĩ, nên ta nghe thấy.

Ta phải giữ tai sạch-sẽ.

### Câu hỏi

- Tai gồm có những phần nào ? — Tại sao ta nghe được tiếng động ? — Ta phải giữ tai thế nào ?

## 25 – BÀI ÔN CHƯƠNG IV

- 1— Thân-thè người ta gồm những phần nào ? — Muốn được khoẻ-mạnh, ta phải làm thế nào ?
- 2— Ta có những giác quan nào ? — Nhờ đâu ta phân-biệt được các vị chua, cay ?
- 3— Mồ-hôi tiết ra ngoài qua đâu ? — Muốn da luôn luôn sạch-sẽ, ta phải làm gì ?
- 4— Ngoài mắt có gì ? — Trong mắt có gì ?
- 5— Người phải nhìn gần mới thấy là người thế nào ? — Người già mắt thường thế nào ?
- 6— Mũi gồm những phần nào ? — Tại sao ta nên thở bằng mũi ?
- 7— Trên mặt lưỡi có gì ?
- 8— Tai gồm những phần nào ? — Tại sao ta nghe được tiếng động ?

## Chương V

### TRỜI

## 26 MẶT TRỜI

### Dàn bài

- 1— Hình-thê mặt trời.
- 2— Mặt trời cần cho mọi sinh-vật.

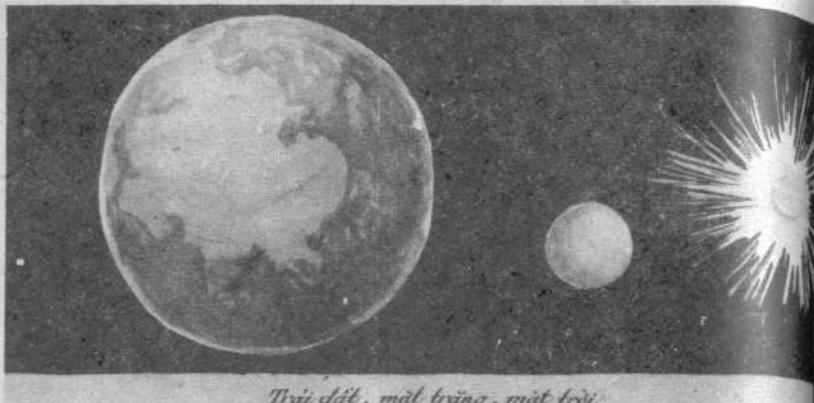
### Bài học

Mặt trời tròn, lớn hơn trái đất hàng triệu lần.

Mặt trời tỏa ánh sáng và hơi nóng xuống trái đất. Nhờ vậy người, vật, cây cối mới sống được.

### Câu hỏi

- Mặt trời hình gì ? — Mặt trời tỏa gì xuống đất ? — Nhờ đâu mọi sinh-vật sống được ?



Trái đất, mặt trăng, mặt trời

## 27 MẶT TRĂNG

Dàn bài

- 1— Hình-thê mặt trăng.
- 2— Ánh sáng trăng.
- 3— Trăng tròn, trăng khuyết.

Bài học

Mặt trăng tròn, nhỏ hơn trái đất.

Những đêm có trăng, trái đất được soi-sáng. Ánh sáng trăng mát dịu, không nóng như ánh sáng mặt trời.

Mặt trăng có khi tròn, có khi khuyết.

Câu hỏi

— Mặt trăng hình gì? — Những đêm có trăng, trái đất thế nào? — Ánh sáng trăng thế nào? — Vào những ngày nào trong tháng mặt trăng tròn? mặt trăng khuyết?

## 28 TRÁI ĐẤT

Dàn bài

- 1— Hình-thê trái đất.
- 2— So sánh trái đất với mặt trăng và mặt trời.
- 3— Biển, núi, đồng-bằng.

Bài học

Trái đất hình tròn, hai đầu hơi giẹp.

Trái đất lớn hơn mặt trăng, nhưng nhỏ hơn mặt trời.

Trên mặt trái đất, chỗ trũng sâu có nước là hồ, ao, biển, chỗ nhô cao là núi và chỗ bằng-phẳng là đồng-bằng.

Câu hỏi

— Trái đất hình gì? — So với mặt trăng và mặt trời, trái đất lớn hay nhỏ hơn? — Trên mặt trái đất chỗ nào là biển? chỗ nào là núi? chỗ nào là đồng-bằng?

## 29 TRÁI ĐẤT QUAY

Dàn bài

- 1— Trái đất quay tròn.
- 2— Trái đất quay chung quanh mặt trời.

Bài học

Lúc nào trái đất cũng quay tròn như con vự. Ta không nhận thấy trái đất quay vì nó quá lớn.

Không những trái đất quay quanh mình nó, mà còn quay chung quanh mặt trời nữa.

Câu hỏi

— Trái đất quay quanh mình nó như thế nào? — Tại sao ta không nhận thấy trái đất quay? — Trái đất vừa quay quanh mình nó, vừa quay quanh gì?

## 30 — NGÀY VÀ ĐÊM

Dàn bài

- 1— Mặt trời chiếu sáng trái đất.
- 2— Ban ngày.
- 3— Ban đêm.

BÀI HỌC 2

### Bài học

Mặt trời chiếu sáng xuống trái đất, trong khi trái đất quay tròn.

Phần trái đất hướng về mặt trời, nhận được ánh sáng là ban ngày.

Phần trái đất không nhận được ánh sáng mặt trời là ban đêm.

### Câu hỏi

— Mặt trời chiếu sáng đâu ? — Phần trái đất hướng về mặt trời là gì ? — Phần trái đất không nhận được ánh sáng mặt trời là gì ?

## 31 BÀI ÔN CHƯƠNG V

Trả lời những câu hỏi :

- 1— Mặt trời hình gì ? — Lớn hay nhỏ hơn trái đất ? — Mặt trời tỏa ánh sáng và hơi nóng xuống đâu ?
- 2— Những đêm có trăng trái đất thế nào ? — Ánh sáng trăng thế nào ?
- 3— Trái đất hình gì ? — Hai đầu thế nào ? — Trên mặt trái đất có những gì ?
- 4— Trái đất quay quanh mình nó như thế nào ? — Trái đất còn quay chung quanh gì nữa ?
- 5— Phần trái đất hướng về mặt trời là gì ? — Phần trái đất không nhận được ánh sáng mặt trời là gì ?

### Chương VI

#### KHÔNG - KHÍ

## 32

### KHÔNG-KHÍ Ở CHUNG QUANH TA

#### Dàn bài

- 1— Nhận xét.
- 2— Nơi nào cũng có không khí.

### Bài học

Úp thẳng một cái ly không vào thau nước. Nước không vào được trong ly, vì bị không-khí trong ly cản lại. Nghiêng cái ly đi một chút, ta thấy bọt từ trong ly thoát ra. Đó là không khí.

Chung quanh ta, nơi nào cũng có không-khí.

### Câu hỏi

— Úp thẳng một cái ly không vào thau nước, tại sao nước không vào ly được ? — Nghiêng ly, bọt từ đâu thoát ra ? — Những bọt đó là gì ? — Ở đâu có không-khí ?

## 33

### KHÔNG-KHÍ CẦN CHO SỰ SỐNG

#### Dàn bài

- 1— Nhận xét.
- 2— Không-khí cần cho sự sống.



### Bài học

Bịt mũi lại, ta nghẹt thở. Nhốt con chim trong lọ đậm kín, chim sẽ chết. Ủp cái ly lên một cây nhỏ, cây sẽ vàng úa.

Không-khí rất cần cho sự sống của người, vật và cây cỏ.

### Câu hỏi

— Bịt mũi lại ta thấy thế nào? — Nhốt chim trong lọ kín, chim sẽ ra sao? — Ủp ly lên một cây nhỏ, cây sẽ thế nào? — Không-khí cần-thiết như thế nào?

**34**

## KHÔNG-KHÍ CẦN CHO SỰ CHÁY

### Dàn bài

- 1— Nhận xét.
- 2— Không-khí cần cho sự cháy.

### Bài học

Ủp cái ly lên ngọn nến đang cháy, ngọn nến lu dàn rồi tắt. Khi ngọn nến sáp tắt, nếu bỏ ly ra, ngọn nến lại cháy sáng.

Không-khí rất cần cho sự cháy.

### Câu hỏi

— Ủp cái ly lên ngọn nến đang cháy, ngọn nến sẽ thế nào? — Khi ngọn nến sáp tắt, nếu bỏ ly ra, ngọn nến sẽ ra sao?

**35**

## KHÔNG-KHÍ CHUYỂN-BỘNG THÀNH GIÓ

### Dàn bài

- 1— Nhận xét.
- 2— Không-khí chuyển động thành gió.



### Bài học

Trời nóng bức, ta thường quạt cho mát. Khi quạt, ta làm cho không-khí chuyển động nên sinh ra gió. Quạt máy quay nhanh tạo ra nhiều gió nên ta thấy mát hơn.

Không-khí chuyển động thành gió.

### Câu hỏi

— Trời nóng bức, ta thường quạt để làm gì? — Khi quạt, ta làm cho không-khí thế nào? — Tại sao quạt máy mát hơn? — Không-khí chuyển động thành gì?

**36**

## BÃO

### Dàn bài

- 1— Đông là gì?
- 2— Lốc là gì?
- 3— Bão là gì?

### Bài học

Gió thời mạnh và mưa to là đông.  
Hai luồng gió mạnh thời ngược chiều gặp nhau tạo thành lốc.

Nhiều luồng gió mạnh, liên-tiếp đồi chiều và mưa to là bão.

### Câu hỏi

— Gió thời mạnh và mưa to là gì? Khi nào có lốc? — Khi nào có bão?

**37****BÀI ÔN CHƯƠNG VI**

*Trả lời những câu hỏi :*

- 1— *Làm cách nào để biết chung quanh ta có không-kì ?*
- 2— *Khi bịt mũi lại, ta thấy thế nào ? — Tại sao nhốt chim trong lọ đậy kín, chim sẽ chết ?*
- 3— *Üp cái ly lên ngọn nến đang cháy, ngọn nến sẽ thế nào ?*  
— Khi ngọn nến sắp tắt, muốn cho ngọn nến lại cháy sáng, ta làm gì ?
- 4— *Tại sao quạt máy mát hơn quạt giấy ? — Không-kì chuyển động thành gì ?*
- 5— *Động là gì ? — Khi nào có lốc ? — Khi nào có bão ?*

**Chương VII****TIẾNG ĐỘNG****38****NHỮNG TIẾNG ĐỘNG CHUNG QUANH TA****Dàn bài**

- 1— Ở chỗ nào cũng có tiếng động.
- 2— Những tiếng động ở thôn-quê và thành-thị.
- 3— Những tiếng động trong rừng, núi và ngoài bãi biển.

**Bài học**

Chung quanh ta chỗ nào cũng có tiếng động.

Ở thôn quê, ta thường nghe tiếng gà gáy, tiếng chó sủa... Ở thành-thị, ta nghe thấy tiếng xe chạy, tiếng còi cảnh-sát, tiếng máy thu thanh...

Trong rừng, núi có tiếng suối chảy, tiếng chim hót... Ngoài bãi biển có tiếng thông reo, tiếng sóng vỗ.

**Câu hỏi**

— Ở thôn-quê có những tiếng động nào ? — Kè vải tiếng động ở thành-thị ? — Trong rừng, núi có tiếng động nào ? — Nơi nào có tiếng thông reo, tiếng sóng vỗ ?

**39****KHI NÀO TA NGHE THẤY TIẾNG ĐỘNG ?****Dàn bài**

- 1— Nhận xét.

2— Ta nghe thấy tiếng động khi nào có vật bị rung-động.

**Bài học**

Ta gảy đàn, dây đàn rung lên mà phát ra tiếng đàn. Ta đánh trống, mặt trống cũng rung lên mà phát ra tiếng trống.

Ta nghe thấy tiếng động khi nào có vật bị rung-động.

**Câu hỏi**

— Khi ta gảy đàn, dây đàn sẽ thế nào ? — Khi nào mặt trống rung lên mà phát ra tiếng trống ? — Khi nào ta nghe thấy tiếng động ?

**40****TẠI SAO TA NGHE THẤY TIẾNG ĐỘNG ?****Dàn bài**

- 1— Nhận xét.

2— Ta nghe thấy tiếng động là nhờ màng nhĩ rung động.

**Bài học**

Thả hòn sỏi vào chậu nước, ta thấy nhiều vòng tròn lan rộng. Nước trong thau bị rung-động.

Tiếng động cũng làm cho không-kì quanh ta rung-động. Không-kì rung-động truyền tới tai ta và làm cho màng nhĩ rung-động theo. Nhờ đó ta nghe được tiếng động..

**Câu hỏi**

— Thả hòn sỏi vào thau nước, ta thấy gì ? — Tiếng động làm cho không-kì quanh ta thế nào ? — Tại sao ta nghe được tiếng động ?

## 41 TIẾNG ĐỘNG ĐI QUA KHÔNG-KHÍ

### Dàn bài

1— Tiếng động làm cho không-khí rung lèn.

2— Tiếng động đi qua không-khí.

### Bài học

Khi có tiếng động, không-khí rung lên, chuyền tiếng động đó tới tai ta.

Tiếng động đi qua không-khí.

### Câu hỏi

— Khi có tiếng động, không-khí thế nào? — Nhờ đâu tiếng động tới tai ta?

## 42 – TIẾNG ĐỘNG ĐI QUA ĐẤT

### Dàn bài

1— Nhận xét.

2— Tiếng động đi qua đất.



### Bài học

Áp tai sát mặt đất, ta sẽ nghe thấy tiếng chân người, tiếng xe cộ ở xa.

Nhận xét trên chứng tỏ tiếng động đã đi qua đất.

### Câu hỏi

— Nằm áp tai sát mặt đất, ta nghe thấy gì? — Nhận xét trên chứng tỏ điều gì?

## 43 – TIẾNG ĐỘNG ĐI QUA GỖ

### Dàn bài

1— Nhận xét.

2— Tiếng động đi qua gỗ.

### Bài học

Trên mặt bàn gỗ, ta đ𝐞 một chiếc đồng-hồ. Áp tai sát mặt bàn, ta nghe thấy tiếng «lích-tắc» của đồng-hồ rõ hơn khi ta ngửng lên.

Nhận xét trên chứng tỏ tiếng động đã đi qua gỗ.

### Câu hỏi

— Đè chiếc đồng-hồ trên mặt bàn gỗ, áp tai sát mặt bàn, ta nghe thấy gì? — Nhận xét trên chứng tỏ điều gì?

## 44 – TIẾNG ĐỘNG ĐI QUA NƯỚC

### Dàn bài

1— Nhận xét.

2— Tiếng động đi qua nước.

### Bài học

Ta áp tai vào miệng lu chứa đầy nước rồi thả một hòn sỏi vào lu. Khi viên sỏi chạm đáy lu, ta nghe rõ tiếng «cạch» vang lên.

Nhận xét trên chứng tỏ tiếng động đã đi qua nước.

### Câu hỏi

— Áp tai vào miệng lu chứa đầy nước, rồi thả viên sỏi vào lu, ta nghe thấy gì? — Nhận xét trên chứng tỏ điều gì?

**45**

## NHỮNG TIẾNG ĐỘNG GIÚP ÍCH CHO TA

### Dàn bài

- 1— Tiếng gà gáy.
- 2— Tiếng chim hót.
- 3— Tiếng chuông đồng hồ.

### Bài học

Có những tiếng động nghe vừa êm tai, vừa giúp ích cho ta.

Tiếng gà gáy báo hiệu trời sắp sáng.

Tiếng chim hót buổi sớm mai nghe như tiếng nhạc.

Tiếng chuông đồng hồ giúp ta biết rõ thời giờ.

### Câu hỏi

- Tiếng gà gáy báo hiệu gì? — Tiếng chim hót buổi sớm mai nghe thế nào? — Tiếng chuông đồng hồ giúp ích gì cho ta?

**46**

## NHỮNG TIẾNG ĐỘNG GIÚP ÍCH CHO TA (tiếp theo)

### Dàn bài

- 1— Tiếng còi cảnh-sát.
- 2— Tiếng còi xe.
- 3— Tiếng máy thu thanh.

### Bài học

Tiếng còi cảnh-sát hướng-dẫn xe cộ lưu-thông.

Tiếng còi xe giúp ta tránh được tai-nạn xe cộ.

Nghe máy thu thanh, ta thường-thức lời ca, tiếng nhạc và biết tin-tức xa gần.

### Câu hỏi

- Tiếng còi cảnh-sát có ích gì? — Tiếng còi xe giúp ta tránh được gì? — Nhờ nghe máy gì, ta biết tin tức xa, gần?

**47**

## BÀI ÔN CHƯƠNG VII

Trả lời những câu hỏi:

- 1— Kè vài tiếng động ở thôn-quê, ở thành thị. — Kè vài tiếng động trong rừng, núi, ngoài bãi biển.
- 2— Khi ta gẩy đàn, dây đàn sẽ thế nào?
- 3— Tiếng động làm cho không-khi quanh ta thế nào? — Khi có một tiếng động, cái gì chuyển tiếng động tới tai ta?
- 4— Làm cách nào để biết tiếng động đi qua đâu?
- 5— Thi-nghiệm nào chứng tỏ tiếng động đi qua gỗ?

## Chương VIII

### NUỚC

**48**

## NƯỚC MƯA

### Dàn bài

- 1— Mây gấp lạnh thành mưa.
- 2— Nước mưa chảy đi đâu?

### Bài học

Trên trời mây gấp lạnh đọng lại rơi xuống thành mưa. Nước mưa chảy xuống hồ, ao, sông, biển; hoặc thấm xuống đất thành mạch nước.

### Câu hỏi

- Mây gấp lạnh thành gì? — Nước mưa một phần chảy đi đâu? — Phần nước mưa thấm xuống đất thành gì?

**49**

## NƯỚC MẠCH — GIỀNG

### Dàn bài

- 1— Nước mạch.
- 2— Cách lấy nước mạch.

### Bài học

Nước mưa thấm qua các lớp đất, cát, sỏi. Tới lớp đất sét, nước mưa đọng lại thành mạch nước. Nước mạch rất trong.

Muốn lấy nước mạch, người ta đào giếng. Giếng phải đào sâu ở chỗ đất cao và sạch thì nước mới tốt.

### Câu hỏi

— Nước mưa thấm qua các lớp đất nào? — Tới lớp đất sét, nước mưa đọng lại thành gì? — Muốn lấy nước mạch, người ta làm thế nào? — Muốn có nước tốt, giếng phải đào ở nơi nào?

**50****SUỐI — KHE — THÁC****Dàn bài**

- 1— Suối.
- 2— Khe.
- 3— Thác.

*Thác nước và khe nước***Bài học**

Trong lòng núi thường có mạch nước ngầm. Mạch nước ngầm từ suôn núi chảy ra gọi là suối.

Dòng nước nhỏ chảy qua các kẽ núi đá gọi là khe.

Nước từ trên cao đồi xuống ầm-ầm gọi là thác.

**Câu hỏi**

— Mạch nước ngầm từ suôn núi chảy ra gọi là gì? — Khe lù dòng nước thế nào? — Nước từ trên cao đồi xuống ầm-ầm gọi là gì?

**51****NƯỚC SUỐI, NƯỚC KHE CÓ UỐNG ĐƯỢC KHÔNG?****Dàn bài**

- 1— Nước suối, nước khe bị nhiễm độc.
- 2— Nước suối, nước khe không uống được.

**Bài học**

Nước suối, nước khe thường độc vì có chứa nhiều chất độc như cây cỏ và xác vật mục rữa.

Vì vậy ta không nên uống nước suối và nước khe.

**Câu hỏi**

— Nước suối, nước khe thường chứa chất gì? — Tại sao ta không nên uống nước suối, nước khe?

**52****SÔNG****Dàn bài**

- 1— Sông bắt nguồn từ núi.
- 2— Nước sông đục và dơ.

**Bài học**

Sông bắt nguồn từ núi. Nhiều dòng suối họp lại thành sông con. Các sông con chảy vào sông cái. Sông cái chảy ra biển.

Nước sông thường đục và có nhiều chất dơ. Ta không nên uống nước sông nếu chưa lọc và nấu cho kỹ.

**Câu hỏi**

— Sông bắt nguồn từ đâu? — Nhiều dòng suối họp thành gì? — Các sông con chảy vào sông nào? — Tại sao ta không nên uống nước sông?

**53****ÍCH-LỢI CỦA SÔNG****Dàn bài**

- 1— Sông giúp ích cho sự di lại.
- 2— Sông giúp ích cho dân chài và nhà nông.

**Bài học**

Sông giúp tàu, thuyền qua lại dễ-dàng.

Dân chài đánh cá ở sông để sinh-sống. Nhà nông thường lấy nước sông vào ruộng để cày cấy và trồng-trọt.

**Câu hỏi**

— Trên sông tàu, thuyền qua lại thế nào ? — Dân chài đánh cá ở đâu để sinh-sống ? — Nhà nông lấy nước sông để làm gì ?

**54****BIỂN****Dàn bài**

- 1— Biển là gì ?
- 2— Ích lợi của biển.

**Bài học**

Biển là một vùng nước rộng mênh-mênh. Nước biển màu xanh, có vị mặn.

Trên mặt biển tàu, thuyền qua lại. Dân miền biển thường sống về nghề đánh cá và làm muối.

**Câu hỏi**

— Biển là gì ? — Nước biển màu gì ? — Nước biển có vị thế nào ? — Trên mặt biển có gì qua lại ? — Dân miền biển thường sống về nghề gì ?

**55****BỜ BIỂN — BÃI BIỂN****Dàn bài**

- 1— Bờ biển.
- 2— Bãi biển.

**Bài học**

Bờ biển giáp đồng bằng thì bằng phẳng. Bờ biển giáp núi thì gồ-ghề, lởm-chởm.

Những nơi bờ biển thấp có bãi cát thoai-thoái, gọi là bãi biển. Người ta ra bãi biển để tắm và ngắm biển.

**Câu hỏi**

— Bờ biển giáp đồng bằng thì thế nào ? — Bờ biển giáp núi thì ra sao ? — Những bãi cát thoai-thoái ở bờ biển gọi là gì ? — Người ta ra bãi biển để làm gì ?

**56****BÀI ÔN CHƯƠNG VIII**

Trả lời những câu hỏi :

- 1— Tại sao có mưa ? — Phần nước mưa thẩm xuống đất đọng lại thành gì ?
- 2— Muốn lấy nước mạch, người ta làm thế nào ?
- 3— Mạch nước ngầm từ sườn núi chảy ra gọi là gì ? — Đồng nước nhỏ chảy qua các kẽ đá gọi là gì ?
- 4— Nước suối, nước khe thế nào ? — Tại sao ta không nên uống nước suối, nước khe ?
- 5— Sông bắt nguồn từ đâu ? — Sông có những ích lợi nào ?
- 6— Biển là gì ? — Dân miền biển thường sống về nghề gì ?
- 7— Nơi bờ biển thấp có bãi cát thoai-thoái gọi là gì ?

## MỤC-LỤC

### Vệ-Sinh

#### Chương I – VỆ SINH VỀ THÂN-THÈ

- 1— Thân-thè sạch-sẽ
- 2— Nên dùng xà-bông
- 3— Cách gội đầu
- 4— Cách rửa mặt
- 5— Cách đánh răng
- 6— Giữ tay sạch
- 7— Bài trứ các thói quen trái vệ-sinh
- 8— Cách ngồi viết cho khỏi hại ngực
- 9— Cách đọc sách cho khỏi hại mắt

#### Chương II – VỆ SINH VỀ QUẦN ÁO

- 10— Quần áo gọn-gàng
- 11— Quần áo sạch-sẽ
- 12— Giữ sạch quần áo
- 13— Nên dùng khăn tay
- 14— Cách giặt khăn tay

#### Chương III – VỆ-SINH VỀ ĂN UỐNG

- 15— Cách ăn uống
- 16— Rửa tay trước và sau khi ăn
- 17— Ăn đúng bữa, không ăn quá vặt
- 18— Đừng ăn đồ nóng quá hoặc lạnh quá
- 19— Đừng ăn trái cây xanh
- 20— Không nên uống nước hồ, ao
- 21— Nước uống phải đun sôi, đây cần thận

#### Chương IV – VỆ-SINH VỀ LỚP HỌC VÀ NHÀ TRƯỜNG

- 22— Giữ sạch-vỏ sạch
- 23— Phòng học phải sạch-sẽ
- 24— Phòng học phải thoáng khí
- 25— Tép lau bảng nhô
- 26— Quét bụi
- 27— Lau cửa
- 28— Lau chùi bàn ghế
- 29— Giữ-gìn sân trường sạch-sẽ
- 30— Giữ nhà tiều sạch-sẽ
- 31— Đì tiêu, đì tiêu đúng chỗ
- 32— Học ôn

## Chương I

### VỆ-SINH VỀ THÂN-THÈ

1

#### THÂN-THÈ SẠCH-SẼ

##### Danh bài

- 1— Thân-thè phải sạch-sẽ.
- 2— Cách giữ thân-thè sạch-sẽ.

##### Bài học

Thân-thè có sạch-sẽ thì người mới khoẻ-mạnh, ít đau yếu.

Muốn giữ thân-thè sạch-sẽ, ta phải tắm rửa hằng ngày bằng xà-bông và thay quần áo luôn.

##### Câu hỏi

— Thân-thè sạch-sẽ có lợi gì ? — Muốn giữ thân-thè sạch-sẽ ta phải làm thế nào ?



Dùng xà-bông tắm rửa cho sạch sẽ

## 2 NÊN DÙNG XÀ-BÔNG

### Dàn bài

- 1— Đặc-tính của xà-bông.
- 2— Công-dụng của xà-bông.

### Bài học

Xà-bông có thè tẩy sạch những vết dơ-bẩn. Nó còn làm tan được các chất nhờn như mồ-hôi, dầu mỡ v.v...

Xà-bông dùng để tắm rửa và giặt quần áo

### Câu hỏi

— Xà-bông tẩy được những chất gì? — Xà-bông còn làm tan được những chất gì? — Xà-bông dùng để làm gì?



## 3 CÁCH GỘI ĐẦU

### Dàn bài

- 1— Cách gội đầu.
- 2— Nặng gội đầu có lợi.

### Bài học

Muốn gội đầu ta nhúng tóc vào nước xát xà-bông rồi vò đầu cho thực kỹ, xong dùng nước sạch mà dội cho thực hết xà-bông.

Nặng gội đầu không có chí và tránh được bệnh chốc đầu.

### Câu hỏi

— Gội đầu luôn có lợi gì? — Ta nên gội đầu bằng gì? — Ta có thè dùng gì để gội đầu?

## 4 CÁCH RỬA MẶT

### Dàn bài

- 1— Đồ dùng để rửa mặt.
- 2— Cách rửa mặt.

### Bài học

Ta phải rửa mặt hàng ngày. Ta rửa mặt bằng khăn riêng, xà-bông và nước sạch.

Khi rửa mặt, ta phải kỹ cọ tai, cổ, gáy, mặt mũi.

### Câu hỏi

— Vì sao ta phải rửa mặt luôn? — Ta rửa mặt bằng gì? — Khi rửa mặt ta phải kỹ cọ những chỗ nào?

## 5 CÁCH ĐÁNH RĂNG

### Dàn bài

- 1— Cách đánh răng.
- 2— Đánh răng có lợi.

### Bài học

Khi đánh răng, ta dùng bàn chải và thuốc đánh răng hoặc muối tán nhỏ. Đánh răng xong, ta phải súc miệng bằng nước sạch.

Nắng đánh răng thì răng khỏi sún và bị sâu.

### Câu hỏi

— Vì sao ta phải đánh răng hằng ngày? — Ta dùng gì để đánh răng? — Đánh răng xong, ta phải làm gì?

## 6 GIỮ TAY SẠCH

### Dàn bài

1— Cần phải giữ tay cho sạch.

2— Cách giữ tay cho sạch.

### Bài học

Tay dùng để đưa thức ăn vào miệng, do đó vi-trùng có thể lọt vào cơ-thè ta được. Vì vậy, ta phải giữ tay cho thật sạch.

Muốn giữ tay cho sạch, ta phải cắt móng tay và rửa tay luôn bằng xà-bông và nước sạch.

### Câu hỏi

— Vì sao ta phải giữ tay cho sạch? — Muốn giữ tay cho sạch, ta phải làm thế nào?

## 7 BÀI TRỪ CÁC THÓI QUEN TRÁI VỆ-SINH

### Dàn bài

1— Các thói quen trái vệ-sinh.

2— Cần phải bài trừ các thói quen xấu đó.

### Bài học

Thẩm nước miếng vào đầu ngón tay mà lật sách, vào cục tẩy đè tẩy, ngâm và cắn quản búf là những thói quen trái vệ-sinh.

Các thói quen xấu đó giúp cho vi-trùng dễ xâm-nhập cơ-thè. Ta phải triệt để bài trừ những thói quen xấu đó.

### Câu hỏi

— Kẽ những thói quen trái vệ-sinh? — Những thói quen đó có hại gì?



## 8 CÁCH NGỒI VIẾT CHO KHỎI HẠI NGỰC

### Dàn bài

1— Cách ngồi viết.

2— Ngồi viết không đúng cách có hại.

### Bài học

Khi viết phải ngồi ngay-ngắn, không tì ngực vào cạnh bàn và không cúi mặt sát vở.

Ngồi viết không đúng cách sẽ hại ngực và dễ bị cận-thị.

### Câu hỏi

— Ngồi viết thế nào mới đúng cách và hợp vệ-sinh? — Ngồi viết không đúng cách có hại thế nào?

### Dàn bài

## 9 CÁCH ĐỌC SÁCH CHO KHỎI HẠI MẮT

- 1— Cách đọc sách.
- 2— Đọc sách không đúng cách có hại cho mắt.

### Bài học

Khi đọc sách ta phải đ𝐞 sách vừa tầm mắt, không gần quá mà cũng không xa quá.

Ta không nên đọc sách ở chỗ sáng quá hoặc tối quá, đọc sách không đúng cách sẽ có hại cho mắt.

### Câu hỏi

- Khi đọc nên đ𝐞 sách thế nào? — Ta nên tránh đọc sách ở những chỗ nào? — Ngồi đọc sách không đúng cách có hại thế nào?

## 10 QUẦN ÁO GỌN-GÀNG

### Dàn bài

- 1— Phải mặc quần áo gọn-gàng.
- 2— Quần áo chật hẹp quá có hại.

### Bài học

Học-sinh mặc đồng-phục gọn-gàng vừa đẹp mắt, lại cù-động được dễ-dàng,

Mặc quần-áo chật-quá, khiến cho máu khó lưu thông.

### Câu hỏi

- Mặc quần áo gọn-gàng có lợi gì? — Mặc quần áo chật có hại gì?

### 11 QUẦN ÁO SẠCH-SẼ

### Dàn bài

- 1— Quần áo dơ-bẩn có hại cho sức-khoẻ.
- 2— Phải mặc quần áo sạch-sẽ.

### Bài học

Mặc quần áo dơ-bẩn thường hay có rận và dễ mắc bệnh ghè.

Mặc quần áo sạch, người sẽ được thoái-mái, dễ chịu và tránh được nhiều bệnh-tật.

### Câu hỏi

- Mặc quần áo dơ-bẩn có hại gì? — Mặc quần áo sạch có lợi gì?

## 12 GIỮ QUẦN ÁO SẠCH-SẼ

### Dàn bài

- 1— Giữ quần áo cho sạch-sẽ.
- 2— Giặt quần áo bằng xà-bông.

### Bài học

Muốn giữ quần áo sạch-sẽ, ta phải nănɡ tắm rửa và thay quần áo luôн. Ta không được chùi tay bàn vào quần áo và không ngồi lê-la dưới đất.

Quần áo thay ra phải giặt ngay bằng xà-bông và phơi ra nắng cho thơm-tho.

### Câu hỏi

- Muốn giữ quần áo cho sạch-sẽ ta phải làm thế nào? — Quần áo thay ra phải giặt bằng gì? — Vì sao phải phơi quần áo ra nắng?

## 13

### NÊN DÙNG KHĂN TAY

#### Dàn bài

- 1— Khăn tay tiện lợi.
- 2— Không dùng khăn tay chung.

#### Bài học

**Khăn tay nhỏ, gọn có thể bỏ túi được; dùng để lau mồ-hôi, lau miệng, hì mũi v.v...**

Ta không nên dùng chung khăn tay với người khác vì dễ lây bệnh.



*Ngoài mũi và hì mũi bằng khăn sa*

#### Câu hỏi

- Ta dùng khăn tay để làm gì? — Vì sao phải nén giặt khăn? — Tại sao ta không nên dùng chung khăn tay với người khác?

## 14

### CÁCH GIẶT KHĂN TAY

#### Dàn bài

- 1— Khăn tay chống dơ-bẩn.
- 2— Cách giặt khăn tay.

#### Bài học

**Khăn tay mau dơ nên phải giặt hàng ngày.**

Muốn giặt, ta xát xà-bông vào khăn rồi vò cho thật kỹ. Sau khi xả nước ta vắt khăn cho ráo nước rồi đem phơi nắng.

#### Câu hỏi

- Tại sao khăn tay chống dơ-bẩn? — Ta nên giặt khăn tay bằng gì? — Giặt khăn xong, ta phải làm gì?

## Chương III

### VỆ-SINH VỀ ĂN UỐNG

## 15

### CÁCH ĂN UỐNG

#### Dàn bài

- 1— Ăn uống điều độ.
- 2— Khi ăn nên nhai kỹ.

#### Bài học

**Ăn uống có chứng mực, điều độ thì sự tiêu-hóa dễ-dàng, thân-thể khoẻ-mạnh.**

Ta nên ăn thong-thả và nhai kỹ cho khỏi bị đau bao-tử (đạ-dầy).

#### Câu hỏi

- Ăn uống chứng-mực, có lợi gì? — Vì sao phải ăn thong-thả và nhai kỹ?

## 16

### RỬA TAY TRƯỚC VÀ SAU KHI ĂN

#### Dàn bài

- 1— Rửa tay trước khi ăn.
- 2— Rửa tay sau khi ăn.

*Rửa tay sạch sẽ trước và sau khi ăn*



### Bài học

Trước khi ăn, ta phải rửa tay bằng nước sạch và xà-bông. Như thế bụi-bậm, vi-trùng không theo đồ ăn vào cơ-thè ta được.

Sau khi ăn, ta cũng phải rửa tay cho hết mùi mắm muối, hành tỏi v.v...

### Câu hỏi

— Trước khi ăn ta phải rửa tay bằng gì? — Như thế ta sẽ tránh được điều tai-hại gì? — Tại sao ăn xong ta phải rửa tay?

**17**

## ĂN ĐÚNG BỮA, KHÔNG ĂN QUÀ VẶT

### Dàn bài

- 1— Ăn quà vặt có hại.
- 2— Ăn đúng bữa rất tốt.

### Bài học

Người hay ăn quà vặt, khi đến bữa, ăn mất ngon.

Vậy, ta nên ăn đúng bữa cho ngon miệng và để sự tiêu-hoa được dễ-dàng. Nhờ vậy, cơ-thè mới khoẻ-mạnh, ít bệnh-tật.

### Câu hỏi

— Hay ăn quà vặt có hại gì? — Ăn đúng bữa có lợi như thế nào?

**18**

## ĐỪNG ĂN ĐỒ NÓNG QUÁ HOẶC LẠNH QUÁ

### Dàn bài

- 1— Ăn đồ ăn nóng có hại.
- 2— Ăn đồ ăn lạnh có hại.

### Bài học

Đồ ăn thức uống quá nóng dễ làm phỏng miệng giập lưỡi khiến ta ăn mất ngon.

Đồ ăn quá lạnh như cà-rem, đá nhện, nước đá dùng nhiều dễ bị hú răng.

Vậy ta không nên dùng đồ ăn nóng quá hoặc lạnh quá.



Đừng ăn uống nóng quá hay cay quá

### Câu hỏi

— Đồ ăn thức uống nóng quá có hại thế nào? — Tại sao không nên ăn nhiều cà-rem và uống nước đá?

**19**

## ĐỪNG ĂN TRÁI CÂY XANH

### Dàn bài

- 1— Ăn trái cây xanh có hại.
- 2— Ăn trái cây chín có nhiều sinh-tố, rất bò.

### Bài học

Ăn trái cây xanh, vừa chua, vừa chát lại còn hại răng và bao-tử. Đôi khi, trái xanh làm ta đau bụng và đi tiêu chảy.

Trái chín có nhiều sinh-tố nên rất bò. Ta chỉ nên ăn trái cây chín.

### Câu hỏi

— Trái cây xanh có vị thế nào? — Ăn trái cây xanh có hại gì? — Vì sao trái chín bò?

**20**

## KHÔNG NÊN UỐNG NƯỚC HỒ, AO

### Dàn bài

- 1— Nước hồ, ao dơ-bần, nhiều vi-trùng.
- 2— Ta không nên uống nước hồ, ao.

### Bài học

Nước hồ, ao dơ-bàn, chứa nhiều vi-trùng. Uống nước hồ, ao ta dễ mắc các chứng bệnh nguy-hiểm như kiết-ly, dịch-tả v.v...

Ta không nên uống nước hồ, ao để cơ-thể được khỏe mạnh.

### Câu hỏi

— Nước hồ, ao thế nào? — Vì sao ta không nên uống nước hồ, ao?

## 21 NƯỚC UỐNG PHẢI ĐUN SÔI, ĐẬY CẦN-THẬN

### Dàn bài

- 1— Nước uống phải đun sôi.
- 2— Nước uống phải dày kỹ.

### Bài học

Nước uống phải đun sôi cho chết hết vi-trùng.

Nước chưa dùng hết phải đồ vào chai dày kín để tránh bụi-bặm.

### Câu hỏi

— Tại sao nước uống phải đun sôi? — Nước đun chưa dùng hết ta phải đồ vào đâu? — Tại sao ta cần dày kín chai nước?

## Chương IV

### VỆ-SINH VỀ LỚP HỌC VÀ NHÀ TRƯỜNG

## 22 GIỮ SÁCH VỎ SẠCH-SẼ

### Dàn bài

- 1— Bao sách vỏ.
- 2— Cắt giữ sách vỏ.

### Bài học

Muốn cho sách-vỏ sạch-sẽ, ta phải bao và dán nhãn cho cần-thận. Khi học xong, ta phải cắt vào tủ hoặc vào cặp.

### Câu hỏi

— Tại sao ta phải bao sách vỏ? — Khi học xong, ta phải cắt sách vỏ vào đâu?

## 23

## PHÒNG HỌC PHẢI SẠCH-SẼ

### Dàn bài

- 1— Phòng học sạch-sẽ giúp ích nhiều cho thầy, trò.
- 2— Giữ phòng học sạch.

### Bài học

Phòng học có sạch-sẽ thì học-hành mới thoải-mái và thầy trò mới khỏe-mạnh, vui-tươi.

Muốn cho phòng học sạch ta phải quét dọn hàng ngày; không được xả rác hay khác nhò xuống sàn lớp.

### Câu hỏi

— Ngồi học trong một phòng sạch-sẽ ta thấy thế nào?  
— Ta phải làm gì để giữ cho phòng học sạch?

## 24

## PHÒNG HỌC PHẢI THOÁNG-KHÍ

### Dàn bài

- 1— Phòng học phải thoáng-khí.
- 2— Nên mở rộng các cửa lớp.

### Bài học

Phòng học phải thoáng thì mới đủ không-khí để thở. Nhờ vậy, thầy trò khỏe-mạnh và học-hành mới mau tiến-bộ.

Muốn vậy, phòng học cần phải rộng và có nhiều cửa. Cửa mở rộng để phòng học luôn luôn được thoáng-khí.

### Câu hỏi

— Vì sao phòng học phải thoáng khí? — Phòng học thoáng khí phải thế nào?

## 25 TẬP LAU BẢNG NHỎ

### Dàn bài

- 1— Không lau bảng nhỏ bằng tay hay giấy.
- 2— Phải lau bảng bằng khăn ấm.

### Bài học

Lau bảng nhỏ bằng tay hay bằng giấy làm cho bụi phấn bay lên. Như vậy có hại cho sức khoẻ.

Ta phải lau bảng nhỏ bằng khăn ấm. Sau giờ học, ta phải rửa tay cho sạch -sẽ.

### Câu hỏi

— Lau bảng nhỏ bằng tay hay giấy có hại gì? — Ta phải dùng gì để lau bảng nhỏ? — Dùng bảng nhỏ xong, ta phải làm gì cho tay sạch?

## 26 QUÉT BỤI

### Dàn bài

- 1— Quét bụi hằng ngày cho sạch.
- 2— Cách quét bụi.

### Bài học

Hàng ngày, ta phải quét bụi sàn lớp và hàng ba (hiên) cho sạch-sẽ

Trước khi quét bụi, ta phải vầy nước cho bụi khỏi bay lên. Ta quét nhẹ tay và thong-thả bằng chổi cán dài.

### Câu hỏi

— Vì sao phải quét bụi sàn lớp và hàng ba luôn? — Trước khi quét bụi ta nên làm gì? — Ta nên quét bụi như thế nào?

## 27 LAU CỬA

### Dàn bài

- 1— Lau cửa cho sạch.
- 2— Cách lau cửa.

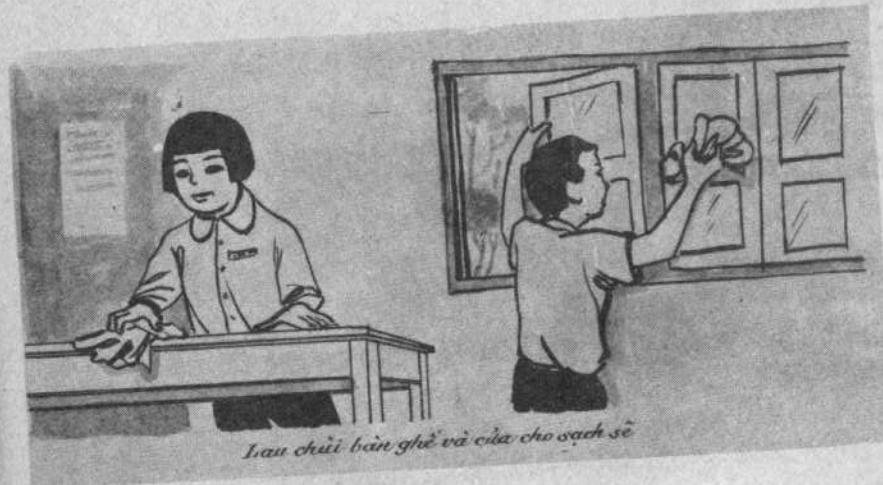
### Bài học

Cửa ra vào và cửa sổ của phòng học phải được lau chùi luôn cho sạch-sẽ và đẹp mắt.

Muốn lau cửa ta phải dùng khăn ướt. Ta không nên dùng chổi lông gà để quét bụi. Như vậy, bụi sẽ bay lên khắp nơi, có hại cho sức khoẻ.

### Câu hỏi

— Vì sao ta phải lau chùi cửa phòng học luôn? — Lau chùi cửa thế nào mới hợp vệ-sinh? — Vì sao không nên dùng chổi lông gà để quét bụi ở cửa?



## 28 LAU CHÙI BÀN GHẾ

### Dàn bài

- 1— Phải lau chùi bàn ghế cho sạch.
- 2— Cách lau chùi bàn ghế.

**Bài học**

Bàn ghế trong phòng học phải được lau chùi luôn cho sạch.

Ta nên lau chùi bàn ghế bằng khăn ướt. Sau đó, ta dùng khăn khô lau lại một lần nữa.

**Câu hỏi**

- Muốn bàn ghế được sạch luôn, ta phải làm thế nào ?
- Ta lau chùi bàn ghế cách nào ?

## 29 GIỮ-GÌN SÂN TRƯỜNG SẠCH-SE

**Dàn bài**

- 1— Sân trường cần phải sạch-sẽ.
- 2— Cách giữ sạch sân trường.

**Bài học**

Sân trường cần phải giữ cho sạch-sẽ

Vậy ta không được xả rác ra sân. Nếu thấy rác ta phải lượm liền và bỏ vào thùng có nắp đậy.

**Câu hỏi**

- Tại sao ta không nên xả rác ra sân ? — Khi thấy sân trường có rác ta nên làm thế nào ?

## 30 GIỮ NHÀ TIÊU SẠCH-SE

**Dàn bài**

- 1— Dội nước sau khi đi tiêu, đi tiểu.
- 2— Không vứt giấy bừa bãi, không vẽ bẩn.

**Bài học**

Khi đi tiêu, đi tiểu xong, ta phải dội nước ngay để mùi hôi thói khỏi xông lên.

Ta phải bỏ giấy dơ vào thùng và không được vẽ bậy lên tường nhà tiêu.

**Câu hỏi**

— Khi đi tiêu, đi tiểu xong ta phải làm gì ? — Ta bỏ giấy dơ vào đâu ? — Tại sao ta không được vẽ bậy lên tường nhà tiêu ?

## 31 ĐI TIÊU, ĐI TIỀU BÚNG CHỖ

**Dàn bài**

- 1— Đi tiêu, đi tiểu vào hố tiêu.
- 2— Không được tiêu tiểu bừa-bãi.

**Bài học**

Ta phải đi tiêu, đi tiểu vào hố tiêu rồi dội nước ngay.

Ta không được tiêu tiểu bừa-bãi quanh nhà tiêu vì vừa dơ bẩn vừa mất vệ-sinh chung.

**Câu hỏi**

- Ta phải đi tiêu, đi tiểu vào đâu ? — Đi xong ta phải làm gì ? — Ta không được tiêu tiểu bừa bãi ở nơi nào ? Tại sao ?

## 32 HỌC ÔN

- 1— Vì sao cần phải giữ sạch-vở sạch-sẽ ? — Em giữ sạch-vở sạch-sẽ cách nào ?
- 2— Vì sao em không lau bảng nhỏ bằng tay hay giấy ? — Em lau bảng nhỏ cách nào ?
- 3— Vì sao hàng ngày phải quét sàn lớp và hàng ba (hiên) ? — Em quét cách nào cho hợp vệ-sinh ?
- 4— Vì sao phải giữ nhà tiêu sạch ?
- 5— Đi tiêu, đi tiểu không đúng chỗ có hại gì ?

Nơi in : Bích-Lan 161/10 Cô-Giang  
Saigon 2

Ngày phát-hành : 15-2-1974

Số lượng : 4.000 cuốn

Giấy phép tái bản số :  
– 4638/PTUDV/KSALP/TP.  
ngày 16-11-1973

GIÁ 280đ.